

Số: *22* /2017/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày *29* tháng *8* năm 2017

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế-xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *17* tháng *10* năm 2017.

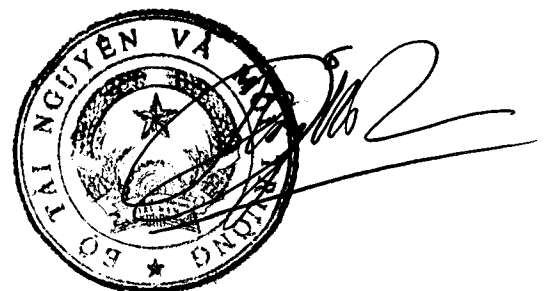
Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Kiên Giang;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐĐBĐVN, NT

Ch *22* *12/10/17*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Hoa

DANH MỤC ĐỊA DANH

**DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22 /2017/TT-BTNMT
ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của từng nhóm đối tượng địa lý, gồm: dân cư, kinh tế - xã hội, thủy văn, sơn văn; các đơn vị hành chính cấp xã gồm: thị trấn, xã; các đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thành phố, thị xã và các huyện. Trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: “TT.” là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: “TP.” là chữ viết tắt của “thành phố”; “TX.” là chữ viết tắt của “thị xã” “H.” là chữ viết tắt của “huyện”;

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 sử dụng để thống kê địa danh.

f) Địa danh trong ngoặc đơn (.) là địa danh trên bản đồ đính kèm Hiệp ước, Hiệp định và Nghị định thư phân giới cắm mốc.

Phần II

**DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KIÊN GIANG**

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Rạch Giá	3
2	Thị xã Hà Tiên	13
3	Huyện An Biên	17
4	Huyện An Minh	29
5	Huyện Châu Thành	47
6	Huyện Giang Thành	63
7	Huyện Giồng Riềng	70
8	Huyện Gò Quao	101
9	Huyện Hòn Đất	118
10	Huyện Kiên Lương	141
11	Huyện Tân Hiệp	149
12	Huyện U Minh Thượng	160
13	Huyện Vĩnh Thuận	174

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Khu phố 1	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 37"	105° 07' 27"					C-48-55-A-a
Khu phố 2	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 44"	105° 06' 53"					C-48-55-A-a
Khu phố 3	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 25"	105° 06' 42"					C-48-55-A-a
Khu phố 4	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 54"	105° 06' 39"					C-48-55-A-a
Khu phố 5	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 58' 09"	105° 06' 47"					C-48-55-A-a
Khu phố 6	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 58' 30"	105° 06' 40"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 80	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
cầu An Hoà	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 58' 16"	105° 06' 29"					C-48-55-A-a
cầu Rạch Sỏi	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 29"	105° 07' 06"					C-48-55-A-a
chùa Hưng An Tự	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 19"	105° 06' 47"					C-48-55-A-a
đỉnh An Hoà	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 58' 18"	105° 06' 31"					C-48-55-A-a
đường Nguyễn Trung Trực	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	10° 00' 31"	105° 04' 58"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Cái Sắn	TV	P. An Bình	TP. Rạch Giá			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Điều Hành	TV	P. An Bình	TP. Rạch Giá			9° 58' 19"	105° 07' 41"	9° 57' 48"	105° 06' 35"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Ông Hiên	TV	P. An Bình	TP. Rạch Giá			9° 59' 06"	105° 06' 18"	9° 57' 07"	105° 06' 43"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiên	TV	P. An Bình	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
Khu phố 1	DC	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 59' 10"	105° 06' 06"					C-48-55-A-a
Khu phố 2	DC	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 58' 45"	105° 06' 18"					C-48-55-A-a
Khu phố 3	DC	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 58' 42"	105° 06' 11"					C-48-55-A-a
Khu phố 4	DC	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 58' 20"	105° 06' 17"					C-48-55-A-a
Khu phố 5	DC	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 58' 26"	105° 05' 53"					C-48-55-A-a
Khu phố 6	DC	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 57' 38"	105° 06' 16"					C-48-55-A-a
Khu phố 7	DC	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 57' 08"	105° 06' 33"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 80	KX	P. An Hoà	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-a
cầu An Hoà	KX	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 58' 16"	105° 06' 29"					C-48-55-A-a
chùa Huyền Linh Đền	KX	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 57' 08"	105° 06' 36"					C-48-55-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
chùa Môn Quan	KX	P. An Hoà	TP. Rạch Giá	9° 59' 22"	105° 06' 00"					C-48-55-A-a
đường Ngô Quyền	KX	P. An Hoà	TP. Rạch Giá			9° 58' 15"	105° 06' 27"	10° 00' 36"	105° 05' 06"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Trung Trực	KX	P. An Hoà	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	10° 00' 31"	105° 04' 58"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. An Hoà	TP. Rạch Giá			9° 59' 00"	105° 05' 15"	9° 59' 28"	105° 06' 07"	C-48-55-A-a
kênh Cái Sắn	TV	P. An Hoà	TP. Rạch Giá			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiền	TV	P. An Hoà	TP. Rạch Giá			9° 59' 06"	105° 06' 18"	9° 57' 07"	105° 06' 43"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiền	TV	P. An Hoà	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-55-A-a
Khu phố 1	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 17"	105° 07' 03"					C-48-55-A-a
Khu phố 2	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 09"	105° 06' 48"					C-48-55-A-a
Khu phố 3	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 09"	105° 07' 15"					C-48-55-A-a
Khu phố 6	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 56' 56"	105° 07' 02"					C-48-55-A-a
Khu phố 7	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 56' 37"	105° 06' 45"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 61	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
Quốc lộ 80	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-a
cầu Rạch Sỏi	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 29"	105° 07' 06"					C-48-55-A-a
chùa An Hoà	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 03"	105° 06' 41"					C-48-55-A-a
chùa Bửu Ngọc	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 02"	105° 06' 50"					C-48-55-A-a
chùa Ông Địa	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 56' 24"	105° 06' 53"					C-48-55-A-a
đường Mai Thị Hồng Hạnh	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			9° 57' 28"	105° 07' 07"	9° 56' 34"	105° 07' 42"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Cái Sắn	TV	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Tà Niên	TV	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			9° 57' 07"	105° 06' 43"	9° 56' 23"	105° 06' 50"	C-48-55-A-a
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 18"	105° 04' 57"					C-48-43-C-c
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 33"	105° 05' 12"					C-48-43-C-c
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 18"	105° 05' 13"					C-48-55-A-a
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 27"	105° 05' 08"					C-48-43-C-c
Khu phố 5	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 13"	105° 05' 06"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
di tích lịch sử Chùa Sắc Tứ Tam Bảo	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 16"	105° 05' 15"					C-48-43-C-c
di tích lịch sử Mộ Huỳnh Mẫn Đạt	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 26"	105° 04' 59"					C-48-43-C-c
đường Ngô Quyền	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			9° 58' 15"	105° 06' 27"	10° 00' 36"	105° 05' 06"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Trung Trực	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	10° 00' 31"	105° 04' 58"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Ông Hiền	TV	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá-Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
khu phố Dây Ốc	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	10° 01' 23"	105° 05' 55"					C-48-55-A-b
khu phố Phi Kinh	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	9° 59' 37"	105° 06' 06"					C-48-55-A-b
khu phố Thông Chũr	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	10° 00' 34"	105° 05' 17"					C-48-55-A-b
khu phố Vĩnh Phát	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	10° 00' 14"	105° 05' 28"					C-48-55-A-b
khu phố Vĩnh Viễn	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	9° 58' 35"	105° 07' 09"					C-48-55-A-b
chùa Phước Thạnh	KX	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	10° 00' 18"	105° 05' 29"					C-48-43-C-c
kênh Dây Ốc	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 01' 40"	105° 06' 13"	10° 00' 22"	105° 06' 52"	C-48-43-C-c
kênh Đòn Đông	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiền	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Rạch Chát 2	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			9° 59' 09"	105° 07' 34"	9° 58' 41"	105° 06' 49"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Rạch Lác	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 06' 42"	10° 00' 41"	105° 06' 42"	C-48-43-C-c
kênh Vành Đai	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 01' 08"	105° 05' 28"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá-Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	10° 00' 01"	105° 05' 27"					C-48-55-A-a
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 55"	105° 05' 39"					C-48-55-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 38"	105° 05' 48"					C-48-55-A-a
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 48"	105° 05' 23"					C-48-55-A-a
Khu phố 5	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 25"	105° 05' 43"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
Bệnh viện Y Học Cổ Truyền Tỉnh Kiên Giang	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 48"	105° 05' 36"					C-48-55-A-a
chùa Bửu Khánh	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 16"	105° 05' 47"					C-48-55-A-a
Đài Phát thanh Kiên Giang	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 40"	105° 05' 44"					C-48-55-A-a
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Láng Cát	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	10° 00' 01"	105° 05' 33"					C-48-55-A-a
đường Ngô Quyền	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			9° 58' 15"	105° 06' 27"	10° 00' 36"	105° 05' 06"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Trung Trực	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	10° 00' 31"	105° 04' 58"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			9° 59' 00"	105° 05' 15"	9° 59' 28"	105° 06' 07"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiền	TV	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 30"	105° 07' 28"					C-48-55-A-b
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 44"	105° 08' 27"					C-48-55-A-b
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 11"	105° 07' 34"					C-48-55-A-b
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 56' 57"	105° 07' 45"					C-48-55-A-b
Quốc lộ 61	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
Cầu Quảng	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 52"	105° 08' 01"					C-48-55-A-b
cầu Rạch Sỏi	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 29"	105° 07' 06"					C-48-55-A-a
đường Cách Mạng Tháng 8	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	9° 57' 52"	105° 08' 01"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
đường Mai Thị Hồng Hạnh	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 57' 28"	105° 07' 07"	9° 56' 34"	105° 07' 42"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
sân bay Rạch Giá	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 31"	105° 07' 45"					C-48-55-A-b
tỉnh xá Ngọc Minh	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 56' 53"	105° 07' 30"					C-48-55-A-a
kênh Cái Sắn	TV	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Nông Thôn	TV	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 57' 15"	105° 07' 31"	9° 56' 00"	105° 08' 27"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn	TV	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 55' 16"	105° 14' 14"	9° 57' 48"	105° 07' 50"	C-48-55-A-b
khu phố Đồng Khởi	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 29"	105° 05' 20"					C-48-43-C-c
khu phố Huỳnh Thúc Kháng	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 17"	105° 04' 54"					C-48-43-C-c
khu phố Lê Anh Xuân	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 36"	105° 04' 07"					C-48-43-C-c
khu phố Lý Thái Tổ	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 12"	105° 04' 42"					C-48-43-C-c
khu phố Nam Cao	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 42"	105° 04' 48"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Bình Khiêm	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 00"	105° 05' 03"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Thái Bình	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 38"	105° 04' 35"					C-48-43-C-c
khu phố Quang Trung	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 00"	105° 04' 20"					C-48-43-C-c
khu phố Rạch Giồng	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 06"	105° 04' 06"					C-48-43-C-c
khu phố Võ Trường Toản	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 21"	105° 04' 27"					C-48-43-C-c
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
cầu Số 1	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 38"	105° 05' 18"					C-48-43-C-c
Cầu Suối	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 45"	105° 04' 15"					C-48-43-C-c
chùa Trúc Lâm	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 34"	105° 05' 10"					C-48-43-C-c
cổng Số 1	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 34"	105° 03' 49"					C-48-43-C-c
cổng Số 2	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 24"	105° 03' 15"					C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
di tích lịch sử nghệ thuật Chùa Phật Lớn	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 20"	105° 04' 26"					C-48-43-C-c
đường Mạc Cửu	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 00' 53"	105° 04' 53"	10° 02' 57"	105° 04' 21"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Bình Khiêm	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 00' 53"	105° 04' 23"	10° 01' 21"	105° 05' 22"	C-48-43-C-c
miếu Bà Cây Trôm	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 19"	105° 03' 11"					C-48-43-C-c
Trường Cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Kiên Giang	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 16"	105° 05' 17"					C-48-43-C-c
Kênh 8 Thước	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 02' 49"	105° 04' 08"	10° 01' 47"	105° 04' 18"	C-48-43-C-c
kênh Cầu Sỏi 2	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 02' 59"	105° 04' 22"	10° 02' 17"	105° 03' 00"	C-48-43-C-c
kênh Cầu Suối	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 01' 47"	105° 04' 18"	10° 01' 34"	105° 03' 48"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Tắc Tô	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 01' 47"	105° 04' 18"	10° 02' 41"	105° 03' 48"	C-48-43-C-c
kênh Vàm Trư	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 01' 39"	105° 05' 19"	10° 01' 47"	105° 04' 18"	C-48-43-C-c
khu phố Đông Hồ	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 01' 02"	105° 04' 47"					C-48-43-C-c
khu phố Lê Thị Hồng Gấm	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 01' 07"	105° 05' 05"					C-48-43-C-c
khu phố Lý Thường Kiệt	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 01' 00"	105° 04' 42"					C-48-43-C-c
khu phố Mạc Cửu	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 01' 11"	105° 05' 14"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Công Trứ	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 51"	105° 04' 30"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Trãi	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 55"	105° 05' 02"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Trung Trực	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 54"	105° 04' 45"					C-48-43-C-c
khu phố Võ Thị Sáu	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 59"	105° 04' 53"					C-48-43-C-c
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
chùa Ngọc Sơn	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 59"	105° 05' 02"					C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
di tích lịch sử Đình Nguyễn Trung Trực	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 46"	105° 04' 40"					C-48-43-C-c
đường Mạc Cửu	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 00' 53"	105° 04' 53"	10° 02' 57"	105° 04' 21"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Bình Khiêm	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 00' 53"	105° 04' 23"	10° 01' 21"	105° 05' 22"	C-48-43-C-c
đường Trần Phú	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 00' 38"	105° 05' 05"	10° 01' 04"	105° 04' 44"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá-Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 38"	105° 04' 59"					C-48-43-C-c
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 41"	105° 04' 46"					C-48-43-C-c
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 45"	105° 05' 09"					C-48-43-C-c
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 50"	105° 05' 11"					C-48-43-C-c
Khu phố 5	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 36"	105° 04' 35"					C-48-43-C-c
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Quan Đế	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 44"	105° 04' 58"					C-48-43-C-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà Số 21 Đường Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 38"	105° 05' 00"					C-48-43-C-c
di tích lịch sử Đình Vĩnh Hoà	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 52"	105° 05' 09"					C-48-43-C-c
đường Trần Phú	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 00' 38"	105° 05' 05"	10° 01' 04"	105° 04' 44"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
đường Hàm Nghi	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 00' 39"	105° 04' 41"	10° 00' 43"	105° 05' 01"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Hùng Sơn	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 00' 54"	105° 05' 16"	10° 00' 31"	105° 04' 31"	C-48-43-C-c
kênh Ông Hiền	TV	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá-Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 00"	105° 06' 35"					C-48-43-C-c
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 09"	105° 06' 34"					C-48-43-C-c
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 01' 23"	105° 05' 47"					C-48-43-C-c
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 10"	105° 05' 22"					C-48-43-C-c
Khu phố 5	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 12"	105° 05' 01"					C-48-43-C-c
Khu phố 6	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 03' 20"	105° 04' 57"					C-48-43-C-c
Đường 30 Tháng 4	KX	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 01' 10"	105° 05' 26"	10° 11' 05"	105° 12' 13"	C-48-43-C-c; C-48-43-C-d
cầu Cây Bàng	KX	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 35"	105° 06' 47"					C-48-43-C-c
cầu Cống Đồi	KX	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 01' 41"	105° 06' 11"					C-48-43-C-c
cầu Sáu Nhường	KX	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 13"	105° 06' 37"					C-48-43-C-c
kênh 7 Cây Sao	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 27"	105° 06' 46"	10° 01' 19"	105° 08' 02"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Chín Bông	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 50"	105° 04' 30"	10° 03' 38"	105° 05' 03"	C-48-43-C-c
kênh Dây Ốc	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 01' 40"	105° 06' 13"	10° 00' 22"	105° 06' 52"	C-48-43-C-c
kênh Đập Đá	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 12"	105° 05' 20"	10° 02' 12"	105° 06' 25"	C-48-43-C-c
Kênh Giữa	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 59"	105° 05' 07"	10° 03' 40"	105° 05' 24"	C-48-43-C-c
kênh Năm Liêu	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 41"	105° 06' 21"	10° 02' 50"	105° 04' 29"	C-48-43-C-c
kênh Nước Ngọt	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 25"	105° 06' 44"	10° 01' 16"	105° 05' 29"	C-48-43-C-c
kênh Ông Sur	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 58"	105° 05' 31"	10° 02' 53"	105° 06' 29"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Rau Xanh	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 42"	105° 05' 17"	10° 02' 21"	105° 04' 52"	C-48-43-C-c
kênh Tà Mưa	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 13"	105° 06' 05"	10° 03' 13"	105° 04' 52"	C-48-43-C-c
kênh Tập Đoàn 1	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 55"	105° 06' 08"	10° 02' 14"	105° 06' 02"	C-48-43-C-c
kênh Tập Đoàn 2	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 57"	105° 05' 43"	10° 01' 48"	105° 06' 03"	C-48-43-C-c
kênh Tư Cầu	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 44"	105° 06' 52"	10° 03' 40"	105° 05' 03"	C-48-43-C-c
rạch Dây Heo	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 32"	105° 08' 37"	10° 01' 50"	105° 06' 27"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá-Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
ấp Phú Hoà	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 05' 20"	105° 08' 03"					C-48-43-C-d
ấp Sóc Cung	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 04' 09"	105° 07' 32"					C-48-43-C-c
ấp Tà Keo Ngọn	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 05' 19"	105° 06' 14"					C-48-43-C-c
ấp Tà Keo Vàm	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 03' 53"	105° 06' 42"					C-48-43-C-c
ấp Tà Tây	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 03' 29"	105° 07' 03"					C-48-43-C-c
ấp Trung Thành	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 04' 53"	105° 05' 36"					C-48-43-C-c
Đường 30 Tháng 4	KX	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 01' 10"	105° 05' 26"	10° 11' 05"	105° 12' 13"	C-48-43-C-c; C-48-43-C-d
nhà thờ Chúa Giữa	KX	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 05' 16"	105° 08' 06"					C-48-43-C-d
Kênh 2	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 19"	105° 03' 40"	10° 04' 18"	105° 05' 20"	C-48-43-C-c
Kênh 3	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 56"	105° 04' 13"	10° 05' 24"	105° 05' 47"	C-48-43-C-c
Kênh 5	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 32"	105° 08' 36"	10° 00' 04"	105° 10' 05"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 00"	105° 07' 56"	9° 59' 31"	105° 09' 32"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 21"	105° 07' 41"	10° 03' 29"	105° 09' 54"	C-48-43-C-d
Kênh 6 Thước	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 09"	105° 04' 44"	10° 03' 54"	105° 05' 09"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 6 Thước	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 41"	105° 08' 40"	10° 05' 03"	105° 07' 59"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 35"	105° 09' 28"	10° 04' 57"	105° 08' 15"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 11' 20"	105° 11' 58"	10° 05' 17"	105° 07' 41"	C-48-43-C-d
Kênh 7 Cây Sao	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 27"	105° 06' 46"	10° 01' 19"	105° 08' 02"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Chín Bông	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 50"	105° 04' 30"	10° 03' 38"	105° 05' 03"	C-48-43-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 35"	105° 07' 48"	10° 05' 40"	105° 05' 54"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Năm Đò	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 13"	105° 06' 17"	10° 03' 10"	105° 07' 06"	C-48-43-C-c
kênh Năm Liêu	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 41"	105° 06' 21"	10° 02' 50"	105° 04' 29"	C-48-43-C-c
kênh Ngã Cái	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 49"	105° 04' 55"	10° 06' 23"	105° 05' 37"	C-48-43-C-c
kênh Ô Kê	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 58"	105° 08' 16"	10° 05' 09"	105° 08' 51"	C-48-43-C-d
kênh Quảng Thoại	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 28"	105° 06' 47"	10° 04' 10"	105° 07' 36"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Sóc Suông	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 19"	105° 07' 11"	10° 02' 48"	105° 08' 20"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Sư Chanh	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 57"	105° 06' 30"	10° 04' 41"	105° 05' 30"	C-48-43-C-c
kênh Tà Keo	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 39"	105° 06' 06"	10° 03' 21"	105° 07' 11"	C-48-43-C-c
kênh Tà Keo Mới	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 34"	105° 05' 27"	10° 03' 47"	105° 06' 45"	C-48-43-C-c
kênh Tà Mưa	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 13"	105° 06' 05"	10° 03' 13"	105° 04' 52"	C-48-43-C-c
kênh Thầy Thông	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 28"	105° 09' 51"	10° 06' 41"	105° 06' 21"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 43"	105° 06' 09"	10° 03' 42"	105° 06' 45"	C-48-43-C-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 15"	105° 08' 16"	10° 03' 09"	105° 07' 35"	C-48-43-C-d
kênh Tư Cầu	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 44"	105° 06' 52"	10° 03' 40"	105° 05' 03"	C-48-43-C-c
kênh Xẻo Nổ	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 21"	105° 05' 39"	10° 03' 46"	105° 06' 47"	C-48-43-C-c
rạch Ba Cà Bay	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 12"	105° 04' 48"	10° 04' 48"	105° 04' 54"	C-48-43-C-c
rạch Dầy Heo	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 32"	105° 08' 37"	10° 01' 50"	105° 06' 27"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
rạch Đường Lung	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 55"	105° 05' 39"	10° 03' 35"	105° 06' 02"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá-Long Xuyên	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c; C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Khu phố 1	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 22' 55"	104° 29' 05"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 2	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 08"	104° 29' 03"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 3	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 18"	104° 28' 58"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 4	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 40"	104° 28' 50"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 5	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 26"	104° 28' 37"					C-48-41-B-b+d
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	P. Bình San	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-41-B-b+d
Đường tỉnh 972	KX	P. Bình San	TX. Hà Tiên			10° 23' 05"	104° 28' 41"	10° 24' 47"	104° 28' 12"	C-48-41-B-b+d
di tích thắng cảnh Núi Bình San	KX	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10°23'15"	104°28'54					C-48-41-B-b+d
núi Bình San	SV	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 19"	104° 28' 50"					C-48-41-B-b+d
núi Đê Liêm	SV	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 35"	104° 28' 47"					C-48-41-B-b+d
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	P. Bình San	TX. Hà Tiên			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-41-B-b+d
Khu phố 1	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 01"	104° 29' 17"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 2	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 01"	104° 29' 13"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 3	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 50"	104° 29' 29"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 4	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 34"	104° 28' 57"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 5	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 24' 07"	104° 30' 35"					C-48-42-A-a
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-41-B-b+d
cầu Quốc Phòng	KX	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 24' 15"	104° 32' 26"					C-48-42-A-a
di tích lịch sử Nhà tù Hà Tiên	KX	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 14"	104° 29' 16"					C-48-41-B-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Quốc lộ N1	KX	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
đầm Đông Hồ	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 22' 47"	104° 29' 54"					C-48-41-B-b+d; C-48-42-A-a
đầm Nước Mặn	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 24' 02"	104° 30' 04"					C-48-41-B-b+d
kênh Hà Giang	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Quốc Phòng	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 25' 13"	104° 31' 15"	10° 24' 16"	104° 32' 26"	C-48-42-A-a
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-42-A-a; C-48-41-B-b+d
Khu phố 1	DC	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 22' 56"	104° 28' 51"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 2	DC	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 22' 46"	104° 27' 47"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 3	DC	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 19"	104° 26' 60"					C-48-41-B-b+d
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-41-B-b+d
Đường tỉnh 972	KX	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên			10° 23' 05"	104° 28' 41"	10° 24' 47"	104° 28' 12"	C-48-41-B-b+d
di tích thắng cảnh Mũi Nai	KX	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 04"	104° 26' 35"					C-48-41-B-b+d
gò Tà Poóc	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 46"	104° 26' 55"					C-48-41-B-b+d
núi Dùm Trua (Núi Thom)	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 22' 58"	104° 27' 10"					C-48-41-B-b+d
núi Giếng Tượng (Núi Sré Ambel)	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 20"	104° 27' 48"					C-48-41-B-b+d
núi Pháo Đài	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 22' 44"	104° 28' 51"					C-48-41-B-b+d
núi Tà Bang Lớn (Núi Ta Pang)	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 23"	104° 26' 49"					C-48-41-B-b+d
núi Tà Lu	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 43"	104° 27' 08"					C-48-41-B-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-41-B-b+d
Khu phố 1	DC	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 39"	104° 29' 21"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 2	DC	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 45"	104° 29' 45"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 3	DC	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 21' 54"	104° 29' 47"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 4	DC	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 18"	104° 30' 02"					C-48-42-A-c
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-c; C-48-41-B-b+d
cầu Đền Đỏ	KX	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 25"	104° 30' 42"					C-48-42-A-c
cầu Rạch Vược	KX	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 28"	104° 30' 06"					C-48-42-A-c
núi Bào Sen	SV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 21' 52"	104° 30' 05"					C-48-42-A-c
núi Đại Tô Châu	SV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 21"	104° 29' 49"					C-48-41-B-b+d
núi Tiểu Tô Châu (núi Tô Châu)	SV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 43"	104° 29' 34"					C-48-41-B-b+d
đầm Đông Hồ	TV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 47"	104° 29' 54"					C-48-41-B-b+d; C-48-42-A-a
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-41-B-b+d
ấp Bà Lý (xóm Bà Lý)	DC	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 23"	104° 27' 31"					C-48-41-B-b+d
ấp Mỹ Lộ (xóm Xa Kỳ)	DC	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 25' 14"	104° 27' 48"					C-48-41-B-b+d
ấp Thạch Động	DC	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 39"	104° 28' 27"					C-48-41-B-b+d
ấp Xà Xía	DC	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 59"	104° 27' 51"					C-48-41-B-b+d
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-41-B-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Đường tỉnh 972	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên			10° 23' 05"	104° 28' 41"	10° 24' 47"	104° 28' 12"	C-48-41-B-b+d
cầu Bà Lý	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 39"	104° 27' 58"					C-48-41-B-b+d
chùa Xà Xía	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 29"	104° 27' 54"					C-48-41-B-b+d
Cửa khẩu Quốc tế Hà Tiên	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 25' 34"	104° 27' 10"					C-48-41-B-b+d
di tích thắng cảnh Thạch Động	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 42"	104° 28' 21"					C-48-41-B-b+d
thắng cảnh Núi Đá Dựng	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 25' 49"	104° 28' 36"					C-48-41-B-b+d
núi Bà Lý (Núi Yuôn)	SV	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 12"	104° 27' 10"					C-48-41-B-b+d
núi Bạch Vân	SV	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 53"	104° 28' 26"					C-48-41-B-b+d
núi Địa Tạng	SV	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 37"	104° 28' 40"					C-48-41-B-b+d
ấp Hoà Phẫu	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 20' 00"	104° 31' 22"					C-48-42-A-c
ấp Ngã Tư	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 26"	104° 32' 15"					C-48-42-A-c
ấp Rạch Núi	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 06"	104° 30' 25"					C-48-42-A-c
ấp Rạch Vược	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 35"	104° 29' 58"					C-48-41-B-b+d
ấp Xoa Áo (ấp Soa Áo)	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 19' 23"	104° 32' 02"					C-48-42-A-c
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-c; C-48-41-B-b+d
Quốc lộ N1	KX	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
cầu Đèn Đỏ	KX	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 22' 25"	104° 30' 42"					C-48-42-A-c
núi Bào Sen	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 52"	104° 30' 05"					C-48-42-A-c
Núi Đồn (Núi Dồn)	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 14"	104° 30' 23"					C-48-42-A-c
Núi Đồng	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 20' 38"	104° 32' 00"					C-48-42-A-c
núi Lăng Ông	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 32"	104° 30' 06"					C-48-41-B-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Núi Nhỏ	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 20' 60"	104° 30' 39"					C-48-42-A-c
Núi Nhọn	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 20' 55"	104° 31' 01"					C-48-42-A-c
núi Ông Cọp	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 19' 08"	104° 31' 52"					C-48-42-A-c
núi Xoa Áo (Núi Soa Áo)	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 19' 50"	104° 31' 45"					C-48-42-A-c
kênh Hà Giang	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh K3	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 21' 19"	104° 32' 29"	10° 22' 35"	104° 32' 35"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-c
kênh Rạch Đồng Hoà (rạch Sậy)	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 20' 58"	104° 33' 01"	10° 23' 51"	104° 34' 15"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Vược (rạch Vược)	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 21' 48"	104° 30' 21"	10° 22' 22"	104° 34' 22"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-c
rạch Tam Bản	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 20' 32"	104° 33' 32"	10° 18' 50"	104° 33' 14"	C-48-42-A-c
Rạch Vược(Rạch Ke Tát)	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 21' 21"	104° 30' 12"	10° 22' 29"	104° 30' 42"	C-48-42-A-c
Khu phố 1	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 48' 56"	105° 02' 59"					C-48-55-A-c
Khu phố 2	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 48' 47"	105° 03' 33"					C-48-55-A-c
Khu phố 3	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 49' 04"	105° 03' 48"					C-48-55-A-c
Khu phố 4	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 49' 25"	105° 03' 27"					C-48-55-A-c
Khu phố 5	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 48' 15"	105° 04' 38"					C-48-55-A-c
khu phố Đông Quý	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 48' 17"	105° 02' 57"					C-48-55-A-c
Quốc lộ 63	KX	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-c
Đường tỉnh 966	KX	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 40' 20"	105° 07' 27"	9° 49' 44"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c
chùa SiRiVanSà	KX	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 49' 08"	105° 03' 43"					C-48-55-A-c
kênh Bào Láng	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 46' 02"	105° 02' 52"	9° 49' 13"	105° 02' 07"	C-48-55-A-c
Kênh Đồn	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 47' 32"	105° 03' 57"	9° 47' 36"	105° 04' 39"	C-48-55-A-c
kênh Thầy Cai	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 04"	9° 49' 16"	104° 59' 59"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Ba	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 44' 35"	105° 04' 19"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Hai	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 45' 29"	105° 08' 48"	9° 49' 46"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Thứ Tư	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 46' 17"	105° 03' 09"	9° 52' 47"	104° 58' 39"	C-48-55-A-c
kênh Tư Đương	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 47' 27"	105° 03' 21"	9° 47' 32"	105° 03' 57"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 46' 26"	105° 00' 54"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 48' 59"	105° 03' 36"	9° 51' 47"	105° 06' 38"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Kè	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 46' 32"	105° 03' 25"	9° 50' 19"	105° 02' 45"	C-48-55-A-c
ấp 7 Chợ	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 45' 19"	105° 00' 11"					C-48-55-C-a
ấp Dân Quân	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 47' 00"	104° 59' 56"					C-48-54-B-d+c
ấp Đông Thành	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 46' 18"	105° 00' 51"					C-48-55-A-c
ấp Kinh I	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 45' 18"	105° 03' 40"					C-48-55-C-a
ấp Kinh IA	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 44' 12"	105° 05' 10"					C-48-55-C-a
ấp Kinh Làng	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 43' 04"	105° 03' 27"					C-48-55-C-a
ấp Kinh Làng Đông	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 42' 44"	105° 04' 38"					C-48-55-C-a
ấp Nam Quý	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 46' 54"	105° 01' 28"					C-48-55-A-c
ấp Phú Hường	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 44' 09"	105° 01' 53"					C-48-55-C-a
ấp Phú Lâm	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 43' 59"	105° 02' 42"					C-48-55-C-a
ấp Thành Trung	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 46' 07"	104° 59' 50"					C-48-54-B-d+c
ấp Trung Quý	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 47' 50"	105° 02' 21"					C-48-55-A-c
ấp Trung Xinh	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 46' 33"	104° 59' 07"					C-48-54-B-d+c
Quốc lộ 63	KX	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a
chợ Thứ Bảy	KX	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 45' 31"	105° 00' 05"					C-48-55-A-c
Kênh 50	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 43"	105° 03' 52"	9° 44' 23"	105° 07' 35"	C-48-55-C-a
Kênh 500	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 04"	105° 03' 44"	9° 43' 40"	105° 02' 31"	C-48-55-C-a
Kênh 1000	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 53"	105° 04' 00"	9° 43' 29"	105° 02' 48"	C-48-55-C-a
Kênh 3000	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 50' 14"	105° 07' 37"	9° 44' 31"	105° 01' 17"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Bào Hang	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 47' 03"	105° 01' 34"	9° 50' 00"	105° 00' 32"	C-48-55-A-c
kênh Bào Láng	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 02"	105° 02' 52"	9° 49' 13"	105° 02' 07"	C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Bảy Biển	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 47' 07"	104° 59' 55"	9° 50' 55"	104° 56' 18"	C-48-54-B-d+c
kênh Bảy Suol	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 45' 16"	104° 59' 41"	9° 48' 09"	104° 57' 30"	C-48-54-B-d+c
kênh Cây Sộp	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 06"	105° 00' 33"	9° 47' 48"	105° 00' 33"	C-48-55-A-c
Kênh Chùa	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 59"	105° 05' 36"	9° 42' 23"	105° 04' 24"	C-48-55-C-a
kênh Chùa Cũ	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 00"	105° 05' 10"	9° 43' 14"	105° 05' 01"	C-48-55-C-a
kênh Còi 3	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 51"	105° 04' 47"	9° 43' 53"	105° 04' 00"	C-48-55-C-a
kênh Còi 4	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 51"	105° 04' 46"	9° 43' 17"	105° 03' 05"	C-48-55-C-a
kênh Còi 5	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 33"	105° 04' 44"	9° 42' 55"	105° 03' 37"	C-48-55-C-a
kênh Dân Quân	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 45' 34"	105° 00' 00"	9° 49' 06"	105° 00' 05"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Hai Mít	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 48' 23"	104° 59' 26"	9° 47' 22"	104° 59' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Lâm Thiết	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 57"	105° 07' 39"	9° 43' 59"	105° 05' 36"	C-48-55-C-a
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a
kênh Lung Đốc	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 17"	105° 03' 59"	9° 46' 32"	105° 03' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Năm Ý	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 15"	105° 03' 52"	9° 44' 16"	105° 03' 27"	C-48-55-C-a
Kênh Ngang	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 36"	104° 58' 05"	9° 47' 49"	104° 58' 52"	C-48-54-B-d+c
kênh Nhị Tỷ	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 40"	105° 02' 55"	9° 46' 59"	105° 01' 31"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Số 1	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 59"	105° 05' 36"	9° 43' 52"	105° 02' 14"	C-48-55-C-a
kênh Tây Sơn	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 52"	105° 04' 06"	9° 46' 05"	105° 04' 56"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Thầy Bang	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 45' 45"	105° 03' 34"	9° 43' 33"	105° 03' 54"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Thứ Năm	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 47' 20"	105° 01' 51"	9° 49' 08"	105° 01' 32"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Sáu	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 14"	105° 03' 21"	9° 47' 18"	105° 01' 51"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Thứ Sáu	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 47' 53"	105° 00' 32"	9° 46' 30"	105° 00' 54"	C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Thứ Sáu	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 09"	105° 03' 05"	9° 46' 25"	105° 00' 55"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Xáng Mới	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 28"	105° 00' 56"	9° 47' 49"	104° 58' 52"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 33' 45"	105° 00' 54"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Bướm	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 16"	105° 02' 51"	9° 47' 45"	105° 02' 20"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Quao	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 45' 28"	104° 59' 55"	9° 46' 36"	104° 58' 05"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a
ấp Cái Nước Ngọn	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 47' 06"	105° 06' 15"					C-48-55-A-c
ấp Kinh 1B	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 43' 58"	105° 05' 43"					C-48-55-C-a
ấp Ngã Cạy	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 47' 02"	105° 05' 27"					C-48-55-A-c
ấp Tây Sơn 1	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 45' 17"	105° 04' 07"					C-48-55-A-c
ấp Tây Sơn 2	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 46' 52"	105° 03' 25"					C-48-55-A-c
ấp Tây Sơn 3	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 47' 04"	105° 03' 56"					C-48-55-A-c
ấp Xẻo Đước 1	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 45' 26"	105° 07' 04"					C-48-55-A-c
ấp Xẻo Đước 2	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 45' 15"	105° 06' 22"					C-48-55-A-c
ấp Xẻo Đước 3	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 44' 41"	105° 06' 14"					C-48-55-C-a
Quốc lộ 63	KX	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-a
Đường tỉnh 966	KX	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 40' 20"	105° 07' 27"	9° 49' 44"	105° 04' 29"	C-48-55-C-a
Trại cải tạo Thứ Bảy	KX	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 42' 23"	105° 04' 39"					C-48-55-C-a
kênh Tây Sơn	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 13"	105° 04' 36"	9° 45' 23"	105° 04' 06"	C-48-55-A-c
Kênh 19	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 35"	105° 05' 39"	9° 45' 40"	105° 06' 57"	C-48-55-A-c
Kênh 30	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 40"	105° 05' 02"	9° 44' 46"	105° 07' 22"	C-48-55-C-a
Kênh 50	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 43"	105° 03' 52"	9° 44' 23"	105° 07' 35"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-b
Kênh 3000	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 50' 14"	105° 07' 37"	9° 44' 31"	105° 01' 17"	C-48-55-A-c
kênh Bà Hương	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 05"	105° 08' 14"	9° 46' 09"	105° 07' 04"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Bào Láng	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 47"	105° 03' 34"	9° 47' 59"	105° 02' 35"	C-48-55-A-c
kênh Bộ Lắc	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 21"	105° 04' 13"	9° 46' 19"	105° 04' 14"	C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Bốn Thước	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 58"	105° 06' 28"	9° 41' 41"	105° 05' 25"	C-48-55-C-a
kênh Bụi Gừa	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 12"	105° 06' 00"	9° 43' 13"	105° 08' 00"	C-48-55-C-a
kênh Cái Nước	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 50' 17"	105° 05' 04"	9° 46' 42"	105° 08' 26"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
Kênh Chùa	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 59"	105° 05' 36"	9° 42' 23"	105° 04' 24"	C-48-55-C-a
kênh Đập Đá	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 47"	105° 05' 43"	9° 45' 51"	105° 06' 56"	C-48-55-A-c
Kênh Đôn	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 32"	105° 03' 57"	9° 47' 36"	105° 04' 39"	C-48-55-A-c
kênh Đường Choại	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 23"	105° 05' 57"	9° 46' 12"	105° 04' 36"	C-48-55-A-c
kênh Hai Công	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 41"	105° 06' 57"	9° 46' 09"	105° 08' 34"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Lầm Thiét	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 57"	105° 07' 39"	9° 43' 59"	105° 05' 36"	C-48-55-C-a
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Lung Đốc	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 17"	105° 03' 59"	9° 46' 32"	105° 03' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Lý Thông	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 57"	105° 07' 17"	9° 45' 00"	105° 08' 49"	C-48-55-C-a; C-48-55-A-d
kênh Mối Thần Đồng	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 26"	105° 06' 19"	9° 47' 06"	105° 06' 45"	C-48-55-A-c
kênh Ngang Xã	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 23"	105° 06' 11"	9° 46' 26"	105° 06' 19"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Ngã Cạy	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 43"	105° 06' 12"	9° 45' 55"	105° 05' 29"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Nhà Lầu	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 13"	105° 05' 52"	9° 46' 15"	105° 07' 05"	C-48-55-A-c
kênh Ông Tuất	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 29"	105° 04' 36"	9° 46' 25"	105° 07' 10"	C-48-55-A-c
kênh Quán Ri	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 25"	105° 05' 35"	9° 47' 25"	105° 06' 28"	C-48-55-A-c
kênh Sáu Thanh	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 43"	105° 07' 52"	9° 46' 26"	105° 07' 50"	C-48-55-A-d
kênh Tây Sơn	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 52"	105° 04' 06"	9° 46' 05"	105° 04' 56"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Thầy Cai	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 36"	105° 04' 39"	9° 47' 45"	105° 06' 11"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Ba	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 35"	105° 04' 19"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Thứ Hai	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 29"	105° 08' 48"	9° 49' 46"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c
kênh Trung	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 01"	105° 05' 48"	9° 46' 01"	105° 07' 01"	C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Thành										
kênh Tư Dương	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 27"	105° 03' 21"	9° 47' 32"	105° 03' 57"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Mới	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 40"	105° 05' 21"	9° 42' 56"	105° 06' 22"	C-48-55-C-a
kênh Xẻo Đước	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 20"	105° 07' 07"	9° 46' 40"	105° 07' 18"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Kè	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 32"	105° 03' 25"	9° 50' 19"	105° 02' 45"	C-48-55-A-c
lưng Xẻo Đước	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 56"	105° 07' 46"	9° 45' 20"	105° 07' 07"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
sông Cái Lớn	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-d
ấp Bào Môn	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 49' 21"	105° 05' 17"					C-48-55-A-c
ấp Cái Nước	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 46' 39"	105° 07' 24"					C-48-55-A-c
ấp Kinh Mới	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 50' 04"	105° 06' 48"					C-48-55-A-c
ấp Lô 2	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 50' 16"	105° 07' 17"					C-48-55-A-c
ấp Lô 3	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 48' 07"	105° 08' 25"					C-48-55-A-d
ấp Lô 15	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 48' 09"	105° 06' 01"					C-48-55-A-c
ấp Lô 15A	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 48' 15"	105° 05' 37"					C-48-55-A-c
ấp Rọc Năng	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 48' 59"	105° 05' 33"					C-48-55-A-c
ấp Xẻo Rô	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 51' 22"	105° 06' 15"					C-48-55-A-c
Quốc lộ 63	KX	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
cầu Cái Lớn	KX	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 51' 21"	105° 07' 05"					C-48-55-A-c
thánh thất Ngọc Thiên Cung	KX	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 47' 04"	105° 08' 29"					C-48-55-A-d
Kênh 1000	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 53"	105° 07' 12"	9° 46' 33"	105° 07' 31"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
Kênh 3000	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 48' 36"	105° 05' 42"	9° 50' 14"	105° 07' 37"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
Kênh 5000	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 47' 44"	105° 06' 12"	9° 49' 08"	105° 08' 16"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Bào Môn	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 17"	105° 05' 04"	9° 47' 44"	105° 06' 11"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Cái Nước	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 17"	105° 05' 04"	9° 46' 42"	105° 08' 26"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Chệt Sành	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 24"	105° 06' 04"	9° 51' 14"	105° 06' 58"	C-48-55-A-c
kênh Hậu 500 Lô 2	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 48' 58"	105° 08' 01"	9° 51' 02"	105° 06' 45"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Hậu 500 Lô 3	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 48' 58"	105° 08' 01"	9° 46' 34"	105° 08' 13"	C-48-55-A-d
kênh Kiểm Một	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 35"	105° 05' 11"	9° 50' 24"	105° 06' 04"	C-48-55-A-c
Kênh Mới	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 47' 25"	105° 07' 27"	9° 51' 33"	105° 06' 26"	C-48-55-A-c
kênh Rọc Năng	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 23"	105° 06' 03"	9° 49' 19"	105° 06' 28"	C-48-55-A-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 24"	105° 06' 04"	9° 50' 25"	105° 07' 30"	C-48-55-A-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 13"	9° 50' 25"	105° 07' 30"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Hai	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 45' 29"	105° 08' 48"	9° 49' 46"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c
kênh Vườn Cao	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 13"	9° 50' 24"	105° 06' 04"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 33' 45"	105° 00' 54"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c
rạch Xẻo Cạn	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 02"	105° 06' 52"	9° 49' 39"	105° 07' 36"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
rạch Xẻo Đàng	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 21"	105° 06' 46"	9° 49' 57"	105° 07' 28"	C-48-55-A-c
rạch Xẻo Xu	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 25"	105° 05' 55"	9° 51' 21"	105° 06' 13"	C-48-55-A-c
sông Cái Lớn	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
ấp 5 Biển B	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 50' 23"	105° 00' 52"					C-48-55-A-c
ấp 5 Chùa	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 49' 13"	105° 01' 36"					C-48-55-A-c
ấp 6 Biển	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 50' 16"	104° 58' 37"					C-48-54-B-d+c
ấp 6 Đình	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 49' 54"	104° 59' 00"					C-48-54-B-d+c
ấp Bào Láng	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 49' 02"	105° 02' 08"					C-48-55-A-c
ấp Đồng Giữa	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 48' 11"	105° 00' 16"					C-48-55-A-c
Đường tỉnh 964	KX	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
chùa Vãsasuas đây	KX	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 49' 10"	105° 01' 34"					C-48-55-A-c
đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-B-b;C-48-54-B-d+c
Rạch 10 Đò	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 47' 54"	104° 59' 32"	9° 47' 59"	105° 00' 31"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 30-4	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 16"	104° 59' 59"	9° 50' 23"	105° 00' 47"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Bào Hang	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 47' 03"	105° 01' 34"	9° 50' 00"	105° 00' 32"	C-48-55-A-c
kênh Chổng Mỹ	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 51' 16"	104° 59' 32"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Chổng Mỹ	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 51' 15"	104° 59' 34"	9° 47' 13"	104° 57' 03"	C-48-54-B-d+c
kênh Dân Quân	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 45' 34"	105° 00' 00"	9° 49' 06"	105° 00' 05"	C-48-55-A-c
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-B-b; C-48-54-B-d+c
kênh Đê Bô	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 48' 39"	104° 58' 40"	9° 49' 07"	105° 00' 04"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Hai Hú	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 50' 00"	105° 00' 32"	9° 50' 37"	104° 59' 09"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Hai Mít	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 48' 23"	104° 59' 26"	9° 47' 22"	104° 59' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Lung Rừng	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 15"	104° 59' 55"	9° 49' 43"	104° 58' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Nông Trường	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 41"	104° 59' 22"	9° 46' 55"	104° 57' 32"	C-48-54-B-d+c
kênh Thầy Cai	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 04"	9° 49' 16"	104° 59' 59"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Thứ Năm	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 09"	105° 01' 39"	9° 52' 17"	104° 58' 20"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Thứ Năm	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 47' 20"	105° 01' 51"	9° 49' 08"	105° 01' 32"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Sáu	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 16"	104° 59' 59"	9° 51' 18"	104° 57' 19"	C-48-54-B-d+c
kênh Thứ sáu Đồng Giữa	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 47' 53"	105° 00' 32"	9° 48' 58"	105° 00' 19"	C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Thứ Tư	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 46' 17"	105° 03' 09"	9° 52' 47"	104° 58' 39"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-54-B-b
kênh Xẻo Bà Lý	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 50' 37"	104° 59' 09"	9° 51' 35"	104° 58' 02"	C-48-54-B-d+c
rạch Bào Láng	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 48' 01"	105° 02' 34"	9° 50' 21"	105° 01' 17"	C-48-55-A-c
rạch Cây Kè	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 48' 59"	105° 00' 04"	9° 48' 23"	104° 59' 26"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
rạch Xẻo Dừa	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 29"	104° 58' 24"	9° 50' 31"	104° 57' 26"	C-48-54-B-d+c
ấp 7 Biển	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 49' 53"	104° 56' 45"					C-48-54-B-d+c
ấp Đồng Giữa	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 47' 54"	104° 58' 51"					C-48-54-B-d+c
ấp Thái Hoà	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 47' 24"	104° 57' 48"					C-48-54-B-d+c
ấp Xẻo Đồi	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 49' 36"	104° 56' 17"					C-48-54-B-d+c
ấp Xẻo Quao A	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 49' 20"	104° 55' 26"					C-48-54-B-d+c
ấp Xẻo Quao B	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 48' 14"	104° 55' 59"					C-48-54-B-d+c
ấp Xẻo Vệt	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 49' 10"	104° 58' 08"					C-48-54-B-d+c
Đường tỉnh 964	KX	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-B-d+c
đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-B-d+c
kênh Bảy Biển	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 47' 07"	104° 59' 55"	9° 50' 55"	104° 56' 18"	C-48-54-B-d+c
kênh Bảy Suol	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 45' 16"	104° 59' 41"	9° 48' 09"	104° 57' 30"	C-48-54-B-d+c
kênh Cây Kè	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 48' 23"	104° 59' 26"	9° 47' 49"	104° 58' 52"	C-48-54-B-d+c
kênh Chông Mỹ	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 47' 13"	104° 57' 03"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-54-B-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Chông Mỹ Cũ	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 49' 23"	104° 57' 55"	9° 47' 47"	104° 56' 48"	C-48-54-B-d+c
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-B-d+c
kênh Đề Bô	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 48' 39"	104° 58' 40"	9° 49' 07"	105° 00' 04"	C-48-54-B-d+c
kênh Hai Mít	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 48' 23"	104° 59' 26"	9° 47' 22"	104° 59' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Khu 3	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 48' 04"	104° 58' 36"	9° 46' 49"	104° 57' 43"	C-48-54-B-d+c
kênh Ngang	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 47' 22"	104° 59' 33"	9° 46' 36"	104° 58' 05"	C-48-54-B-d+c
kênh Nông Trường	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 49' 41"	104° 59' 22"	9° 46' 55"	104° 57' 32"	C-48-54-B-d+c
kênh Xáng Mới	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 46' 28"	105° 00' 56"	9° 47' 49"	104° 58' 52"	C-48-54-B-d+c
kênh Xẻo Đồi	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 47' 29"	104° 57' 03"	9° 50' 48"	104° 55' 47"	C-48-54-B-d+c
kênh Xẻo Vệt	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 49' 11"	104° 58' 12"	9° 50' 30"	104° 56' 50"	C-48-54-B-d+c
rạch Xẻo Dừa	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 49' 29"	104° 58' 24"	9° 50' 31"	104° 57' 26"	C-48-54-B-d+c
rạch Xẻo Quao	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 46' 36"	104° 58' 03"	9° 50' 57"	104° 54' 52"	C-48-54-B-d+c
ấp Ba Biền	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 51' 49"	104° 59' 53"					C-48-55-A-c
ấp Ba Biền A	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 52' 27"	105° 00' 27"					C-48-55-A-c
ấp Ba Biền B	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 51' 56"	105° 01' 00"					C-48-55-A-c
ấp Bào Trâm	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 50' 35"	105° 02' 33"					C-48-55-A-c
ấp Hai Biền	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 53' 42"	105° 01' 06"					C-48-55-A-a
ấp Hai Trong	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 52' 45"	105° 02' 16"					C-48-55-A-c
ấp Hai Xáng	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 50' 10"	105° 04' 24"					C-48-55-A-c
ấp Yên Bình	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 50' 57"	105° 02' 09"					C-48-55-A-c
ấp Yên Lợi	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 51' 33"	105° 03' 32"					C-48-55-A-c
ấp Yên Quý	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 51' 44"	105° 01' 08"					C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Đường tỉnh 964	KX	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-55-A-a; C-48-54-B-b
kênh Chông Mỹ	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 51' 16"	104° 59' 32"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-55-A-a;C-48-55-A-c;C-48-54-B-d+c
kênh Cựa Gà	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 51' 24"	105° 00' 21"	9° 51' 55"	105° 00' 58"	C-48-55-A-c
Kênh Cùng	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 54' 01"	105° 01' 33"	9° 54' 09"	105° 02' 40"	C-48-55-A-a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-55-A-a; C-48-54-B-b; C-48-54-B-d+c
Kênh Kiểm	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 52' 07"	105° 04' 17"	9° 50' 45"	105° 02' 21"	C-48-55-A-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 04"	9° 49' 16"	104° 59' 59"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Thứ Ba	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 49' 38"	105° 03' 15"	9° 53' 23"	104° 59' 16"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c; C-48-54-B-b
kênh Thứ Hai	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 49' 46"	105° 04' 29"	9° 54' 29"	105° 00' 17"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c
kênh Thứ Tư	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 46' 17"	105° 03' 09"	9° 52' 47"	104° 58' 39"	C-48-54-B-b; C-48-54-B-d+c; C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 48' 59"	105° 03' 36"	9° 51' 47"	105° 06' 38"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Dầu	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 52' 28"	105° 01' 13"	9° 52' 01"	105° 00' 52"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Kè	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 46' 32"	105° 03' 25"	9° 50' 19"	105° 02' 45"	C-48-55-A-c
rạch Xẻo Già	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 53' 39"	105° 03' 05"	9° 52' 52"	105° 02' 08"	C-48-55-A-a
ấp Kinh Dài	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 55' 23"	105° 03' 36"					C-48-55-A-a
ấp Kinh Xáng	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 55' 01"	105° 04' 10"					C-48-55-A-a
ấp Mương Quao	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 53' 58"	105° 04' 36"					C-48-55-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Rạch Cóc	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 56' 25"	105° 03' 59"					C-48-55-A-a
ấp Thứ Nhất	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 53' 48"	105° 02' 58"					C-48-55-A-a
ấp Xẻo Dinh	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 54' 44"	105° 02' 09"					C-48-55-A-a
Đường tỉnh 964	KX	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-55-A-a
chùa Linh Châu	KX	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 53' 46"	105° 04' 08"					C-48-55-A-a
đê Quốc Phòng	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-55-A-a
kênh Xẻo Dinh	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 56"	105° 02' 48"	9° 55' 34"	105° 01' 28"	C-48-55-A-a
kênh Chông Mỹ	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 51' 16"	104° 59' 32"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-55-A-a
Kênh Cùg	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 01"	105° 01' 33"	9° 54' 09"	105° 02' 40"	C-48-55-A-a
Kênh Dài	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 09"	105° 02' 40"	9° 56' 05"	105° 05' 00"	C-48-55-A-a
kênh Đập Đá	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 20"	105° 02' 28"	9° 54' 01"	105° 01' 33"	C-48-55-A-a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-55-A-a
kênh Hai Mào	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 43"	105° 04' 24"	9° 55' 28"	105° 03' 44"	C-48-55-A-a
kênh Hai Phước	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 56' 23"	105° 03' 22"	9° 55' 41"	105° 04' 00"	C-48-55-A-a
kênh Hai Sến	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 29"	105° 04' 09"	9° 55' 06"	105° 05' 22"	C-48-55-A-a
kênh Hào Dân	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 56' 04"	105° 02' 51"	9° 55' 08"	105° 03' 24"	C-48-55-A-a
kênh Láng Chiêm	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 55' 15"	105° 05' 17"	9° 53' 39"	105° 03' 05"	C-48-55-A-a
kênh Mười Hên	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 40"	105° 03' 49"	9° 55' 06"	105° 03' 22"	C-48-55-A-a
kênh Mương Quao	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 19"	105° 03' 23"	9° 54' 23"	105° 05' 34"	C-48-55-A-a
kênh Thứ Nhất	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 15"	105° 03' 26"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-55-A-a
Kênh Xáng	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 56"	105° 02' 48"	9° 55' 38"	105° 05' 12"	C-48-55-A-a
Mương Cái	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 15"	105° 03' 54"	9° 54' 55"	105° 03' 13"	C-48-55-A-a
Mương Xã	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 16"	105° 03' 55"	9° 54' 56"	105° 05' 26"	C-48-55-A-a
Rạch Cóc	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 56' 56"	105° 03' 47"	9° 55' 46"	105° 04' 07"	C-48-55-A-a
rạch Xẻo Già	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 39"	105° 03' 05"	9° 52' 52"	105° 02' 08"	C-48-55-A-a
sông Cái Lớn	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-a
ấp Hai Tốt	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 53' 51"	105° 04' 32"					C-48-55-A-a
ấp Mương 40	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 52' 39"	105° 05' 10"					C-48-55-A-c
ấp Mương Chùa	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 53' 22"	105° 05' 03"					C-48-55-A-a
ấp Ngã Bát	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 52' 07"	105° 05' 41"					C-48-55-A-c
ấp Rẫy Mới	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 52' 47"	105° 03' 47"					C-48-55-A-c
ấp Rọc Lá	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 51' 23"	105° 04' 48"					C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 40	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 52' 58"	105° 06' 05"	9° 52' 13"	105° 04' 13"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c
kênh Đường Xuông	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 51' 14"	105° 06' 01"	9° 51' 05"	105° 04' 56"	C-48-55-A-c
Kênh Kiểm	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 52' 07"	105° 04' 17"	9° 50' 45"	105° 02' 21"	C-48-55-A-c
kênh Mương Chùa	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 53' 39"	105° 05' 47"	9° 52' 49"	105° 03' 47"	C-48-55-A-a
kênh Mương Quao	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 53' 19"	105° 03' 23"	9° 54' 23"	105° 05' 34"	C-48-55-A-a
kênh Ngã Bát	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 51' 26"	105° 04' 43"	9° 52' 26"	105° 06' 19"	C-48-55-A-c
kênh Rọc Lá	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 50' 25"	105° 05' 10"	9° 53' 15"	105° 03' 26"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 04"	9° 49' 16"	104° 59' 59"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 48' 59"	105° 03' 36"	9° 51' 47"	105° 06' 38"	C-48-55-A-c
sông Cái Lớn	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-a
Khu phố 1	DC	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 36' 45"	104° 56' 37"					C-48-54-D-d
Khu phố 2	DC	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 36' 23"	104° 56' 48"					C-48-54-D-d
Khu phố 3	DC	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 37' 48"	104° 56' 26"					C-48-54-D-b+a
Khu phố 4	DC	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 37' 36"	104° 56' 22"					C-48-54-D-b+a
Đường tỉnh 965B	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 23"	9° 34' 33"	104° 51' 28"	C-48-54-D-d
Đường tỉnh 967	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
cầu Bà Điền	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 37' 24"	104° 56' 30"					C-48-54-D-d
cầu Chệt Ớt	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 37' 14"	104° 56' 33"					C-48-54-D-d
cầu Kênh Bắc	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 38' 11"	104° 56' 18"					C-48-54-D-b+a
Cổng 26-3	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 36' 10"	104° 56' 49"					C-48-54-D-d
kênh Bà Điền	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 38' 16"	104° 59' 50"	9° 37' 23"	104° 56' 29"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Chệt Ót	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 38' 12"	104° 59' 48"	9° 37' 14"	104° 56' 32"	C-48-54-D-d
kênh Chủ Vàng	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 38' 19"	104° 56' 17"	9° 38' 31"	104° 53' 01"	C-48-54-D-b+a
Kênh Hăng	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 24"	9° 36' 42"	104° 56' 41"	C-48-54-D-d
kênh Kim Quy	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 36' 42"	104° 56' 39"	9° 34' 13"	104° 50' 19"	C-48-54-D-d
kênh Mười Thân	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 37' 23"	104° 56' 29"	9° 37' 21"	104° 55' 27"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
lung Rọ Ghe	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 40' 31"	104° 53' 40"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
Sông Trẹm	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 36' 22"	104° 55' 49"	C-48-54-D-d
ấp 7 Xáng	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 44' 50"	104° 59' 57"					C-48-54-D-b+a
ấp 7 Xáng 1	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 45' 30"	104° 58' 48"					C-48-55-C-a
ấp 7 Xáng 2	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 42' 53"	105° 00' 41"					C-48-55-C-a
ấp 8 Xáng	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 43' 58"	104° 58' 26"					C-48-54-D-b+a
ấp 8 Xáng 1	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 44' 17"	104° 56' 59"					C-48-54-D-b+a
ấp 9 Chợ	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 42' 56"	104° 57' 50"					C-48-54-D-b+a
ấp 9 Xáng	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 43' 12"	104° 58' 03"					C-48-54-D-b+a
ấp 9 Xáng 1	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 41' 23"	104° 59' 51"					C-48-54-D-b+a
ấp Hoà Đông	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 41' 24"	105° 01' 48"					C-48-55-C-a
ấp Minh Hoà	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 43' 47"	105° 02' 09"					C-48-55-C-a
ấp Trung Hoà	DC	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 42' 43"	105° 01' 07"					C-48-55-C-a
Đường tỉnh 967	KX	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
cầu Kiểm Lâm	KX	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 45' 24"	104° 57' 01"					C-48-54-B-d+c
cầu Rạch Kỳ	KX	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 44' 48"	104° 59' 14"					C-48-54-D-b+a
chùa Hoà Sơn Tự	KX	xã Đông Hoà	H. An Minh	9° 45' 08"	104° 59' 36"					C-48-54-B-d+c
Kênh 500	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 44' 40"	104° 58' 30"	9° 43' 22"	104° 57' 23"	C-48-54-D-b+a
Kênh 2200	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 42' 18"	105° 02' 23"	9° 43' 13"	105° 01' 02"	C-48-55-C-a
Kênh 3000	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 43' 31"	105° 00' 32"	9° 40' 22"	104° 58' 43"	C-48-54-D-b+a; C-48-55-C-a
Kênh 4000	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 44' 12"	105° 01' 45"	9° 43' 13"	105° 01' 02"	C-48-55-C-a
kênh Bảy Suol	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 45' 16"	104° 59' 41"	9° 48' 09"	104° 57' 30"	C-48-54-B-d+c
kênh Cà Hồ	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 41' 36"	105° 00' 20"	9° 42' 58"	104° 57' 54"	C-48-54-D-b+a
kênh Chệt Kỳ	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 44' 48"	104° 59' 14"	9° 42' 33"	105° 00' 55"	C-48-55-C-a;C-48-54-D-b+a
kênh Chồi Mồi	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 43' 29"	104° 56' 20"	9° 43' 32"	104° 55' 56"	C-48-54-D-b+a
kênh Chủ Phước	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 43' 44"	105° 02' 27"	9° 42' 41"	105° 01' 49"	C-48-55-C-a
kênh Cờ Trắng	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 43' 32"	104° 57' 04"	9° 44' 45"	104° 58' 18"	C-48-54-D-b+a
Kênh Giữa	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 44' 55"	104° 58' 04"	9° 43' 33"	104° 57' 02"	C-48-54-D-b+a; C-48-54-B-d+c
kênh Hàng Gáo	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 43' 34"	105° 02' 41"	9° 42' 32"	105° 02' 03"	C-48-55-C-a
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 47' 13"	104° 57' 03"	9° 43' 29"	104° 56' 20"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh KT1	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 33' 35"	105° 00' 04"	9° 43' 54"	105° 02' 11"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh KT2	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 41' 45"	105° 01' 20"	9° 37' 00"	104° 59' 15"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh KT3	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 42' 45"	105° 03' 17"	9° 37' 00"	105° 00' 13"	C-48-55-C-a
kênh KT4	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 40' 57"	105° 02' 30"	9° 37' 01"	105° 01' 00"	C-48-55-C-a
kênh KT5	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 40' 51"	105° 02' 40"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-a
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a
kênh Năm Kỵ	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 45' 51"	104° 57' 54"	9° 45' 09"	104° 57' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Năm Tím	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 41' 48"	105° 00' 26"	9° 43' 15"	104° 58' 03"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Nhị Tỷ	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 42' 46"	105° 01' 07"	9° 45' 01"	104° 59' 27"	C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Ông Kiệt	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 44' 49"	104° 59' 12"	9° 46' 31"	104° 57' 16"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Ông Lục	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 43' 16"	105° 01' 05"	9° 45' 15"	104° 59' 41"	C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Phán Linh	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 40' 40"	105° 02' 55"	9° 43' 50"	104° 58' 15"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Quảng Điền	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 42' 02"	104° 57' 35"	9° 39' 09"	105° 02' 21"	C-48-54-D-b+a
kênh Thứ 8	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 44' 32"	104° 58' 54"	9° 45' 24"	104° 57' 01"	C-48-54-D-b+a
kênh Thứ 9	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 43' 04"	104° 57' 54"	9° 43' 57"	104° 56' 26"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh Xã	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 41' 12"	105° 00' 10"	9° 42' 42"	104° 57' 49"	C-48-55-C-a;C-48-54-D-b+a
kênh Xáng 2	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 43' 24"	105° 02' 55"	9° 41' 45"	105° 01' 20"	C-48-55-C-a
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Quao	TV	xã Đông Hoà	H. An Minh			9° 45' 28"	104° 59' 55"	9° 46' 36"	104° 58' 05"	C-48-54-B-d+c
ấp 10 Chợ	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 39' 37"	104° 56' 48"					C-48-54-D-b+a
ấp 10 Chợ A	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 39' 32"	104° 56' 08"					C-48-54-D-b+a
ấp 10 Huỳnh	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 38' 46"	104° 56' 31"					C-48-54-D-b+a
Ấp 11B	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 37' 34"	104° 57' 35"					C-48-54-D-b+a
ấp Đông Bình	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 38' 03"	104° 59' 14"					C-48-54-D-b+a
ấp Thành Phụng Đông	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 36' 59"	105° 00' 03"					C-48-54-D-d
ấp Thành Phụng Tây	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 37' 01"	104° 58' 25"					C-48-54-D-d
Đường tỉnh 965B	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 23"	9° 34' 33"	104° 51' 28"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
Đường tỉnh 967	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-D-b+a
cầu Ba Hun	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 39' 52"	104° 56' 52"					C-48-54-D-b+a
cầu Hai Phát	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 38' 51"	104° 56' 31"					C-48-54-D-b+a
cầu KT 1	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 36' 59"	104° 59' 06"					C-48-54-D-d
cầu Mười Rẫy	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 39' 16"	104° 56' 38"					C-48-54-D-b+a
Kênh 26-3	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 36' 31"	104° 59' 13"	9° 36' 00"	104° 57' 58"	C-48-54-D-d
Kênh 700	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 40' 11"	104° 55' 37"	9° 40' 35"	104° 54' 52"	C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Bà Điền	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 16"	104° 59' 50"	9° 37' 23"	104° 56' 29"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
kênh Chệt Ót	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 12"	104° 59' 48"	9° 37' 14"	104° 56' 32"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
kênh Dự Án 773	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 36' 39"	105° 02' 03"	9° 36' 31"	104° 59' 13"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh Hai Phát	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 05"	104° 58' 33"	9° 38' 52"	104° 56' 30"	C-48-54-D-b+a
Kênh Hăng	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 24"	9° 36' 42"	104° 56' 41"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
Kênh Hội	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 34' 31"	104° 58' 43"	9° 36' 34"	104° 59' 37"	C-48-54-D-d
kênh Kim Bắc	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 02"	104° 56' 53"	9° 38' 08"	104° 57' 50"	C-48-54-D-b+a
kênh KT1	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 33' 35"	105° 00' 04"	9° 43' 54"	105° 02' 11"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
kênh KT2	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 41' 45"	105° 01' 20"	9° 37' 00"	104° 59' 15"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh KT3	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 42' 45"	105° 03' 17"	9° 37' 00"	105° 00' 13"	C-48-55-C-a;C-48-55-C-c
kênh KT4	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 40' 57"	105° 02' 30"	9° 37' 01"	105° 01' 00"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
kênh KT5	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 37' 27"	105° 02' 06"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-c
kênh Mười Biển	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 39' 18"	104° 56' 37"	9° 40' 05"	104° 54' 44"	C-48-54-D-b+a
kênh Mười Rẫy	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 19"	104° 58' 52"	9° 39' 16"	104° 56' 38"	C-48-54-D-b+a
kênh Nông Trường	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 39' 08"	104° 54' 28"	9° 42' 20"	104° 55' 21"	C-48-54-D-b+a
kênh Ông Đường	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 40' 59"	104° 54' 59"	9° 39' 56"	104° 56' 50"	C-48-54-D-b+a
kênh Thầy Ba	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 34"	104° 58' 59"	9° 39' 53"	104° 56' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Xáng Đội 2	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 36' 17"	105° 02' 16"	9° 36' 12"	104° 59' 17"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Xáng Xèo Rô	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-D-b+a
lung Rọ Ghe	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 40' 31"	104° 53' 40"	C-48-54-D-b+a
ấp Hưng Lâm	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 40' 26"	104° 53' 56"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Hải	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 41' 29"	104° 51' 58"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Hoà	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 40' 07"	104° 52' 53"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Hồng	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 41' 04"	104° 52' 39"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Thuận	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 42' 22"	104° 52' 30"					C-48-54-D-b+a
ấp Rọ Ghe	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 40' 50"	104° 55' 55"					C-48-54-D-b+a
ấp Thuồng Luồng	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 41' 57"	104° 53' 09"					C-48-54-D-b+a
ấp Xèo Đồi	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 39' 59"	104° 52' 52"					C-48-54-D-b+a
Đường tỉnh 964	KX	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-b+a
đê Quốc Phòng	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-D-b+a
kênh Ba Mạnh	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 41' 05"	104° 51' 44"	9° 40' 26"	104° 52' 39"	C-48-54-D-b+a
kênh Chông Mỹ	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-D-b+a
kênh Mương Lớn	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 40' 13"	104° 51' 38"	9° 39' 51"	104° 52' 30"	C-48-54-D-b+a
kênh Nông Trường	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 39' 08"	104° 54' 28"	9° 42' 20"	104° 55' 21"	C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Rọ Ghe	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 40' 05"	104° 54' 44"	9° 41' 43"	104° 51' 11"	C-48-54-D-b+a
kênh Thuồng Luồng	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 40' 46"	104° 54' 55"	9° 42' 42"	104° 51' 45"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Đồi	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 39' 09"	104° 54' 27"	9° 40' 43"	104° 51' 01"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Lúa	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 41' 23"	104° 54' 01"	9° 42' 57"	104° 51' 48"	C-48-54-D-b+a
lung Rọ Ghe	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 40' 31"	104° 53' 40"	C-48-54-D-b+a
Áp 11A	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 35' 53"	104° 56' 55"					C-48-54-D-d
Áp 15	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 33' 46"	105° 01' 33"					C-48-55-C-c
ấp Cán Gáo	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 34' 35"	104° 56' 34"					C-48-54-D-d
ấp Danh Còi	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 33' 24"	105° 00' 02"					C-48-55-C-c
ấp Ngã Bát	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 33' 21"	104° 58' 29"					C-48-54-D-d
ấp Thanh Hùng	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 35' 18"	104° 59' 33"					C-48-55-C-c
ấp Vàm Xáng	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 34' 52"	104° 57' 10"					C-48-54-D-d
cổng 26-3	KX	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 36' 10"	104° 56' 49"					C-48-54-D-d
Đường tỉnh 967	KX	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-D-d
cầu Kênh 25	KX	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 33' 28"	104° 57' 44"					C-48-54-D-d
chùa Ngọc Tâm Dân	KX	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 34' 50"	104° 57' 05"					C-48-54-D-d
Kênh 1	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 42"	104° 59' 51"	9° 32' 40"	104° 58' 41"	C-48-54-D-d
Kênh 2	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 50"	104° 59' 39"	9° 32' 46"	104° 58' 28"	C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 3	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 59' 08"	9° 32' 53"	104° 58' 17"	C-48-54-D-d
Kênh 4	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 05"	104° 59' 14"	9° 32' 58"	104° 58' 10"	C-48-54-D-d
Kênh 5	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 58"	104° 58' 48"	9° 33' 07"	104° 57' 59"	C-48-54-D-d
Kênh 6	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 04"	104° 58' 38"	9° 33' 15"	104° 57' 50"	C-48-54-D-d
Kênh 11	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 45"	104° 57' 12"	9° 34' 40"	104° 55' 21"	C-48-54-D-d
Kênh 12	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 24"	104° 56' 56"	9° 34' 11"	104° 55' 09"	C-48-54-D-d
Kênh 13	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 01"	104° 56' 39"	9° 33' 45"	104° 54' 53"	C-48-54-D-d
Kênh 25	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 25"	104° 58' 41"	9° 33' 25"	104° 57' 41"	C-48-54-D-d
Kênh 26	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 24"	104° 56' 15"	9° 33' 49"	104° 57' 16"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
Kênh 26-3	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 36' 31"	104° 59' 13"	9° 36' 00"	104° 57' 58"	C-48-54-D-d
Kênh 27	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 48"	104° 55' 51"	9° 34' 12"	104° 56' 48"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
Kênh 28	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 12"	104° 55' 27"	9° 34' 24"	104° 56' 15"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
Kênh 29	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 30"	104° 55' 09"	9° 34' 53"	104° 55' 59"	C-48-54-D-d
Kênh 2000	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 42"	104° 58' 01"	9° 34' 41"	104° 58' 15"	C-48-54-D-d
Kênh Càng	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 39"	104° 57' 32"	9° 34' 32"	104° 58' 29"	C-48-54-D-d
kênh Đường Tắt	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 40"	104° 56' 29"	9° 35' 02"	104° 57' 03"	C-48-54-D-d
kênh Hoà Đồ	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 58"	104° 59' 53"	9° 35' 42"	104° 58' 02"	C-48-54-D-d
Kênh Hội	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 31"	104° 58' 43"	9° 36' 34"	104° 59' 37"	C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh KT1	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 35"	105° 00' 04"	9° 43' 54"	105° 02' 11"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh KT5	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 37' 27"	105° 02' 06"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-c
kênh Lò Bún	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 42"	104° 59' 25"	9° 35' 10"	104° 58' 09"	C-48-54-D-d
Kênh Mới	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 00"	104° 58' 36"	9° 36' 59"	104° 58' 48"	C-48-54-D-d
kênh Mười Kiều	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 40"	104° 58' 16"	9° 33' 49"	104° 57' 23"	C-48-54-D-d
kênh Mười Một Rươi	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 59"	104° 56' 40"	9° 34' 26"	104° 55' 16"	C-48-54-D-d
kênh Năm Ấp Tý	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 12"	104° 57' 18"	9° 33' 35"	105° 00' 04"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh Năm Đất Sét	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 29' 43"	104° 52' 46"	9° 36' 22"	104° 55' 48"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
kênh Năm Ngang	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 39"	104° 56' 07"	9° 35' 21"	104° 55' 43"	C-48-54-D-d
kênh Năm Quang	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 28"	104° 58' 36"	9° 34' 54"	104° 59' 38"	C-48-54-D-d
kênh Năm Sện	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 15"	105° 00' 55"	9° 35' 16"	104° 59' 32"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh Thanh Niên Xung Phong	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 00"	104° 58' 36"	9° 34' 40"	104° 58' 16"	C-48-54-D-d
kênh Xáng Cùg	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 29"	105° 01' 52"	9° 33' 35"	105° 00' 04"	C-48-55-C-c
kênh Xáng Đội 2	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 36' 17"	105° 02' 16"	9° 36' 12"	104° 59' 17"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-D-d
lưng Sáu Cảnh	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 09"	104° 59' 10"	9° 36' 25"	104° 59' 14"	C-48-54-D-d
ngọn Ngã Bát	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 15"	105° 00' 55"	9° 32' 24"	104° 59' 28"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
rạch Mương Chùa	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 32"	104° 56' 34"	9° 34' 42"	104° 57' 09"	C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Sông Trẹm	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 24"	104° 59' 28"	9° 36' 22"	104° 55' 49"	C-48-54-D-d
ấp Thanh An	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 41' 29"	104° 57' 26"					C-48-54-D-b+a
ấp Thanh Hoà	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 40' 09"	104° 58' 58"					C-48-54-D-b+a
ấp Thanh Lợi	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 41' 37"	104° 57' 22"					C-48-54-D-b+a
ấp Thanh Phong	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 39' 37"	104° 57' 57"					C-48-54-D-b+a
ấp Thanh Phú	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 40' 21"	104° 57' 03"					C-48-54-D-b+a
ấp Thanh Tây A	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 40' 05"	105° 00' 36"					C-48-55-C-a
ấp Thanh Tây B	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 38' 58"	105° 01' 55"					C-48-55-C-a
ấp Thanh Tiến	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 41' 28"	104° 56' 18"					C-48-55-D-b+a
Đường tỉnh 967	KX	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-D-b+a
Đường tỉnh 968	KX	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	104° 57' 12"	9° 44' 36"	104° 52' 09"	C-48-54-D-b+a
cầu Ba Hun	KX	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 39' 52"	104° 56' 52"					C-48-54-D-b+a
Kênh 3000	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 43' 31"	105° 00' 32"	9° 40' 22"	104° 58' 43"	C-48-54-D-b+a
kênh Chiến Tranh	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 53"	104° 55' 41"	9° 40' 11"	104° 56' 55"	C-48-54-D-b+a
kênh Chín Rươi-Xẻo Nhàu	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	104° 57' 11"	9° 44' 38"	104° 51' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Công Nghiệp	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 38' 49"	104° 59' 05"	9° 40' 07"	104° 56' 56"	C-48-54-D-b+a
kênh Giữa KT3-KT4	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 38' 33"	105° 01' 18"	9° 40' 54"	105° 02' 10"	C-48-55-C-a
kênh KT1	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 33' 35"	105° 00' 04"	9° 43' 54"	105° 02' 11"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh KT2	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 41' 45"	105° 01' 20"	9° 37' 00"	104° 59' 15"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh KT3	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 42' 45"	105° 03' 17"	9° 37' 00"	105° 00' 13"	C-48-55-C-a
kênh KT4	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	105° 02' 30"	9° 37' 01"	105° 01' 00"	C-48-55-C-a
kênh KT5	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 37' 27"	105° 02' 06"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-a
kênh Mười Quang	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 37' 49"	105° 02' 28"	9° 41' 14"	104° 57' 19"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Nguyễn Văn Chiêm	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 39' 25"	104° 59' 21"	9° 40' 46"	104° 57' 09"	C-48-54-D-b+a
kênh Ông Đường	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 59"	104° 54' 59"	9° 39' 56"	104° 56' 50"	C-48-54-D-b+a
kênh Quảng Điền	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 42' 02"	104° 57' 35"	9° 39' 09"	105° 02' 21"	C-48-54-D-b+a; C-48-55-C-a
kênh Thầy Ba	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 38' 34"	104° 58' 59"	9° 39' 53"	104° 56' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Thầy Hai	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 42' 01"	104° 57' 33"	9° 43' 32"	104° 55' 08"	C-48-54-D-b+a
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-D-b+a
ấp Thạnh Thuận	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 42' 43"	104° 55' 01"					C-48-54-D-b+a
ấp Thạnh Tiên	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 41' 28"	104° 54' 51"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Lá A	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 43' 18"	104° 52' 51"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Lá B	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 42' 49"	104° 53' 28"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Ngát A	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 44' 55"	104° 53' 36"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Ngát B	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 44' 21"	104° 54' 38"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Nhàu A	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 44' 13"	104° 53' 08"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Nhàu B	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 43' 17"	104° 54' 24"					C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Đường tỉnh 964	KX	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-b+a
Đường tỉnh 968	KX	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	104° 57' 12"	9° 44' 36"	104° 52' 09"	C-48-54-D-b+a
đê Quốc Phòng	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh 30 Xẻo Ngát-Thứ 10	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 44' 34"	104° 54' 45"	9° 45' 54"	104° 52' 14"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh 30 Xẻo Ngát-Xẻo Nhàu	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 43' 54"	104° 54' 12"	9° 44' 56"	104° 52' 15"	C-48-54-D-b+a
kênh Chín Rươi-Xẻo Nhàu	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	104° 57' 11"	9° 44' 38"	104° 51' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Chổng Mỹ	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Nông Trường	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 39' 08"	104° 54' 28"	9° 42' 20"	104° 55' 21"	C-48-54-D-b+a
kênh Thầy Hai	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 42' 01"	104° 57' 33"	9° 43' 32"	104° 55' 08"	C-48-54-D-b+a
kênh Thuồng Luồng	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 40' 46"	104° 54' 55"	9° 42' 42"	104° 51' 45"	C-48-54-D-b+a
kênh Trường Học	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 43' 21"	104° 55' 00"	9° 44' 35"	104° 55' 05"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Lá	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 42' 57"	104° 53' 31"	9° 43' 36"	104° 51' 55"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Lá	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 41' 49"	104° 54' 30"	9° 42' 48"	104° 53' 26"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Lúa	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 41' 23"	104° 54' 01"	9° 42' 57"	104° 51' 48"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Ngát	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 44' 09"	104° 54' 25"	9° 44' 38"	104° 52' 10"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Ngát	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 43' 29"	104° 54' 42"	9° 44' 06"	104° 54' 22"	C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp 8I	DC	xã Thuận Hoà	H. An Minh	9° 47' 48"	104° 54' 19"					C-48-54-B-d+c
ấp 8II	DC	xã Thuận Hoà	H. An Minh	9° 45' 54"	104° 55' 59"					C-48-54-B-d+c
ấp 9A	DC	xã Thuận Hoà	H. An Minh	9° 46' 25"	104° 54' 10"					C-48-54-B-d+c
ấp 9B	DC	xã Thuận Hoà	H. An Minh	9° 45' 04"	104° 55' 31"					C-48-54-B-d+c
ấp 10 Biển	DC	xã Thuận Hoà	H. An Minh	9° 45' 41"	104° 53' 42"					C-48-54-B-d+c
ấp Bần A	DC	xã Thuận Hoà	H. An Minh	9° 48' 42"	104° 55' 00"					C-48-54-B-d+c
ấp Bần B	DC	xã Thuận Hoà	H. An Minh	9° 47' 21"	104° 55' 56"					C-48-54-B-d+c
ấp Xèo Quao	DC	xã Thuận Hoà	H. An Minh	9° 48' 03"	104° 56' 03"					C-48-54-B-d+c
Đường tỉnh 964	KX	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
cầu Kiểm Lâm	KX	xã Thuận Hoà	H. An Minh	9° 45' 24"	104° 57' 01"					C-48-54-B-d+c
đê Quốc Phòng	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-B-d+c
kênh 30 Thứ 9- Thứ 8	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 46' 12"	104° 55' 31"	9° 47' 42"	104° 53' 28"	C-48-54-B-d+c
kênh Cây Sao	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 45' 10"	104° 56' 06"	9° 44' 54"	104° 55' 30"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Chổng Mỹ	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-B-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 47' 13"	104° 57' 03"	9° 43' 29"	104° 56' 20"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Mường Cùi-9 Lửa	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 46' 00"	104° 56' 23"	9° 46' 50"	104° 56' 05"	C-48-54-B-d+c
kênh Ông Kiệt	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 44' 49"	104° 59' 12"	9° 46' 20"	104° 57' 40"	C-48-54-B-d+c
kênh Thầy Hai	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 42' 01"	104° 57' 33"	9° 43' 32"	104° 55' 08"	C-48-54-D-b+a
kênh Trường Học	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 43' 21"	104° 55' 00"	9° 44' 35"	104° 55' 05"	C-48-54-D-b+a
rạch Thứ 8	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 45' 24"	104° 57' 01"	9° 48' 43"	104° 52' 55"	C-48-54-B-d+c
rạch Thứ 9	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 43' 04"	104° 57' 54"	9° 47' 17"	104° 52' 40"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
rạch Thứ 10	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 43' 32"	104° 55' 56"	9° 46' 16"	104° 52' 22"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
rạch Xèo Bàn	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 46' 31"	104° 57' 16"	9° 46' 59"	104° 56' 10"	C-48-54-B-d+c
rạch Xèo Quao	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 46' 36"	104° 58' 05"	9° 50' 57"	104° 54' 52"	C-48-54-B-d+c
rạch Xèo Tre	TV	xã Thuận Hoà	H. An Minh			9° 43' 32"	104° 55' 08"	9° 44' 32"	104° 55' 08"	C-48-54-D-b+a
ấp Kim Qui A	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 34' 41"	104° 52' 18"					C-48-54-D-c
ấp Kim Qui B	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 34' 37"	104° 51' 31"					C-48-54-D-c
ấp Kinh Năm	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 33' 40"	104° 54' 02"					C-48-54-D-d
ấp Mường Đào A	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 36' 03"	104° 51' 37"					C-48-54-D-c
ấp Mường Đào B	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 35' 32"	104° 53' 24"					C-48-54-D-d
ấp Mường Đào C	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 36' 08"	104° 55' 05"					C-48-54-D-d
Đường tỉnh 964	KX	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-c
Đường tỉnh 965B	KX	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 23"	9° 34' 33"	104° 51' 28"	C-48-54-D-c; C-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Trạm biên phòng 714	KX	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 34' 15"	104° 50' 17"					C-48-54-D-d
Kênh 1	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 34' 51"	104° 54' 38"	9° 34' 10"	104° 54' 56"	C-48-54-D-d
kênh Ba Thợ	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 36' 50"	104° 55' 38"	9° 36' 03"	104° 52' 40"	C-48-54-D-d
kênh Chổng Mỹ	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-c
kênh Chốt 3	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 00"	104° 55' 32"	9° 35' 15"	104° 54' 56"	C-48-54-D-d
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-D-c
kênh Kim Quy	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 36' 42"	104° 56' 39"	9° 34' 13"	104° 50' 19"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-d
kênh Mương Đào	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 29"	104° 53' 36"	9° 36' 54"	104° 50' 42"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-d
kênh Năm Dân Quân	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 34' 00"	104° 51' 51"	9° 35' 09"	104° 52' 58"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
kênh Năm Đất Sét	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 29' 43"	104° 52' 46"	9° 36' 22"	104° 55' 48"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
kênh Ngọn Kim Quy	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 33' 40"	104° 54' 37"	9° 34' 05"	104° 51' 27"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
kênh Tư Cán Gáo	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 22"	104° 55' 44"	9° 35' 29"	104° 53' 36"	C-48-54-D-d
kênh Xáng 1	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 29' 56"	104° 52' 39"	9° 33' 46"	104° 54' 53"	C-48-54-D-d
kênh Xáng 2	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 32' 11"	104° 53' 04"	9° 36' 03"	104° 55' 01"	C-48-54-D-d
kênh Xáng 3	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 32' 40"	104° 52' 19"	9° 35' 33"	104° 53' 44"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
lung Rọ Ghe	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 38' 24"	104° 55' 05"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
rạch Cái Kim Quy	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 34' 03"	104° 51' 26"	9° 34' 11"	104° 50' 28"	C-48-54-D-c
rạch Cây Thông	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 07"	104° 51' 30"	9° 35' 25"	104° 50' 27"	C-48-54-D-c
rạch Chà Già Già	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 36' 41"	104° 50' 46"	9° 36' 20"	104° 52' 11"	C-48-54-D-c
rạch Chà Già Thiệt	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 47"	104° 51' 35"	9° 36' 05"	104° 50' 34"	C-48-54-D-c
rạch Măng Cú	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 43"	104° 50' 47"	9° 35' 19"	104° 51' 52"	C-48-54-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Minh Cơ	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 37' 52"	104° 52' 07"					C-48-54-D-c
ấp Minh Giồng	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 38' 48"	104° 52' 15"					C-48-54-D-b+a
ấp Mương Đào	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 36' 52"	104° 51' 48"					C-48-54-D-c
ấp Ngọc Hiến	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 39' 30"	104° 52' 26"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Thành	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 38' 25"	104° 54' 30"					C-48-54-D-b+a
ấp Phong Lưu	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 37' 13"	104° 53' 28"					C-48-54-D-d
Đường tỉnh 964	KX	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-b+a
đê Quốc Phòng	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-D-b+a; C-48-54-D-c
kênh Ba Thọ	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 36' 50"	104° 55' 38"	9° 36' 03"	104° 52' 40"	C-48-54-D-d
kênh Chà Tre	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 38' 58"	104° 53' 04"	9° 39' 59"	104° 51' 18"	C-48-54-D-b+a
kênh Chính Phủ	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 10"	104° 51' 55"	9° 37' 30"	104° 50' 47"	C-48-54-D-c
kênh Chông Mỹ	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-b+a
kênh Chủ Vàng	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 38' 19"	104° 56' 17"	9° 38' 31"	104° 53' 01"	C-48-54-D-b+a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-D-b+a; C-48-54-D-c
kênh Mười Thân	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 21"	104° 55' 27"	9° 37' 10"	104° 51' 55"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
kênh Mương Đào	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 35' 29"	104° 53' 36"	9° 36' 54"	104° 50' 42"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Rạch Bà	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 54"	104° 52' 58"	9° 38' 40"	104° 51' 00"	C-48-54-D-b+a
lung Rọ Ghe	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 40' 31"	104° 53' 40"	C-48-54-D-b+a
rạch Con Heo	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 33"	104° 52' 00"	9° 38' 04"	104° 50' 53"	C-48-54-D-b+a
rạch Nằm Bếp	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 10"	104° 51' 55"	9° 37' 25"	104° 51' 02"	C-48-54-D-c
rạch Nằm Bếp Trong	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 36' 28"	104° 52' 10"	9° 37' 05"	104° 51' 55"	C-48-54-D-c
Rạch Ông	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 38' 16"	104° 53' 00"	9° 39' 09"	104° 50' 50"	C-48-54-D-b+a
ấp Cây Gõ	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 32' 00"	104° 50' 53"					C-48-54-D-c
ấp Kim Quy A1	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 32' 51"	104° 51' 52"					C-48-54-D-c
ấp Kim Quy A2	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 33' 39"	104° 54' 13"					C-48-54-D-d
ấp Kinh Năm Đất Sét	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 31' 03"	104° 53' 27"					C-48-54-D-d
ấp Phát Đạt	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 33' 40"	104° 51' 28"					C-48-54-D-c
Đường tỉnh 964	KX	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-c
Hạt kiểm lâm Huyện An Minh	KX	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 31' 25"	104° 52' 31"					C-48-54-D-d
kênh 327	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 13"	104° 53' 52"	9° 33' 01"	104° 51' 15"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
kênh Chống Mỹ	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-c
kênh Chống Mỹ Cũ	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 38"	104° 51' 09"	9° 34' 05"	104° 51' 34"	C-48-54-D-c
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Ngọn Kim Quy	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 33' 40"	104° 54' 37"	9° 34' 05"	104° 51' 27"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
kênh Xáng 1	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 29' 56"	104° 52' 39"	9° 33' 46"	104° 54' 53"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
kênh Xáng 2	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 11"	104° 53' 04"	9° 36' 03"	104° 55' 01"	C-48-54-D-d
kênh Xáng 3	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 40"	104° 52' 19"	9° 35' 33"	104° 53' 44"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
rạch Cái Kim Quy	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 34' 03"	104° 51' 26"	9° 34' 11"	104° 50' 28"	C-48-54-D-c
rạch Cây Gõ	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 19"	104° 52' 15"	9° 32' 48"	104° 50' 11"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
rạch Địa Lá	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 33' 53"	104° 52' 26"	9° 32' 40"	104° 52' 19"	C-48-54-D-c
Rạch Nẫy	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 33' 38"	104° 50' 30"	9° 33' 24"	104° 51' 13"	C-48-54-D-c
Rạch Sên	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 33' 33"	104° 51' 16"	9° 34' 04"	104° 50' 46"	C-48-54-D-c
rạch Xẻo Đước	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 36"	104° 52' 39"	9° 32' 29"	104° 54' 13"	C-48-54-D-d
sông Cái Tàu	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 00"	104° 50' 08"	9° 29' 42"	104° 52' 46"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b; C-48-54-D-c
khu phố Minh An	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 54' 12"	105° 09' 28"					C-48-55-A-b
khu phố Minh Lạc	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 55' 22"	105° 09' 02"					C-48-55-A-b
khu phố Minh Long	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 53' 40"	105° 09' 49"					C-48-55-A-b
khu phố Minh Phú	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 54' 53"	105° 09' 00"					C-48-55-A-b
khu phố Minh Thành	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 54' 07"	105° 09' 49"					C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Quốc lộ 61	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-b
Quốc lộ 63	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-b
cầu Kơpơ He	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 53' 04"	105° 10' 16"					C-48-55-A-b
chùa Cù Là Cũ	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 55' 14"	105° 08' 53"					C-48-55-A-b
chùa Khlang Mương	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 54' 00"	105° 09' 50"					C-48-55-A-b
Địa điểm lịch sử Tháp Cù Là	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 55' 06"	105° 08' 48"					C-48-55-A-b
kênh Ba Sa	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 55' 30"	105° 12' 18"	9° 55' 02"	105° 11' 03"	C-48-55-A-b
kênh Cà Dao	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 35"	105° 08' 23"	9° 54' 23"	105° 09' 20"	C-48-55-A-b
kênh Cống Số 2	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 05"	105° 08' 55"	9° 52' 10"	105° 09' 33"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
kênh KH1	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
kênh Minh Lương	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 55' 19"	105° 08' 54"	9° 53' 08"	105° 10' 16"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn Cũ	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 57' 08"	105° 09' 16"	9° 55' 05"	105° 13' 22"	C-48-55-A-b
Kênh Ranh	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 55' 52"	105° 10' 05"	9° 54' 51"	105° 10' 33"	C-48-55-A-b
kênh TàKiệp CaĐam	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 56' 15"	105° 11' 37"	9° 53' 11"	105° 10' 14"	C-48-55-A-b
rạch Cà Lang	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 31"	105° 09' 30"	9° 52' 57"	105° 07' 15"	C-48-55-A-b
Rạch Cùng	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 26"	105° 10' 45"	9° 53' 49"	105° 10' 00"	C-48-55-A-b
rạch Kơpơ He	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 09"	105° 11' 15"	9° 52' 15"	105° 10' 35"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
rạch Tà Tung	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 51"	105° 10' 33"	9° 54' 06"	105° 09' 48"	C-48-55-A-b
rạch Tầm Lung	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 55' 15"	105° 11' 38"	9° 54' 09"	105° 11' 15"	C-48-55-A-b
sông Cù Là	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 56' 09"	105° 09' 42"	9° 55' 19"	105° 08' 55"	C-48-55-A-b
ấp An Bình	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 32"	105° 07' 38"					C-48-55-A-b
ấp An Lạc	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 22"	105° 09' 57"					C-48-55-A-d
ấp An Ninh	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 25"	105° 07' 50"					C-48-55-A-d
ấp An Phước	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 53' 14"	105° 08' 27"					C-48-55-A-b
ấp An Thành	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 50' 28"	105° 07' 53"					C-48-55-A-d
ấp An Thới	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 09"	105° 09' 11"					C-48-55-A-d
ấp Gò Đất	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 37"	105° 10' 23"					C-48-55-A-d
ấp Minh Phong	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 53' 35"	105° 08' 21"					C-48-55-A-b
ấp Xà Xiêm	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 09"	105° 08' 43"					C-48-55-A-b
Quốc lộ 63	KX	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
cảng Tắc Cậu	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 48"	105° 07' 16"					C-48-55-A-a
cầu Cái Bé	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 45"	105° 07' 45"					C-48-55-A-c
cầu Cái Lớn	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 21"	105° 07' 05"					C-48-55-A-c
cầu Xà Xiêm	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 12"	105° 08' 22"					C-48-55-A-b
chợ An Lạc	KX	xã Bình An	H. Châu	9° 51' 01"	105° 09' 46"					C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
			Thành							
chùa Minh Long Cổ Tự	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 48"	105° 10' 21"					C-48-55-A-b
chùa Xà Xiêm Cũ	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 13"	105° 09' 29"					C-48-55-A-d
chùa Xà Xiêm Mới	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 32"	105° 08' 56"					C-48-55-A-b
đình Phan Đình Phùng	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 58"	105° 10' 04"					C-48-55-A-d
miếu Ông Bồn	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 00"	105° 07' 02"					C-48-55-A-c
Kênh 4	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 49' 49"	105° 10' 02"	9° 49' 51"	105° 08' 14"	C-48-55-A-d
kênh Cống Số 2	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 54' 05"	105° 08' 55"	9° 52' 10"	105° 09' 33"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
kênh Hầu Dầu	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 49' 50"	105° 08' 53"	9° 50' 12"	105° 08' 04"	C-48-55-A-d
kênh Lô 7	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 51' 01"	105° 09' 47"	9° 50' 44"	105° 09' 13"	C-48-55-A-d
kênh Lô Tư	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 50' 44"	105° 09' 13"	9° 50' 46"	105° 08' 20"	C-48-55-A-d
Kênh Mới	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 50' 44"	105° 09' 13"	9° 49' 50"	105° 09' 17"	C-48-55-A-d
kênh Ông Kiềm	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 50' 22"	105° 09' 58"	9° 49' 49"	105° 10' 02"	C-48-55-A-d
rạch Xà Xiêm	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 51' 59"	105° 10' 21"	9° 52' 10"	105° 09' 33"	C-48-55-A-d
rạch Cà Lang	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 54' 31"	105° 09' 30"	9° 52' 57"	105° 07' 15"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
rạch Cù Lao	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 51' 49"	105° 10' 20"	9° 52' 03"	105° 10' 08"	C-48-55-A-d
rạch Kơpơ He	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 54' 09"	105° 11' 15"	9° 52' 15"	105° 10' 35"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
rạch Lòng Tắc	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 52' 22"	105° 07' 20"	9° 51' 59"	105° 06' 53"	C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
rạch Sóc Tràm	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 52' 10"	105° 09' 33"	9° 52' 12"	105° 07' 34"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
rạch Vàm Cây Thị	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 52' 15"	105° 10' 35"	9° 51' 38"	105° 10' 18"	C-48-55-A-d
sông Cái Bé	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d; C-48-55-A-a
sông Cái Lớn	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
ấp Minh Tân	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 56' 03"	105° 10' 25"					C-48-55-A-b
ấp Tân Bình	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 56' 39"	105° 09' 36"					C-48-55-A-b
ấp Tân Điền	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 28"	105° 08' 57"					C-48-55-A-b
ấp Tân Hưng	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 11"	105° 11' 38"					C-48-55-A-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 57"	105° 11' 53"					C-48-55-A-b
ấp Tân Phước	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 39"	105° 09' 44"					C-48-55-A-b
ấp Tân Thành	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 56' 17"	105° 11' 29"					C-48-55-A-b
ấp Tân Tiến	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 56' 54"	105° 10' 02"					C-48-55-A-b
cầu Nước Mặn Mới	KX	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 08"	105° 09' 19"					C-48-55-A-b
Chùa Chưng	KX	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 13"	105° 11' 50"					C-48-55-A-b
Kênh 8 Thước	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 52"	105° 09' 27"	9° 57' 12"	105° 08' 45"	C-48-55-A-b
Kênh 9 Thước	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 34"	105° 09' 23"	9° 57' 50"	105° 08' 35"	C-48-55-A-b
Kênh 10 Thước	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 59' 50"	105° 11' 35"	9° 57' 12"	105° 12' 57"	C-48-55-A-b
Kênh 15	TV	xã Giục Tượng	H. Châu			9° 58' 17"	105° 11' 54"	9° 56' 12"	105° 14' 24"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Kênh 17	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 59' 09"	105° 12' 42"	9° 57' 10"	105° 14' 45"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Ba Sa	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 55' 30"	105° 12' 18"	9° 55' 02"	105° 11' 03"	C-48-55-A-b
kênh Bầu Thi	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 58"	105° 08' 59"	9° 57' 08"	105° 10' 51"	C-48-55-A-b
kênh Cầu Móng	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 50"	105° 10' 27"	9° 57' 29"	105° 11' 10"	C-48-55-A-b
kênh Đập Đá Cũ	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 59' 23"	105° 12' 56"	9° 58' 09"	105° 12' 33"	C-48-55-A-b
kênh KH1	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 31"	105° 13' 44"	9° 57' 29"	105° 12' 57"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 55' 16"	105° 14' 14"	9° 57' 48"	105° 07' 50"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn Cũ	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 08"	105° 09' 16"	9° 55' 05"	105° 13' 22"	C-48-55-A-b
Kênh Ranh	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 55' 52"	105° 10' 05"	9° 54' 51"	105° 10' 33"	C-48-55-A-b
kênh Tà Sôm	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 19"	105° 12' 05"	9° 56' 49"	105° 10' 12"	C-48-55-A-b
kênh TàKiếp CaĐam	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 56' 15"	105° 11' 37"	9° 53' 11"	105° 10' 14"	C-48-55-A-b
kênh Tám Đô	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 56' 34"	105° 07' 42"	9° 57' 07"	105° 08' 47"	C-48-55-A-b
kênh Tiếp Nước	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 56' 11"	105° 09' 41"	9° 55' 59"	105° 08' 25"	C-48-55-A-b
ngọn Sóc Giữa	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 49"	105° 12' 42"	9° 57' 19"	105° 12' 05"	C-48-55-A-b
rạch Bon Sa	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 09"	105° 12' 33"	9° 57' 53"	105° 10' 35"	C-48-55-A-b
rạch Chòi Mỏi	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 56' 13"	105° 11' 35"	9° 55' 56"	105° 11' 15"	C-48-55-A-b
rạch Kha Na Thum	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 24"	105° 12' 57"	9° 56' 01"	105° 12' 18"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
rạch Láng Tượng	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 59' 23"	105° 12' 29"	9° 57' 10"	105° 09' 12"	C-48-55-A-b
rạch Sóc Giũa	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 49"	105° 11' 28"	9° 57' 16"	105° 11' 45"	C-48-55-A-b
rạch Tà Nôm	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 22"	105° 09' 10"	9° 57' 40"	105° 09' 41"	C-48-55-A-b
ấp An Bình	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 51' 53"	105° 13' 32"					C-48-55-A-d
ấp An Khương	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 52' 52"	105° 13' 29"					C-48-55-A-b
ấp Bình Hoà	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 52' 33"	105° 11' 26"					C-48-55-A-b
ấp Bình Lạc	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 50' 59"	105° 10' 34"					C-48-55-A-d
ấp Bình Lợi	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 52' 00"	105° 13' 00"					C-48-55-A-d
ấp Hoà Hưng	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 53' 00"	105° 12' 16"					C-48-55-A-b
ấp Hoà Thạnh	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 52' 21"	105° 10' 58"					C-48-55-A-d
ấp Minh Hưng	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 53' 38"	105° 12' 21"					C-48-55-A-b
ấp Minh Long	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 53' 58"	105° 11' 30"					C-48-55-A-b
ấp Minh Tân	DC	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 55' 02"	105° 13' 13"					C-48-55-A-b
Quốc lộ 61	KX	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
cầu Chung Bàu	KX	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 52' 01"	105° 13' 03"					C-48-55-A-d
cầu Gò Đất	KX	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 52' 31"	105° 12' 02"					C-48-55-A-b
cầu Kơpơ He	KX	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 53' 04"	105° 10' 16"					C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
chùa Chấn Kha Cũ	KX	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 51' 35"	105° 12' 51"					C-48-55-A-d
chùa Gò Đất	KX	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 52' 23"	105° 11' 05"					C-48-55-A-d
chùa Khoen Tà Tung	KX	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 53' 25"	105° 12' 22"					C-48-55-A-b
thánh thất Bình Linh	KX	xã Minh Hoà	H. Châu Thành	9° 53' 06"	105° 13' 27"					C-48-55-A-b
Kênh 7 Thước	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 55' 05"	105° 13' 14"	9° 54' 35"	105° 12' 46"	C-48-55-A-b
kênh KH3	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 54' 51"	105° 16' 59"	9° 52' 55"	105° 13' 21"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Bà Chàng	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 54' 42"	105° 12' 15"	9° 54' 06"	105° 13' 45"	C-48-55-A-b
kênh Ba Sa	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 55' 30"	105° 12' 18"	9° 55' 02"	105° 11' 03"	C-48-55-A-b
kênh Chung Bầu	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-d
kênh Độ Khóm	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 55' 22"	105° 12' 06"	9° 52' 42"	105° 11' 35"	C-48-55-A-b
kênh Đường Trâu	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 52' 39"	105° 13' 54"	9° 51' 48"	105° 13' 31"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
kênh Huyện Đội	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 55' 43"	105° 13' 07"	9° 52' 33"	105° 12' 04"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
kênh Minh Tân Nước Mặn	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 55' 29"	105° 13' 03"	9° 55' 05"	105° 13' 22"	C-48-55-A-b
kênh Út Chót	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 55' 26"	105° 12' 08"	9° 52' 36"	105° 11' 35"	C-48-55-A-b
kênh Vịnh Chanh	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 52' 04"	105° 10' 28"	9° 51' 14"	105° 10' 41"	C-48-55-A-d
kênh Xóm 2	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 53' 25"	105° 12' 23"	9° 53' 39"	105° 10' 50"	C-48-55-A-b
rạch Chấn Kha	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 52' 16"	105° 14' 43"	9° 51' 34"	105° 12' 53"	C-48-55-A-d
rạch Đường Trâu	TV	xã Minh Hoà	H. Châu			9° 53' 08"	105° 11' 10"	9° 53' 19"	105° 10' 44"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
			Thành							
rạch Gò Đất	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 52' 27"	105° 11' 51"	9° 52' 15"	105° 10' 35"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
rạch Hoà Đồ	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 50' 56"	105° 11' 40"	9° 51' 21"	105° 11' 07"	C-48-55-A-d
rạch Khoen Xây	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 51' 50"	105° 11' 19"	9° 52' 27"	105° 11' 49"	C-48-55-A-d
rạch Kopo He	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 54' 09"	105° 11' 15"	9° 52' 15"	105° 10' 35"	C-48-55-A-b
rạch Lô Bích	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 55' 05"	105° 13' 22"	9° 54' 56"	105° 14' 03"	C-48-55-A-b
rạch Ông Đến	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 55' 05"	105° 13' 22"	9° 53' 43"	105° 13' 19"	C-48-55-A-b
rạch Tà Bôn	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 52' 23"	105° 10' 58"	9° 51' 14"	105° 10' 58"	C-48-55-A-d
rạch TàKiệp CaĐam	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 54' 09"	105° 11' 15"	9° 53' 08"	105° 10' 16"	C-48-55-A-b
rạch Tầm Lung	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 55' 15"	105° 11' 38"	9° 54' 09"	105° 11' 15"	C-48-55-A-b
rạch Vàm Cây Thị	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 52' 15"	105° 10' 35"	9° 51' 38"	105° 10' 18"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
rạch Xẻo Lộp	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 52' 50"	105° 11' 04"	9° 52' 15"	105° 10' 40"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
sông Cái Bé	TV	xã Minh Hoà	H. Châu Thành			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-d
ấp Hoà An	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 29"	105° 11' 32"					C-48-43-C-d
ấp Hoà Bình	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 02' 35"	105° 12' 37"					C-48-43-C-d
ấp Hoà Phú	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 57"	105° 11' 59"					C-48-43-C-d
ấp Hoà Thọ	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 10"	105° 11' 13"					C-48-43-C-d
ấp Hoà Tiến	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 02' 34"	105° 12' 59"					C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Quốc lộ 80	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-d
Cầu Bàn	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 47"	105° 11' 46"					C-48-43-C-d
cầu Số 2	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 02' 18"	105° 12' 16"					C-48-43-C-d
cầu Số 3 Nhỏ	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 02' 47"	105° 12' 44"					C-48-43-C-d
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 25"	105° 11' 30"					C-48-43-C-d
thánh thất Cao Đài	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 22"	105° 11' 26"					C-48-43-C-d
Kênh 17	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 01' 03"	105° 11' 02"	9° 59' 09"	105° 12' 42"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
Kênh 18	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 01' 19"	105° 11' 18"	9° 59' 32"	105° 13' 04"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
Kênh 19	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 01' 48"	105° 11' 45"	10° 00' 35"	105° 12' 59"	C-48-43-C-d
kênh KH1	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
kênh Cái Sắn	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 02' 38"	105° 13' 21"	10° 01' 56"	105° 12' 39"	C-48-43-C-d
kênh Huyện Kiển	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 02' 43"	105° 13' 26"	9° 59' 56"	105° 12' 40"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Số 2	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 02' 19"	105° 12' 15"	10° 00' 34"	105° 14' 01"	C-48-43-C-d
kênh Số 3	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 02' 12"	105° 13' 21"	10° 02' 48"	105° 12' 43"	C-48-43-C-d
ấp Hoà Bình	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 02' 45"	105° 12' 03"					C-48-43-C-d
ấp Hoà Ninh	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 01' 44"	105° 10' 19"					C-48-43-C-d
ấp Hoà Thuận 1	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 01' 50"	105° 11' 09"					C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Hoà Thuận 2	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 02' 13"	105° 10' 56"					C-48-43-C-d
ấp Thạnh An	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 04' 09"	105° 10' 26"					C-48-43-C-d
ấp Thạnh Hoà	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 03' 05"	105° 09' 31"					C-48-43-C-d
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 03' 31"	105° 09' 53"					C-48-43-C-d
chùa Bửu Thọ	KX	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 01' 39"	105° 11' 34"					C-48-43-C-d
Kênh 1	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 35"	105° 09' 08"	10° 03' 15"	105° 08' 50"	C-48-43-C-d
Kênh 2	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 42"	105° 09' 14"	10° 03' 20"	105° 08' 54"	C-48-43-C-d
Kênh 3	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 47"	105° 09' 18"	10° 03' 24"	105° 08' 58"	C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 51"	105° 09' 22"	10° 03' 28"	105° 09' 01"	C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 04"	105° 09' 33"	10° 00' 46"	105° 10' 46"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 57"	105° 09' 27"	10° 03' 34"	105° 09' 06"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 32"	105° 08' 36"	10° 00' 04"	105° 10' 05"	C-48-43-C-d
kênh 5A	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 04' 00"	105° 10' 20"	10° 02' 29"	105° 12' 24"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 04"	105° 09' 33"	10° 03' 42"	105° 09' 14"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 04' 21"	105° 07' 41"	10° 03' 29"	105° 09' 54"	C-48-43-C-d
kênh Ba Chùa	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 56"	105° 10' 17"	10° 01' 28"	105° 11' 26"	C-48-43-C-d
kênh Ba Chùa Cũ	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 29"	105° 09' 54"	10° 03' 19"	105° 10' 28"	C-48-43-C-d
kênh Cái Sắn	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Đồn Đông	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-d
kênh Nhà Nguyễn	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 04' 28"	105° 09' 51"	10° 04' 04"	105° 10' 24"	C-48-43-C-d
Kênh Ranh	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 32"	105° 08' 14"	10° 04' 10"	105° 09' 32"	C-48-43-C-d
kênh Thầy Thông	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 04' 28"	105° 09' 51"	10° 06' 41"	105° 06' 21"	C-48-43-C-d
kênh Xếp Mậu	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 05"	105° 12' 01"	10° 03' 19"	105° 10' 28"	C-48-43-C-d
lung Ô Kê	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 05' 09"	105° 08' 51"	10° 04' 56"	105° 09' 48"	C-48-43-C-d
ấp Phước Chung	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 48"	105° 10' 56"					C-48-55-A-b
ấp Phước Hoà	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 58' 40"	105° 08' 46"					C-48-55-A-b
ấp Phước Lợi	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 18"	105° 09' 25"					C-48-55-A-b
ấp Phước Ninh	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	10° 00' 48"	105° 10' 52"					C-48-43-C-d
ấp Phước Tân	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 09"	105° 12' 00"					C-48-55-A-b
Quốc lộ 80	KX	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-b; C-48-55-C-d
cầu Chung Sư	KX	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 48"	105° 09' 52"					C-48-55-A-b
Cầu Quảng	KX	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 57' 52"	105° 08' 01"					C-48-55-A-b
chùa Kro Săn	KX	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 20"	105° 09' 25"					C-48-55-A-b
kênh KH1	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
kênh 9 Thước	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 34"	105° 09' 23"	9° 57' 50"	105° 08' 35"	C-48-55-A-b
Kênh 10 Thước	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 59' 50"	105° 11' 35"	9° 57' 12"	105° 12' 57"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh 17	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 01' 03"	105° 11' 02"	9° 59' 09"	105° 12' 42"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Bầu Thi	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 58"	105° 08' 59"	9° 57' 08"	105° 10' 51"	C-48-55-A-b
kênh Bầu Thi Cũ	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 57"	105° 09' 01"	9° 58' 41"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
kênh Cái Sắn	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-b
kênh Chung Sư	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 59' 50"	105° 09' 50"	9° 59' 50"	105° 11' 34"	C-48-55-A-b
kênh Công Trường	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 59' 46"	105° 10' 00"	9° 58' 50"	105° 10' 27"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 57' 48"	105° 07' 50"	C-48-55-A-b
kênh Sau Làng	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 02' 18"	105° 12' 16"	9° 57' 52"	105° 08' 01"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
rạch Bon Sa	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 09"	105° 12' 33"	9° 57' 53"	105° 10' 35"	C-48-55-A-b
rạch Láng Tượng	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 59' 23"	105° 12' 29"	9° 57' 10"	105° 09' 12"	C-48-55-A-b
rạch Tà Nôm	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 22"	105° 09' 10"	9° 57' 40"	105° 09' 41"	C-48-55-A-b
ấp Hoà Lộc	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	9° 58' 45"	105° 08' 43"					C-48-55-A-b
ấp Hoà Lợi	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 00' 10"	105° 09' 18"					C-48-43-C-d
ấp Hoà Phước	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	9° 58' 03"	105° 08' 02"					C-48-55-A-b
ấp Thạnh Bình	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 00' 36"	105° 07' 03"					C-48-43-C-c
ấp Thạnh Hoà	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 02' 00"	105° 08' 42"					C-48-43-C-d
ấp Thạnh Hưng	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 01' 34"	105° 08' 19"					C-48-43-C-d
ấp Thạnh Yên	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 00' 02"	105° 07' 31"					C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
chùa Tà Bết	KX	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 00' 10"	105° 06' 54"					C-48-43-C-c
Kênh 5	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 03' 32"	105° 08' 36"	10° 00' 04"	105° 10' 05"	C-48-43-C-d
kênh 5 Cùng	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 02' 48"	105° 08' 20"	10° 02' 27"	105° 09' 01"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 03' 00"	105° 07' 56"	9° 59' 31"	105° 09' 32"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
Kênh 7	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 01' 02"	105° 07' 47"	9° 59' 04"	105° 09' 05"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh 7 Cây Sao	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 02' 27"	105° 06' 46"	10° 01' 19"	105° 08' 02"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Ba Sạ	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 44"	105° 08' 06"	10° 01' 21"	105° 08' 50"	C-48-43-C-d
kênh Bấc Hồ	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 07' 00"	9° 59' 35"	105° 07' 09"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Dây Ốc	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 01' 40"	105° 06' 13"	10° 00' 22"	105° 06' 52"	C-48-43-C-c
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Đường Trâu Lớn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 35"	105° 09' 07"	10° 00' 15"	105° 08' 14"	C-48-43-C-d
kênh Đường Trâu Nhỏ	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 16"	105° 08' 47"	9° 59' 57"	105° 09' 22"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Ông Hiên	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-55-A-b
Kênh Ranh	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 02' 32"	105° 08' 14"	10° 04' 10"	105° 09' 32"	C-48-43-C-d
kênh Ranh Rạch Giá	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 05"	105° 06' 16"	10° 00' 41"	105° 06' 42"	C-48-43-C-c
kênh Tà Ben	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 15"	105° 08' 14"	10° 00' 03"	105° 06' 55"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Vành Đai	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 01' 08"	105° 05' 28"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-55-A-b
lưng Khoen Cà Na	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 02' 15"	105° 08' 14"	10° 01' 35"	105° 07' 52"	C-48-43-C-d
rạch San Nạn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			9° 58' 42"	105° 08' 43"	9° 59' 36"	105° 08' 42"	C-48-55-A-b
rạch Tà Kiệt	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			9° 58' 50"	105° 08' 17"	9° 58' 36"	105° 08' 05"	C-48-55-A-b
rạch Tà Kiệt	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 17"	105° 08' 09"	9° 58' 34"	105° 08' 35"	C-48-55-A-b
rạch Tầm Lôn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 01' 35"	105° 07' 52"	10° 00' 06"	105° 06' 57"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
ấp Hoà Thuận	DC	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 24"	105° 08' 34"					C-48-55-A-b
ấp Súa Đũa	DC	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành	9° 56' 36"	105° 08' 00"					C-48-55-A-b
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành	9° 56' 02"	105° 06' 52"					C-48-55-A-c
ấp Vĩnh Thành A	DC	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 47"	105° 07' 47"					C-48-55-A-b
ấp Vĩnh Thành B	DC	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 45"	105° 07' 03"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 61	KX	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-b
cầu Tà Niên	KX	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 49"	105° 08' 13"					C-48-55-A-b
chùa Ông Địa	KX	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 45"	105° 09' 19"					C-48-55-A-b
chùa Ông Te	KX	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành	9° 56' 11"	105° 06' 49"					C-48-55-A-a
chùa Vĩnh Phước	KX	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 42"	105° 07' 04"					C-48-55-A-a
kênh Đập Đá	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 55' 29"	105° 06' 59"	9° 55' 19"	105° 06' 18"	C-48-55-A-a
kênh Nông Thôn	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 57' 15"	105° 07' 31"	9° 56' 00"	105° 08' 27"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Ông Hiền	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 56' 23"	105° 06' 50"	9° 54' 26"	105° 06' 42"	C-48-55-A-a
kênh Tám Đô	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 56' 34"	105° 07' 42"	9° 57' 07"	105° 08' 47"	C-48-55-A-b
kênh Tiếp Nước	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 56' 11"	105° 09' 41"	9° 55' 59"	105° 08' 25"	C-48-55-A-b
rạch Sua Đũa	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 55' 59"	105° 08' 25"	9° 55' 19"	105° 08' 55"	C-48-55-A-b
rạch Tà Niên	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 55' 59"	105° 08' 25"	9° 55' 29"	105° 06' 59"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
rạch Xẻo Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 55' 40"	105° 07' 44"	9° 54' 42"	105° 08' 03"	C-48-55-A-b
sông Cái Bé	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-a
sông Cù Là	TV	xã Vĩnh Hoà Hiệp	H. Châu Thành			9° 56' 09"	105° 09' 42"	9° 55' 19"	105° 08' 55"	C-48-55-A-b
ấp Vĩnh Đăng	DC	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 54' 26"	105° 08' 23"					C-48-55-A-b
ấp Vĩnh Hoà 1	DC	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 55' 03"	105° 06' 56"					C-48-55-A-a
ấp Vĩnh Hoà 2	DC	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 53' 01"	105° 07' 18"					C-48-55-A-a
ấp Vĩnh Hội	DC	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 55' 23"	105° 06' 38"					C-48-55-A-a
ấp Vĩnh Phú	DC	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 53' 12"	105° 07' 05"					C-48-55-A-a
ấp Vĩnh Quới	DC	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 54' 46"	105° 06' 22"					C-48-55-A-a
chùa Phước Liên	KX	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 52' 58"	105° 07' 16"					C-48-55-A-a
miếu Bà Chúa Sứ	KX	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 55' 51"	105° 05' 57"					C-48-55-A-a
miếu Cây Dương	KX	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 55' 18"	105° 06' 20"					C-48-55-A-a
miếu Quan Âm	KX	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 52' 08"	105° 07' 01"					C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
thánh thất Hưng Chánh Đàn	KX	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành	9° 55' 24"	105° 06' 56"					C-48-55-A-a
kênh Cà Dao	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 54' 35"	105° 08' 23"	9° 54' 23"	105° 09' 20"	C-48-55-A-b
kênh Đập Đá	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 55' 29"	105° 06' 59"	9° 55' 19"	105° 06' 18"	C-48-55-A-a
kênh Khe Luông	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 55' 11"	105° 06' 16"	9° 54' 56"	105° 05' 49"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiền	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 56' 23"	105° 06' 50"	9° 54' 26"	105° 06' 42"	C-48-55-A-a
kênh Xóm Việt	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 54' 18"	105° 07' 06"	9° 54' 35"	105° 08' 23"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
rạch Cà Lang	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 54' 31"	105° 09' 30"	9° 52' 57"	105° 07' 15"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
rạch Lồng Tắc	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 52' 22"	105° 07' 20"	9° 51' 59"	105° 06' 53"	C-48-55-A-c
rạch Tà Niên	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 55' 59"	105° 08' 25"	9° 55' 29"	105° 06' 59"	C-48-55-A-a
rạch Xẻo Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 55' 40"	105° 07' 44"	9° 54' 42"	105° 08' 03"	C-48-55-A-b
sông Cái Bé	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-a
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Hoà Phú	H. Châu Thành			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c
ấp Cả Ngay	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 27' 55"	104° 34' 37"					C-48-42-A-a
ấp Cỏ Quen	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 27' 58"	104° 36' 00"					C-48-42-A-a
ấp Giồng Kè	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 28' 42"	104° 35' 15"					C-48-42-A-a
ấp Rạch Gõ	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 29' 29"	104° 34' 17"					C-48-42-A-a
ấp Tà Teng	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 27' 09"	104° 37' 35"					C-48-42-A-b
Quốc lộ N1	KX	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-42-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Tà Teng	KX	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 26' 19"	104° 37' 57"					C-48-42-A-b
kênh Chùa Tà Teng	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 26' 16"	104° 36' 53"	10° 26' 13"	104° 38' 16"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh Hà Giang	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-42-A-a
kênh Hà Giang Cũ	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 31' 40"	104° 36' 51"	10° 28' 20"	104° 34' 54"	C-48-42-A-a
kênh HN0	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 41"	104° 37' 30"	10° 28' 43"	104° 35' 23"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a
kênh HN1	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 30"	104° 38' 51"	10° 26' 48"	104° 34' 52"	C-48-42-A-a
kênh HN2	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 24"	104° 39' 38"	10° 26' 37"	104° 35' 34"	C-48-42-A-a;C-48-42-A-b
kênh HN3	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 19"	104° 40' 25"	10° 26' 26"	104° 36' 14"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN4	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 28' 26"	104° 39' 04"	10° 26' 18"	104° 36' 45"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN5	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 28' 13"	104° 39' 27"	10° 26' 18"	104° 37' 59"	C-48-42-A-b
kênh HT5	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 28' 03"	104° 39' 45"	10° 28' 49"	104° 36' 01"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh Nông Trường	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-b
kênh NT1	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 29' 05"	104° 40' 53"	10° 25' 31"	104° 38' 25"	C-48-42-A-b
kênh Trà Phô	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 26' 55"	104° 34' 25"	10° 25' 15"	104° 38' 58"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
rạch Cái Đôi (rạch Cái Đôi Lán)	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 29' 59"	104° 35' 16"	10° 30' 06"	104° 36' 33"	C-48-42-A-a
Rạch Gổ	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 28' 42"	104° 34' 37"	10° 29' 38"	104° 34' 36"	C-48-42-A-a
rạch Trà Phọt	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 27' 08"	104° 34' 10"	10° 23' 37"	104° 36' 35"	C-48-42-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a
ấp Kinh Mới	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 26' 37"	104° 35' 30"					C-48-42-A-a
ấp Rạch Dứa	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 23' 35"	104° 32' 05"					C-48-42-A-a
ấp Thuận An	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 21' 57"	104° 34' 45"					C-48-42-A-a
ấp Trà Phô	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 26' 39"	104° 33' 55"					C-48-42-A-a
ấp Trà Phọt (ấp Cà Pho)	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 26' 22"	104° 34' 15"					C-48-42-A-a
ấp Trần Thệ	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 25' 44"	104° 37' 51"					C-48-42-A-a
Quốc lộ N1	KX	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
cầu Trà Phô	KX	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 26' 54"	104° 34' 02"					C-48-42-A-a
Kênh 9	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 18' 50"	104° 45' 04"	10° 24' 06"	104° 37' 16"	C-48-42-A-a;C-48-42-A-b
kênh Hà Giang	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh HT6	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 26' 08"	104° 33' 34"	10° 25' 23"	104° 37' 43"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh K3	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 21' 19"	104° 32' 29"	10° 22' 35"	104° 32' 35"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b; C-48-42-A-c
kênh Rạch Đồng Hoà (rạch Sậy)	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 20' 58"	104° 33' 01"	10° 23' 51"	104° 34' 15"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Rạch Vược	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 21' 48"	104° 30' 21"	10° 22' 22"	104° 34' 22"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Trà Phô	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 26' 55"	104° 34' 25"	10° 25' 15"	104° 38' 58"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
rạch Trà Phọt	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 27' 08"	104° 34' 10"	10° 23' 37"	104° 36' 35"	C-48-42-A-a
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-42-A-a
ấp Hoà Khánh	DC	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành	10° 31' 56"	104° 35' 50"					C-48-30-C-c
ấp Khánh Hoà	DC	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành	10° 31' 21"	104° 38' 17"					C-48-30-C-d
ấp Khánh Tân	DC	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành	10° 29' 32"	104° 38' 45"					C-48-42-A-b
ấp Tân Khánh	DC	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành	10° 29' 37	104° 37' 55"					C-48-42-A-a
ấp Tân Thạnh (Phum Tà Mên)	DC	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành	10° 31' 08"	104° 36' 33"					C-48-30-C-c
ấp Tân Tiến	DC	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành	10° 29' 58"	104° 36' 46"					C-48-30-C-c
ấp Tiên Khánh	DC	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành	10° 26' 48"	104° 38' 41"					C-48-42-A-b
Quốc lộ N1	KX	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-30-C-c; C-48-30-C-d; C-48-42-A-a
Kênh 750	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 31' 23"	104° 36' 41"	10° 29' 50"	104° 46' 45"	C-48-30-C-c; C-48-30-C-d
kênh Đường Tượng	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 30' 55"	104° 35' 14"	10° 30' 09"	104° 36' 56"	C-48-30-C-c
kênh Hà Giang	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-30-C-c; C-48-30-C-d; C-48-42-A-a
kênh Hà Giang Cũ	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 31' 40"	104° 36' 51"	10° 28' 20"	104° 34' 54"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a
kênh HN0	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 30' 41"	104° 37' 30"	10° 28' 43"	104° 35' 23"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-a; C-48-42-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh HN1	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 30' 30"	104° 38' 51"	10° 26' 48"	104° 34' 52"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN2	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 30' 24"	104° 39' 38"	10° 26' 37"	104° 35' 34"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN3	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 30' 19"	104° 40' 25"	10° 26' 26"	104° 36' 14"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN4	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 28' 26"	104° 39' 04"	10° 26' 18"	104° 36' 45"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN5	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 28' 13"	104° 39' 27"	10° 26' 18"	104° 37' 59"	C-48-42-A-b
kênh HT1	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 31' 01"	104° 37' 52"	10° 29' 39"	104° 44' 53"	C-48-30-C-d
kênh HT2	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 30' 39"	104° 37' 32"	10° 29' 10"	104° 44' 38"	C-48-30-C-d
kênh HT5	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 28' 03"	104° 39' 45"	10° 28' 49"	104° 36' 01"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh Nông Trường	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-b
kênh Vĩnh Tế	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 32' 02"	104° 35' 49"	10° 30' 26"	104° 46' 50"	C-48-30-C-c; C-48-30-C-d
rạch Cái Đôi (rạch Cái Đôi Lớn)	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 29' 59"	104° 35' 16"	10° 30' 06"	104° 36' 33"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a
rạch Dừa (Rạch Cây Dừa)	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 31' 47"	104° 38' 41"	10° 32' 27"	104° 38' 56"	C-48-30-C-d
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	xã Tân Khánh Hoà	H. Giang Thành			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a
ấp Cống Cả	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 31' 25"	104° 41' 57"					C-48-30-C-d
ấp Đồng Cừ	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 31' 37"	104° 40' 44"					C-48-30-C-d
ấp Nha Sáp	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 30' 59"	104° 43' 16"					C-48-30-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Tà Êm	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 31' 35"	104° 41' 22"					C-48-30-C-d
ấp Tràm Trỏi	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 29' 13"	104° 42' 34"					C-48-42-A-b
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 26' 51"	104° 38' 50"					C-48-42-A-b
di tích lịch sử văn hóa đình thần Nguyễn Hữu Cánh	KX	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 31' 30"	104° 41' 55"					C-48-30-C-d
Quốc lộ N1	KX	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-30-C-d
Kênh 13	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 25' 15"	104° 38' 58"	10° 23' 52"	104° 41' 54"	C-48-42-A-a
Kênh 750	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 31' 23"	104° 36' 41"	10° 29' 50"	104° 46' 45"	C-48-30-C-d
kênh HN3	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 30' 19"	104° 40' 25"	10° 26' 26"	104° 36' 14"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-b
kênh HT1	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 31' 01"	104° 37' 52"	10° 29' 39"	104° 44' 53"	C-48-30-C-d
kênh HT2	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 30' 39"	104° 37' 32"	10° 29' 10"	104° 44' 38"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-b
kênh HT3	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 28' 40"	104° 44' 23"	10° 29' 45"	104° 40' 32"	C-48-42-A-b
kênh HT4	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 29' 14"	104° 40' 22"	10° 28' 11"	104° 44' 08"	C-48-42-A-b
kênh Nông Trường	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-b; C-48-30-C-d
kênh NT1	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 29' 05"	104° 40' 53"	10° 25' 31"	104° 38' 25"	C-48-42-A-b
kênh Vĩnh Tế	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 32' 02"	104° 35' 49"	10° 30' 26"	104° 46' 50"	C-48-30-C-d
rạch Nha Sáp	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 31' 35"	104° 43' 56"	10° 29' 57"	104° 43' 51"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-b
ấp Đồng Cơ	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 25' 06"	104° 42' 29"					C-48-42-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Mẹt Lung (ấp Vĩnh Hoà)	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 30' 34"	104° 44' 33"					C-48-30-C-d
Ấp Mới	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 30' 22"	104° 46' 10"					C-48-30-D-c
ấp T4	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 25' 31"	104° 45' 49"					C-48-42-B-a
ấp T5	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 23' 43"	104° 47' 53"					C-48-42-B-a
Quốc lộ N1	KX	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-30-D-c; C-48-30-C-d
Kênh 13	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 25' 15"	104° 38' 58"	10° 23' 52"	104° 41' 54"	C-48-42-A-b
Kênh 750	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 31' 23"	104° 36' 41"	10° 29' 50"	104° 46' 45"	C-48-30-D-c; C-48-30-C-d; C-48-42-B-a
kênh HT1	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 31' 01"	104° 37' 52"	10° 29' 39"	104° 44' 53"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-b
kênh HT1	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 29' 31"	104° 44' 49"	10° 29' 18"	104° 46' 36"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh HT2	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 30' 39"	104° 37' 32"	10° 29' 10"	104° 44' 38"	C-48-42-A-b
kênh HT3	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 28' 40"	104° 44' 23"	10° 29' 45"	104° 40' 32"	C-48-42-A-b
kênh HT4	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 29' 14"	104° 40' 22"	10° 28' 11"	104° 44' 08"	C-48-42-A-b
kênh K1	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 25' 48"	104° 42' 55"	10° 24' 36"	104° 45' 24"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh K2	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 26' 44"	104° 43' 24"	10° 23' 36"	104° 47' 54"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh K3	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 27' 43"	104° 43' 54"	10° 24' 24"	104° 48' 23"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh K9	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 29' 18"	104° 46' 35"	10° 26' 06"	104° 48' 41"	C-48-42-B-a
Kênh Năng	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 29' 59"	104° 45' 19"	10° 25' 11"	104° 48' 52"	C-48-42-B-a
kênh T2	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 22' 07"	104° 47' 02"	10° 24' 46"	104° 42' 22"	C-48-42-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh T3	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 30' 23"	104° 45' 16"	10° 17' 19"	104° 38' 31"	C-48-30-D-c; C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh T4	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 28' 28"	104° 47' 22"	10° 20' 11"	104° 43' 06"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh Thời Trang	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 17' 16"	104° 40' 02"	10° 29' 20"	104° 46' 13"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Vĩnh Tế	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 32' 02"	104° 35' 49"	10° 30' 26"	104° 46' 50"	C-48-30-D-c; C-48-30-C-d
kênh Võ Văn Kiệt	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 25' 30"	104° 49' 03"	10° 12' 53"	104° 42' 13"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
rạch Mẹt Lung	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 30' 44"	104° 45' 09"	10° 30' 26"	104° 45' 08"	C-48-30-D-c
rạch Nha Sáp	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 31' 35"	104° 43' 56"	10° 29' 57"	104° 43' 51"	C-48-30-C-d
Khu phố 3	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 09"	105° 18' 27"					C-48-55-B-a
Khu phố 4	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 22"	105° 19' 10"					C-48-55-B-a
Khu phố 6	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 51"	105° 18' 55"					C-48-55-B-a
Khu phố 7	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 54"	105° 18' 19"					C-48-55-B-a
Khu phố 8	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 36"	105° 18' 05"					C-48-55-B-a
khu phố Hồng Hạnh	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 44"	105° 17' 54"					C-48-55-B-a
khu phố Kim Liên	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 12"	105° 18' 43"					C-48-55-B-a
khu phố Nội Ô	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 4"	105° 18' 42"					C-48-55-B-a
khu phố Quang Mẫn	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 35"	105° 17' 08"					C-48-55-B-a
khu phố Vĩnh Hoà	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 13"	105° 16' 00"					C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
khu phố Vĩnh Phước	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 35"	105° 16' 27"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963B	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 51' 03"	105° 14' 16"	10° 02' 34"	105° 23' 50"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
Đường tỉnh 963C	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 46' 26"	105° 18' 49"	9° 53' 58"	105° 18' 08"	C-48-55-B-a
cầu Giồng Riềng	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 24"	105° 18' 40"					C-48-55-B-a
cầu Hồng Hạnh	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 57"	105° 18' 09"					C-48-55-B-a
cầu Rạch Chanh 1	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 20"	105° 16' 03"					C-48-55-B-c
cầu Vàm Cống	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 18"	105° 18' 16"					C-48-55-B-a
chùa Ngã Ba	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 57"	105° 18' 40"					C-48-55-B-a
chùa Vạn Hoà	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 09"	105° 18' 42"					C-48-55-B-a
Kênh 1	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 54' 50"	105° 18' 39"	9° 54' 44"	105° 18' 26"	C-48-55-B-a
Kênh 5	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 55' 16"	105° 18' 22"	9° 55' 04"	105° 18' 03"	C-48-55-B-a
Kênh 6	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 55' 22"	105° 18' 20"	9° 54' 40"	105° 17' 41"	C-48-55-B-a
Kênh 6 Thước	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 51' 12"	105° 14' 09"	9° 52' 28"	105° 15' 46"	C-48-55-B-c
kênh Bến Nhứt Giồng Riềng	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 54' 23"	105° 18' 41"	9° 50' 56"	105° 14' 19"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
kênh Mù U	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 52' 18"	105° 16' 03"	9° 51' 58"	105° 17' 26"	C-48-55-B-c
kênh Rừng Dừa	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 55' 13"	105° 17' 53"	9° 54' 44"	105° 18' 26"	C-48-55-B-a
kênh Sóc Ông Hai	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 54' 41"	105° 18' 50"	9° 56' 48"	105° 17' 54"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
rạch Bông Súng	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 56' 22"	105° 19' 11"	9° 54' 38"	105° 18' 48"	C-48-55-B-a
Rạch Chanh	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 52' 18"	105° 16' 03"	9° 53' 10"	105° 15' 39"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
sông Cái Bé	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
sông Giồng Riềng	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 55' 16"	105° 14' 14"	C-48-55-B-a
ấp Năm Chiến	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 56' 39"	105° 14' 48"					C-48-55-A-b
ấp Nguyễn Tấn Thêm	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 29"	105° 13' 36"					C-48-55-A-b
ấp Nguyễn Văn Rồ	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 43"	105° 14' 21"					C-48-55-A-b
ấp Sở Tại	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 18"	105° 14' 00"					C-48-55-A-b
ấp Tràm Chệt	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 56' 00"	105° 14' 32"					C-48-55-A-b
ấp Trần Văn Nghĩa	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 56' 59"	105° 15' 57"					C-48-55-B-a
ấp Xẻo Cui	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 48"	105° 12' 58"					C-48-55-A-b
chợ Tân Định	KX	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 16"	105° 14' 09"					C-48-55-A-b
chùa Tân Hưng	KX	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 20"	105° 14' 14"					C-48-55-A-b
kênh 12	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			10° 00' 35"	105° 12' 59"	9° 57' 54"	105° 15' 35"	C-48-55-B-a
kênh 15	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 58' 17"	105° 11' 54"	9° 56' 12"	105° 14' 24"	C-48-55-A-b
kênh 17	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 59' 09"	105° 12' 42"	9° 57' 10"	105° 14' 45"	C-48-55-A-b
kênh Cây Dương	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 58' 50"	105° 14' 40"	9° 56' 37"	105° 14' 40"	C-48-55-A-b
kênh Cây Gòn	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 33"	105° 15' 36"	9° 57' 07"	105° 14' 48"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Cây Mướp	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 54"	105° 15' 35"	9° 56' 37"	105° 14' 40"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Chung Bàu	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-b
kênh Đường Trâu Lớn	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 03"	105° 14' 45"	9° 55' 51"	105° 14' 15"	C-48-55-A-b
kênh Đường Trâu Nhỏ	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 56' 45"	105° 13' 44"	9° 55' 45"	105° 13' 56"	C-48-55-A-b
kênh Hoà Đồ	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 56' 46"	105° 15' 47"	9° 55' 05"	105° 16' 01"	C-48-55-B-a
kênh KH7	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 10"	105° 14' 45"	9° 56' 29"	105° 15' 28"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh KH12	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 54"	105° 15' 35"	9° 57' 13"	105° 16' 16"	C-48-55-B-a
kênh Năm Huối	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 56' 54"	105° 13' 33"	9° 55' 50"	105° 12' 48"	C-48-55-A-b
kênh Ngang	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 31"	105° 13' 44"	9° 57' 29"	105° 12' 57"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 55' 16"	105° 14' 14"	9° 57' 48"	105° 07' 50"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn Cũ	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 08"	105° 09' 16"	9° 55' 05"	105° 13' 22"	C-48-55-A-b
kênh Thầy Ban	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			10° 00' 14"	105° 15' 31"	9° 57' 54"	105° 15' 35"	C-48-55-B-a
kênh Tràm Chệt Nhỏ	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 55' 51"	105° 14' 37"	9° 55' 32"	105° 13' 35"	C-48-55-A-b
rạch Kha Na Thum	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 24"	105° 12' 57"	9° 56' 01"	105° 12' 18"	C-48-55-A-b
rạch Lô Bích	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 55' 05"	105° 13' 22"	9° 54' 56"	105° 14' 03"	C-48-55-A-b
rạch Tràm Chệt Lớn	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 56' 37"	105° 14' 40"	9° 55' 46"	105° 14' 42"	C-48-55-A-b
ấp Cây Trôm	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 52' 57"	105° 14' 40"					C-48-55-B-a
ấp Giồng Đá	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 53' 49"	105° 14' 54"					C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Láng Sen	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 53' 31"	105° 15' 27"					C-48-55-B-a
ấp Láng Sơn	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 54' 09"	105° 15' 36"					C-48-55-B-a
ấp Rạch Cù	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 55' 29"	105° 14' 28"					C-48-55-A-b
ấp Tà Yếm	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 54' 45"	105° 14' 02"					C-48-55-A-b
ấp Trần Tác Chiến	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 54' 49"	105° 14' 56"					C-48-55-A-b
Kênh 6 Thước	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 14' 22"	9° 52' 41"	105° 15' 09"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Ba Bằng	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 54"	105° 16' 24"	9° 53' 56"	105° 15' 31"	C-48-55-B-a
kênh Bảy Hiên	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 55' 06"	105° 14' 40"	9° 54' 57"	105° 14' 04"	C-48-55-A-b
kênh Cây Trôm	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 55"	105° 14' 42"	9° 53' 06"	105° 14' 22"	C-48-55-A-b
kênh Cây Trôm Nhánh	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 14' 22"	9° 52' 44"	105° 15' 12"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Chung Bầu	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-b
kênh Giồng Đá	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 55' 06"	105° 14' 39"	9° 52' 48"	105° 13' 03"	C-48-55-A-b
kênh KH3	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 54' 51"	105° 16' 59"	9° 52' 55"	105° 13' 21"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Láng Sơn	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 54' 35"	105° 15' 34"	9° 53' 34"	105° 15' 24"	C-48-55-B-a
kênh Miếu Ông Tà	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 34"	105° 15' 24"	9° 53' 10"	105° 15' 39"	C-48-55-B-a
Rạch Chanh	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 52' 18"	105° 16' 03"	9° 53' 10"	105° 15' 39"	C-48-55-B-a
Rạch Cũ	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 55' 46"	105° 14' 42"	9° 55' 07"	105° 14' 47"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
rạch Giồng Đá	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 37"	105° 13' 36"	9° 54' 29"	105° 15' 18"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
sông Giồng Riềng	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 55' 16"	105° 14' 14"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
ấp Cây Huệ	DC	xã Hoà An	H. Giồng Riềng	9° 52' 19"	105° 26' 55"					C-48-55-B-d
ấp Kênh Tràm	DC	xã Hoà An	H. Giồng Riềng	9° 54' 05"	105° 27' 36"					C-48-55-B-b
ấp Thác Lác	DC	xã Hoà An	H. Giồng Riềng	9° 53' 13"	105° 26' 29"					C-48-55-B-d
ấp Trảng Tranh	DC	xã Hoà An	H. Giồng Riềng	9° 54' 58"	105° 26' 22"					C-48-55-B-b
ấp Xẻo Dầu	DC	xã Hoà An	H. Giồng Riềng	9° 53' 41"	105° 25' 40"					C-48-55-B-b
kênh 12 Cũ	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 15"	105° 28' 31"	C-48-55-B-b
Kênh Bà	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 55' 16"	105° 26' 12"	9° 54' 16"	105° 26' 54"	C-48-55-B-b
kênh Bà Đầm	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 55' 54"	105° 26' 52"	9° 54' 39"	105° 27' 27"	C-48-55-B-b
kênh Bào Cống	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 35"	105° 28' 40"	C-48-55-B-b
kênh Bờ Lu	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 53' 13"	105° 26' 31"	9° 52' 49"	105° 25' 46"	C-48-55-B-b
kênh Bốn Thước	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 56' 15"	105° 27' 17"	9° 54' 57"	105° 27' 53"	C-48-55-B-b
kênh Bốn Thước	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 54' 11"	105° 27' 28"	9° 53' 00"	105° 25' 37"	C-48-55-B-b
kênh Cầu Kè	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 53' 43"	105° 28' 07"	9° 52' 48"	105° 26' 40"	C-48-55-B-b
kênh KH7	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 58' 10"	105° 28' 38"	C-48-55-B-b
kênh KH7-12	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 55' 05"	105° 23' 40"	9° 54' 05"	105° 25' 41"	C-48-55-B-b
kênh KH7-13	TV	xã Hoà An	H. Giồng Riềng			9° 55' 51"	105° 24' 08"	9° 54' 42"	105° 26' 09"	C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh KH7-14	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 56' 38"	105° 24' 35"	9° 55' 25"	105° 26' 40"	C-48-55-B-b
kênh Lộ Từ	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 54' 33"	105° 27' 19"	9° 53' 50"	105° 27' 36"	C-48-55-B-b
kênh Lộ Từ	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 53' 05"	105° 26' 16"	9° 52' 25"	105° 26' 45"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 52' 32"	105° 23' 10"	C-48-55-B-b
Kênh Trà	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 52' 48"	105° 26' 40"	9° 52' 29"	105° 25' 57"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
Kênh Tràm	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 13"	105° 26' 31"	C-48-55-B-b
kênh Trảng Tranh	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 54' 57"	105° 27' 53"	9° 53' 14"	105° 25' 27"	C-48-55-B-b
kênh Xéo Sao	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 54' 25"	105° 25' 56"	9° 52' 11"	105° 26' 48"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
rạch Cái Bé	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 52' 13"	105° 27' 25"	9° 52' 05"	105° 26' 42"	C-48-55-B-d
rạch Thác Lác	TV	xã Hoà An	H. Giông Riềng			9° 53' 58"	105° 24' 51"	9° 51' 26"	105° 27' 07"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
ấp Bảy Bền	DC	xã Hoà Hưng	H. Giông Riềng	9° 53' 21"	105° 28' 36"					C-48-55-B-b
ấp Hoà Mỹ	DC	xã Hoà Hưng	H. Giông Riềng	9° 53' 25"	105° 29' 16"					C-48-55-B-b
ấp Hoà Phú	DC	xã Hoà Hưng	H. Giông Riềng	9° 51' 30"	105° 27' 13"					C-48-55-B-d
ấp Hoà Tân	DC	xã Hoà Hưng	H. Giông Riềng	9° 52' 45"	105° 28' 17"					C-48-55-B-b
ấp Hoà Thành	DC	xã Hoà Hưng	H. Giông Riềng	9° 52' 03"	105° 27' 43"					C-48-55-B-d
ấp Kênh Giữa	DC	xã Hoà Hưng	H. Giông Riềng	9° 51' 26"	105° 29' 36"					C-48-55-B-d
kênh Lý Kỳ	TV	xã Hoà Hưng	H. Giông Riềng			9° 51' 40"	105° 27' 18"	9° 50' 47"	105° 27' 49"	C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 12	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 35"	105° 28' 40"	9° 52' 27"	105° 31' 10"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
Kênh 12 Cũ	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 15"	105° 28' 31"	C-48-55-B-b
Kênh 14	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 36"	105° 31' 09"	9° 51' 51"	105° 30' 53"	C-48-56-A-c
Kênh 14	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 00"	105° 28' 23"	9° 51' 51"	105° 30' 53"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d; C-48-56-A-c
Kênh 1200	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 54' 59"	105° 30' 01"	9° 50' 57"	105° 27' 28"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Bào Cống	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 35"	105° 28' 40"	C-48-55-B-b
kênh Cầu Gòn	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 22"	105° 28' 34"	9° 52' 15"	105° 31' 04"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
kênh Cây Da	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 50"	105° 28' 60"	9° 52' 18"	105° 28' 16"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Đường Láng	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 09"	105° 28' 37"	9° 50' 51"	105° 29' 54"	C-48-55-B-d
kênh Đường Láng	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 20"	105° 27' 54"	9° 52' 11"	105° 28' 35"	C-48-55-B-d
kênh Giáo Điều	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 07"	105° 27' 43"	9° 49' 50"	105° 28' 07"	C-48-55-B-d
Kênh Giữa	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 11"	105° 28' 36"	9° 50' 26"	105° 29' 13"	C-48-55-B-d
kênh KH8	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 56' 04"	105° 30' 56"	9° 53' 03"	105° 28' 25"	C-48-55-B-b
kênh KH9	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 37"	105° 31' 42"	9° 49' 50"	105° 28' 06"	C-48-55-B-d; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
kênh Nhà Bể	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 54' 04"	105° 28' 53"	9° 52' 58"	105° 31' 24"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Ông Bang	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 11"	105° 28' 35"	9° 51' 24"	105° 30' 49"	C-48-55-B-d; C-48-56-A-c
kênh Ông Tà	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 50' 47"	105° 27' 49"	9° 49' 56"	105° 27' 16"	C-48-55-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 54' 50"	105° 32' 15"	9° 51' 51"	105° 30' 53"	C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
Kênh Ranh	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 36"	105° 31' 09"	9° 50' 10"	105° 28' 29"	C-48-55-B-d; C-48-56-A-c
Kênh Ranh	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 00"	105° 27' 23"	9° 49' 47"	105° 27' 15"	C-48-55-B-d
kênh Tám Phó	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 19"	105° 27' 00"	9° 51' 00"	105° 27' 23"	C-48-55-B-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 28"	105° 28' 00"	9° 52' 13"	105° 27' 25"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Trà Tư	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 11"	105° 28' 29"	9° 52' 05"	105° 30' 59"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Xẻo Tra	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 16"	105° 28' 19"	9° 50' 10"	105° 28' 29"	C-48-55-B-d
rạch Cái Bé	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 13"	105° 27' 25"	9° 52' 05"	105° 26' 42"	C-48-55-B-d
rạch Thác Lác	TV	xã Hoà Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 58"	105° 24' 51"	9° 51' 26"	105° 27' 07"	C-48-55-B-d
ấp Hoà A	DC	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng	9° 56' 16"	105° 29' 55"					C-48-55-B-b
ấp Hoà B	DC	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng	9° 54' 59"	105° 29' 21"					C-48-55-B-b
ấp Hoà Bình	DC	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng	9° 54' 17"	105° 29' 03"					C-48-55-B-b
ấp Hoà Hiệp	DC	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng	9° 55' 35"	105° 29' 36"					C-48-55-B-b
ấp Hoà Lộc	DC	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng	9° 56' 37"	105° 29' 59"					C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 1200	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 54' 59"	105° 30' 01"	9° 50' 57"	105° 27' 28"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
Kênh 3 Thước	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 48"	105° 28' 45"	9° 54' 57"	105° 27' 53"	C-48-55-B-b
kênh Ba Hòn	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 36"	105° 28' 38"	9° 56' 34"	105° 30' 01"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Ba Xéo	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 19"	105° 29' 27"	9° 54' 12"	105° 31' 58"	C-48-56-A-a
kênh Bốn Thước	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 56' 15"	105° 27' 17"	9° 54' 57"	105° 27' 53"	C-48-55-B-b
kênh Bốn Trăm	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 49"	105° 29' 56"	9° 55' 32"	105° 29' 48"	C-48-55-B-b
kênh Cả Sĩ	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 54' 23"	105° 29' 02"	9° 53' 16"	105° 31' 32"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Cây Giồng	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 53' 31"	105° 31' 35"	9° 53' 28"	105° 31' 38"	C-48-56-A-a
Kênh Cũ	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 44"	105° 30' 06"	9° 55' 28"	105° 29' 57"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Hai Đảo	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 37"	105° 29' 36"	9° 54' 29"	105° 32' 06"	C-48-56-A-a
kênh Hội Đồng Thơm	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 54' 53"	105° 29' 15"	9° 53' 43"	105° 31' 45"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh KH7	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 58' 10"	105° 28' 38"	C-48-55-B-b
kênh KH8	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 56' 04"	105° 30' 56"	9° 53' 03"	105° 28' 25"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh KH9	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 53' 37"	105° 31' 42"	9° 49' 50"	105° 28' 06"	C-48-55-B-d;C-48-56-A-a;C-48-56-A-c
kênh Mười Đính	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 56' 40"	105° 30' 03"	9° 55' 55"	105° 30' 48"	C-48-56-A-a
kênh Năm Kinh	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 53"	105° 28' 57"	9° 55' 54"	105° 29' 43"	C-48-55-B-b
kênh Nhà Bàng	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 54' 04"	105° 28' 53"	9° 52' 58"	105° 31' 24"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh Ranh	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			10° 04' 27"	105° 21' 44"	9° 54' 50"	105° 32' 15"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Sáu Háp	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 56"	105° 29' 44"	9° 55' 03"	105° 30' 04"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Thầy Dồng	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 10"	105° 28' 26"	9° 55' 25"	105° 29' 30"	C-48-55-B-b
kênh Thầy Dồng	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 22"	105° 28' 00"	9° 55' 45"	105° 29' 01"	C-48-55-B-b
kênh Trà Cũ	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 10"	105° 28' 26"	9° 56' 22"	105° 29' 50"	C-48-55-B-b
kênh Trà Mới	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 43"	105° 28' 17"	9° 56' 18"	105° 29' 54"	C-48-55-B-b
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Xẻo Bè	TV	xã Hoà Lợi	H. Giồng Riềng			9° 56' 40"	105° 27' 33"	9° 54' 36"	105° 29' 07"	C-48-55-B-b
ấp Bình Quang	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 49' 49"	105° 23' 56"					C-48-55-B-d
ấp Hoà An	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 51' 03"	105° 21' 29"					C-48-55-B-c
ấp Hoà Bình	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 43"	105° 23' 27"					C-48-55-B-d
ấp Hoà Kháng	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 33"	105° 22' 20"					C-48-55-B-c
ấp Hoà Lợi	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 49' 25"	105° 24' 51"					C-48-55-B-d
ấp Hoà Sơn	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 52' 22"	105° 21' 08"					C-48-55-B-c
ấp Mường Đào	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 06"	105° 24' 52"					C-48-55-B-d
ấp Voi Sơn	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 45"	105° 25' 36"					C-48-55-B-d
ấp Xẻo Cui	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 20"	105° 26' 04"					C-48-55-B-d
ấp Xẻo Lùng	DC	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 56"	105° 26' 42"					C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Đường tỉnh 963	KX	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-d
chùa Dân An	KX	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 12"	105° 24' 20"					C-48-55-B-d
kênh Bảy Trăm	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 20"	105° 26' 55"	9° 50' 41"	105° 26' 20"	C-48-55-B-d
kênh Bộ Vị	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 55"	105° 23' 04"	9° 50' 21"	105° 22' 43"	C-48-55-B-d
kênh Cái Xăng	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 40"	105° 27' 08"	9° 50' 57"	105° 26' 38"	C-48-55-B-d
kênh Chòm Mã	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 00"	105° 26' 06"	9° 50' 58"	105° 26' 40"	C-48-55-B-d
kênh Hai Hùng	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 01"	105° 22' 55"	9° 50' 51"	105° 23' 13"	C-48-55-B-d
kênh Hai Hy	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 12"	105° 21' 09"	9° 51' 28"	105° 21' 53"	C-48-55-B-c
kênh Hai Úc	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 21"	105° 22' 43"	9° 49' 32"	105° 23' 32"	C-48-55-B-d
kênh Hội Đồng	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 06"	105° 22' 40"	9° 49' 48"	105° 21' 49"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh KH5	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 52' 34"	105° 20' 49"	9° 49' 34"	105° 18' 04"	C-48-55-B-c
kênh KH6	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 40"	105° 21' 33"	9° 43' 48"	105° 16' 14"	C-48-55-B-c
kênh Lộ 62	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 29"	105° 27' 19"	9° 51' 10"	105° 26' 55"	C-48-55-B-d
kênh Lung Nĩa	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 48' 47"	105° 25' 03"	9° 49' 28"	105° 27' 20"	C-48-55-B-d
kênh Ông Dèo	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 47' 22"	105° 25' 43"	9° 50' 16"	105° 24' 10"	C-48-55-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 00"	105° 27' 23"	9° 49' 47"	105° 27' 15"	C-48-55-B-d
Kênh Tắc	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 46"	105° 25' 24"	9° 50' 46"	105° 24' 51"	C-48-55-B-d
kênh Tổng Lộc	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 28"	105° 20' 54"	9° 51' 03"	105° 21' 22"	C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Xáng Chợ Mới	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 48' 21"	105° 22' 39"	9° 50' 18"	105° 24' 05"	C-48-55-B-d
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-d
kênh Xẻo Lùng	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 36"	105° 26' 50"	9° 51' 06"	105° 26' 49"	C-48-55-B-d
ngọn Sáu Kim	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 34"	105° 22' 57"	9° 50' 33"	105° 20' 35"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
sông Cái Bé	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
Sông Cũ	TV	xã Hoà Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 04"	105° 26' 47"	9° 50' 18"	105° 24' 05"	C-48-55-B-d
ấp Bến Nhứt	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 51"	105° 14' 27"					C-48-55-B-c
ấp Cây Bàng	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 53"	105° 16' 57"					C-48-55-B-c
ấp Cỏ Khía	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 49' 14"	105° 12' 37"					C-48-55-A-d
ấp Đồng Tràm	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 17"	105° 14' 25"					C-48-55-A-d
ấp Đường Gõ Lộ	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 48"	105° 15' 18"					C-48-55-B-c
ấp Đường Gõ Vàm	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 32"	105° 15' 38"					C-48-55-B-c
ấp Đường Xuồng	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 49' 56"	105° 12' 56"					C-48-55-A-d
ấp Năm Hải	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 16"	105° 13' 30"					C-48-55-A-d
ấp Ngã Con	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 49' 13"	105° 13' 38"					C-48-55-A-d
ấp Xẻo Chác	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 28"	105° 13' 15"					C-48-55-A-d
Quốc lộ 61	KX	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-d
Đường tỉnh 963B	KX	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 03"	105° 14' 16"	10° 02' 34"	105° 23' 50"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
cầu Bến Nhứt	KX	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 56"	105° 14' 16"					C-48-55-A-d
Công ty Mía Đường Kiên Giang	KX	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 08"	105° 14' 07"					C-48-55-A-d
Kênh 6 Thước	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 12"	105° 14' 09"	9° 52' 28"	105° 15' 46"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
kênh Bến Nhứt Giồng Riềng	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 54' 23"	105° 18' 41"	9° 50' 56"	105° 14' 19"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
kênh Bốn Thước	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 48' 23"	105° 13' 40"	9° 48' 10"	105° 12' 30"	C-48-55-A-d
kênh Cây Bàng	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 32"	105° 15' 35"	9° 50' 55"	105° 17' 04"	C-48-55-B-c
kênh Cây Dừa	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 55"	105° 17' 04"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh Chung Bàu	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-d
kênh Cỏ Khía	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 33"	105° 13' 54"	9° 49' 05"	105° 12' 18"	C-48-55-A-d
kênh Đường Trâu	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 39"	105° 13' 02"	9° 50' 47"	105° 12' 56"	C-48-55-A-d
kênh Đường Trâu	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 10"	105° 12' 54"	9° 49' 07"	105° 12' 24"	C-48-55-A-d
kênh Đường Xuông	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 54"	105° 14' 17"	9° 47' 50"	105° 14' 04"	C-48-55-A-d
Kênh Huế	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 16"	105° 14' 50"	9° 50' 17"	105° 14' 24"	C-48-55-A-d
kênh KH3	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 54' 51"	105° 16' 59"	9° 52' 55"	105° 13' 21"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Long Thạnh -Vĩnh Thạnh	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 09"	105° 14' 36"	9° 50' 32"	105° 15' 35"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
kênh Lung Ranh	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 47' 45"	105° 12' 43"	9° 47' 50"	105° 12' 03"	C-48-55-A-d
kênh Mười Cỏ	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 21"	105° 13' 14"	9° 50' 10"	105° 12' 54"	C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Tập Đoàn	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 03"	105° 12' 35"	9° 48' 11"	105° 12' 38"	C-48-55-A-d
kênh Thủy Liễu-Đường Xuông	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 46' 56"	105° 13' 00"	9° 49' 04"	105° 13' 59"	C-48-55-A-d
rạch Chắc Kha	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 16"	105° 14' 43"	9° 51' 34"	105° 12' 53"	C-48-55-A-d
rạch Cỏ Khía	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 23"	105° 11' 55"	9° 47' 48"	105° 12' 33"	C-48-55-A-d
rạch Đường Xuông	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 10"	105° 14' 29"	9° 49' 26"	105° 13' 58"	C-48-55-A-d
rạch Long Ruột	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 00"	105° 12' 51"	9° 47' 45"	105° 12' 43"	C-48-55-A-d
rạch Nuôi Mao	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 03"	105° 13' 11"	9° 47' 35"	105° 13' 18"	C-48-55-A-d
rạch Xèo Chác	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 29"	105° 13' 26"	9° 49' 26"	105° 13' 30"	C-48-55-A-d
sông Cái Bé	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
ấp Cái Đuốc Lớn	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 19"	105° 22' 05"					C-48-55-B-a
ấp Cái Đuốc Nhỏ	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 52' 20"	105° 22' 38"					C-48-55-B-d
ấp Ngọc An	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 14"	105° 21' 21"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Bình	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 11"	105° 21' 47"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Tân	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 07"	105° 23' 01"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Thạnh	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 54' 27"	105° 19' 30"					C-48-55-B-a
ấp Võ Thành Nguyên	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 17"	105° 18' 56"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b; C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu KH5	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 14"	105° 21' 24"					C-48-55-B-a
cầu KH6	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 00"	105° 22' 23"					C-48-55-B-a
chùa Cái Đuốc Lớn	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 08"	105° 22' 09"					C-48-55-B-a
chùa Cái Đuốc Nhỏ	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 52' 48"	105° 22' 55"					C-48-55-B-b
chùa Cái Đuốc Vàm	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 52' 46"	105° 21' 12"					C-48-55-B-a
chùa Môn Quan Tự	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 52' 08"	105° 22' 13"					C-48-55-B-c
kênh Ba Hầu	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 43"	105° 20' 03"	9° 52' 53"	105° 21' 07"	C-48-55-B-a
kênh Ba Khoảnh	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 42"	105° 24' 34"	9° 53' 35"	105° 23' 23"	C-48-55-B-b
kênh Cái Đuốc Nhỏ	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 52' 30"	105° 22' 53"	9° 51' 59"	105° 21' 51"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Cây Bần	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 30"	105° 20' 44"	9° 54' 15"	105° 19' 56"	C-48-55-B-a
kênh Chín Ca	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 26"	105° 21' 28"	9° 53' 28"	105° 21' 05"	C-48-55-B-a
kênh Đập Đất	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 07"	105° 20' 06"	9° 53' 26"	105° 20' 00"	C-48-55-B-a
kênh KH6	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			10° 00' 02"	105° 26' 31"	9° 52' 03"	105° 21' 48"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b; C-48-55-B-c
kênh KH7-10	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 48"	105° 22' 53"	9° 53' 18"	105° 24' 07"	C-48-55-B-b
kênh KH7-11	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 21"	105° 23' 13"	9° 53' 44"	105° 24' 36"	C-48-55-B-b
kênh Lộ Giồng Riềng-Thác Lác	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 52' 30"	105° 22' 53"	9° 51' 19"	105° 27' 01"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Lộ Mới	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 34"	105° 19' 22"	9° 52' 30"	105° 22' 53"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Lợi Lùn	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 50"	105° 20' 16"	9° 54' 13"	105° 19' 56"	C-48-55-B-a
Kênh Ranh	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 52' 32"	105° 23' 10"	C-48-55-B-b
kênh Tám Cụt	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 55' 11"	105° 21' 28"	9° 53' 37"	105° 20' 51"	C-48-55-B-a
kênh Thân Suốt	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 03"	105° 24' 41"	9° 52' 35"	105° 22' 58"	C-48-55-B-b
kênh Thốt Nốt	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 59' 32"	105° 22' 09"	9° 54' 20"	105° 19' 13"	C-48-55-B-a
kênh Trâm Bầu	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 15"	105° 20' 36"	9° 53' 57"	105° 21' 45"	C-48-55-B-a
kênh Xâm Há	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 39"	105° 21' 42"	9° 53' 36"	105° 22' 12"	C-48-55-B-a
kênh Xẻo Bần	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 55' 30"	105° 22' 16"	9° 54' 33"	105° 19' 25"	C-48-55-B-a
kênh Xẻo Kè	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 12"	105° 22' 07"	9° 52' 10"	105° 21' 41"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
rạch Cái Đuốc Nhỏ	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 35"	105° 23' 23"	9° 52' 30"	105° 22' 53"	C-48-55-B-b;C-48-55-B-c;C-48-55-B-d
rạch Cái Đuốc Lớn	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 49"	105° 22' 06"	9° 52' 44"	105° 21' 04"	C-48-55-B-a
rạch Chùa Cũ	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 22"	105° 21' 29"	9° 53' 12"	105° 22' 07"	C-48-55-B-a
sông Cái Bé	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
sông Giồng Riềng	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 55' 16"	105° 14' 14"	C-48-55-B-a
ấp Chín Ghì	DC	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 50' 27"	105° 24' 12"					C-48-55-B-d
ấp Hai Lành	DC	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 52' 25"	105° 25' 55"					C-48-55-B-d
ấp Hai Tỷ	DC	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 51' 33"	105° 25' 49"					C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Hoà An B	DC	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 53' 05"	105° 24' 41"					C-48-55-B-d
ấp Hoà Phú	DC	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 50' 55"	105° 23' 32"					C-48-55-B-d
Đường tỉnh 963	KX	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-d
cầu Kênh 77	KX	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 51' 51"	105° 25' 51"					C-48-55-B-d
cầu Kênh Chùa	KX	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 51' 40"	105° 26' 19"					C-48-55-B-d
cầu KH7	KX	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 52' 12"	105° 24' 49"					C-48-55-B-d
cầu Lộ Tẻ	KX	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 52' 16"	105° 23' 53"					C-48-55-B-d
cầu Mương Cộ 1	KX	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 52' 14"	105° 24' 27"					C-48-55-B-d
cầu Xẻo Mây	KX	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 52' 18"	105° 23' 19"					C-48-55-B-d
chùa Giác Hoà	KX	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 51' 04"	105° 26' 02"					C-48-55-B-d
chùa Hai Lành	KX	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng	9° 52' 02"	105° 26' 39"					C-48-55-B-d
kênh Bào Tre	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 52' 29"	105° 25' 57"	9° 52' 19"	105° 24' 50"	C-48-55-B-d
kênh KH7	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 58' 10"	105° 28' 38"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Lộ Giồng Riềng-Thác Lác	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 52' 30"	105° 22' 53"	9° 51' 19"	105° 27' 01"	C-48-55-B-d
kênh Mương Cộ	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 51' 14"	105° 24' 48"	9° 53' 18"	105° 24' 07"	C-48-55-B-b;C-48-55-B-d
kênh Ranh	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 52' 32"	105° 23' 10"	C-48-55-B-b
kênh Sáu Thước	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 53' 44"	105° 24' 36"	9° 53' 25"	105° 25' 20"	C-48-55-B-b
kênh Thân Suốt	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 53' 03"	105° 24' 42"	9° 52' 19"	105° 24' 50"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Xã Nguyên	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 51' 50"	105° 25' 51"	9° 51' 07"	105° 25' 22"	C-48-55-B-d
kênh Xáng Mới	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 53' 18"	105° 24' 07"	9° 53' 03"	105° 24' 41"	C-48-55-B-b
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-d
kênh Xẻo Dung	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 51' 19"	105° 24' 29"	9° 50' 48"	105° 23' 35"	C-48-55-B-d
kênh Xẻo Mây	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 52' 12"	105° 24' 49"	9° 51' 15"	105° 25' 03"	C-48-55-B-d
rạch Thác Lác	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 53' 28"	105° 25' 14"	9° 51' 26"	105° 27' 07"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
sông Cái Bé	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
Sông Cũ	TV	xã Ngọc Hoà	H. Giồng Riềng			9° 51' 04"	105° 26' 47"	9° 50' 18"	105° 24' 05"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
ấp Kênh Xuôi	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 55' 39"	105° 23' 07"					C-48-55-B-b
ấp Ngã Năm	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 54' 46"	105° 21' 55"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Lợi	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 56' 26"	105° 22' 14"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Trung	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 54' 29"	105° 22' 05"					C-48-55-B-a
ấp Sáu Song	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 56' 24"	105° 23' 35"					C-48-55-B-b
ấp Sáu Trường	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 54' 13"	105° 22' 28"					C-48-55-B-a
Kênh 6 Thước	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 55' 52"	105° 20' 06"	9° 54' 49"	105° 22' 06"	C-48-55-B-a
kênh Ba Hăng	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 55' 32"	105° 22' 28"	9° 54' 56"	105° 23' 35"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Chín Ca	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 54' 26"	105° 21' 28"	9° 53' 28"	105° 21' 05"	C-48-55-B-a
kênh Còi 15	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 24"	105° 24' 27"	9° 55' 47"	105° 22' 23"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Đường Cày	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 06"	105° 22' 16"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a;C-48-55-B-b
kênh KH5	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 59' 29"	105° 23' 43"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh KH5-2	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 49"	105° 22' 46"	9° 55' 47"	105° 20' 25"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh KH6	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			10° 00' 02"	105° 26' 31"	9° 52' 03"	105° 21' 48"	C-48-55-B-b
kênh Mười Trăm	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 32"	105° 24' 32"	9° 56' 06"	105° 22' 16"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Ngọn Tàu Quang	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 06"	105° 22' 16"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-a
kênh Tám Cụt	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 55' 11"	105° 21' 28"	9° 53' 37"	105° 20' 51"	C-48-55-B-a
kênh Trăm Bàu	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 54' 15"	105° 20' 36"	9° 53' 57"	105° 21' 45"	C-48-55-B-a
kênh Xâm Há	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 53' 39"	105° 21' 42"	9° 53' 36"	105° 22' 12"	C-48-55-B-a
kênh Xẻo Bần	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 55' 30"	105° 22' 16"	9° 54' 33"	105° 19' 25"	C-48-55-B-a
Kênh Xuôi	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 13"	105° 25' 18"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
rạch Bà Cương	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 54' 18"	105° 21' 58"	9° 54' 02"	105° 23' 01"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
ấp Dân Quân	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 57' 49"	105° 26' 26"					C-48-55-B-b
ấp Đường Lác	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 54' 47"	105° 24' 31"					C-48-55-B-b
ấp Ngọc Vinh	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 56' 02"	105° 24' 39"					C-48-55-B-b
ấp Vinh Bắc	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 56' 05"	105° 24' 15"					C-48-55-B-b
ấp Vinh Đông	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 57' 18"	105° 26' 46"					C-48-55-B-b
ấp Vinh Thuận	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 56' 36"	105° 25' 21"					C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Ba Khoảnh	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 54' 42"	105° 24' 34"	9° 53' 35"	105° 23' 23"	C-48-55-B-b
kênh Bờ Trúc	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 22"	105° 26' 00"	9° 58' 09"	105° 23' 16"	C-48-55-B-b
kênh Chính Phòng	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 58' 05"	105° 26' 38"	9° 58' 12"	105° 28' 36"	C-48-55-B-b
kênh Chóp Khi	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 00"	105° 24' 47"	9° 56' 57"	105° 22' 41"	C-48-55-B-b
kênh Còi 15	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 24"	105° 24' 27"	9° 55' 47"	105° 22' 23"	C-48-55-B-b
kênh Đường Lác	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 55' 56"	105° 24' 11"	9° 53' 58"	105° 24' 51"	C-48-55-B-b
kênh Hai Hoài	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 47"	105° 25' 10"	9° 56' 22"	105° 24' 20"	C-48-55-B-b
kênh KH6	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			10° 00' 02"	105° 26' 31"	9° 52' 03"	105° 21' 48"	C-48-55-B-b
kênh KH7	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 58' 10"	105° 28' 38"	C-48-55-B-b
kênh KH7-11	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 54' 21"	105° 23' 13"	9° 53' 44"	105° 24' 36"	C-48-55-B-b
kênh KH7-12	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 55' 05"	105° 23' 40"	9° 54' 05"	105° 25' 41"	C-48-55-B-b
kênh KH7-13	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 55' 51"	105° 24' 08"	9° 54' 42"	105° 26' 09"	C-48-55-B-b
kênh KH7-14	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 38"	105° 24' 35"	9° 55' 25"	105° 26' 40"	C-48-55-B-b
kênh KH7-15	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 17"	105° 24' 57"	9° 56' 15"	105° 27' 17"	C-48-55-B-b
kênh KH7-17	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 58' 08"	105° 25' 26"	9° 56' 49"	105° 27' 39"	C-48-55-B-b
kênh KH7-19	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 59' 04"	105° 25' 58"	9° 57' 37"	105° 28' 11"	C-48-55-B-b
kênh Mười Trâm	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 32"	105° 24' 32"	9° 56' 06"	105° 22' 16"	C-48-55-B-b
kênh Năm Tỷ	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 59' 08"	105° 27' 34"	9° 56' 08"	105° 24' 55"	C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh Ranh	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 52' 32"	105° 23' 10"	C-48-55-B-b
Kênh Ranh	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 54' 19"	105° 25' 13"	C-48-55-B-b
Kênh Thô	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 32"	105° 26' 37"	9° 56' 13"	105° 25' 18"	C-48-55-B-b
kênh Thủy Lợi	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 56"	105° 27' 02"	9° 57' 11"	105° 27' 53"	C-48-55-B-b
Kênh Xuôi	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 13"	105° 25' 18"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-b
ấp Bờ Xáng	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 58' 40"	105° 17' 35"					C-48-55-B-a
ấp Cây Quéo	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 57' 52"	105° 17' 47"					C-48-55-B-a
ấp Chà Rào	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 56' 44"	105° 18' 30"					C-48-55-B-a
ấp Ngã Sáu	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 58' 23"	105° 18' 35"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Bình	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 57' 11"	105° 18' 56"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963	KX	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-a
Kênh 4 Thước	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 59' 25"	105° 18' 26"	9° 58' 23"	105° 18' 52"	C-48-55-B-a
kênh Ba Lan	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 17"	105° 18' 54"	9° 56' 39"	105° 20' 32"	C-48-55-B-a
kênh Ba Thống	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 58' 33"	105° 17' 26"	9° 57' 40"	105° 17' 25"	C-48-55-B-a
kênh Bờ Đế	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 58' 56"	105° 17' 51"	9° 57' 22"	105° 17' 37"	C-48-55-B-a
kênh Cây Quéo	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 18"	105° 18' 19"	9° 56' 41"	105° 18' 34"	C-48-55-B-a
kênh Chà Rào	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 56' 04"	105° 18' 14"	9° 56' 08"	105° 18' 53"	C-48-55-B-a
kênh Hội Đồng	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			10° 00' 12"	105° 18' 25"	9° 56' 25"	105° 19' 15"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh KH3	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			10° 03' 50"	105° 22' 27"	9° 54' 47"	105° 17' 33"	C-48-55-B-a
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 58' 03"	105° 17' 09"	9° 55' 22"	105° 18' 19"	C-48-55-B-a
kênh Mò Om	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 58' 45"	105° 19' 54"	9° 56' 22"	105° 19' 11"	C-48-55-B-a
kênh Sóc Ông Hai	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 54' 41"	105° 18' 50"	9° 56' 48"	105° 17' 54"	C-48-55-B-a
kênh Tà Ke	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 46"	105° 16' 51"	9° 55' 07"	105° 16' 35"	C-48-55-B-a
kênh Thầy Giáo	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 40"	105° 17' 25"	9° 54' 56"	105° 17' 09"	C-48-55-B-a
kênh Xẻo Còng	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 05"	105° 17' 47"	9° 57' 18"	105° 18' 19"	C-48-55-B-a
rạch Bông Súng	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 56' 22"	105° 19' 11"	9° 54' 38"	105° 18' 48"	C-48-55-B-a
rạch Xẻo Còng	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 56' 41"	105° 18' 34"	9° 56' 22"	105° 19' 11"	C-48-55-B-a
ấp Kênh Tắc	DC	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng	9° 55' 29"	105° 17' 16"					C-48-55-B-a
ấp Láng Quắm	DC	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng	9° 55' 02"	105° 16' 20"					C-48-55-B-a
ấp Tà Ke	DC	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng	9° 56' 10"	105° 16' 43"					C-48-55-B-a
ấp Trao Tráo	DC	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng	9° 54' 17"	105° 16' 50"					C-48-55-B-a
ấp Tư Hạt	DC	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng	9° 56' 32"	105° 17' 24"					C-48-55-B-a
ấp Xẻo Mây	DC	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng	9° 55' 40"	105° 16' 03"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963	KX	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-a
chùa Kim An Bửu Tự	KX	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng	9° 54' 50"	105° 15' 39"					C-48-55-B-a
Kênh 6	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 55' 22"	105° 18' 20"	9° 54' 40"	105° 17' 41"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Ba Nhựt	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 57' 02"	105° 17' 00"	9° 54' 59"	105° 16' 51"	C-48-55-B-a
kênh Bầu Đưng	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 56' 04"	105° 17' 02"	9° 55' 59"	105° 17' 20"	C-48-55-B-a
kênh Chung Bầu	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-B-a
kênh Đường Tắc	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 55' 52"	105° 17' 19"	9° 55' 17"	105° 17' 49"	C-48-55-B-a
kênh Hoà Đồ	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 56' 46"	105° 15' 47"	9° 55' 05"	105° 16' 01"	C-48-55-B-a
kênh KH3	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			10° 03' 50"	105° 22' 27"	9° 54' 47"	105° 17' 33"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Láng Sơn	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 54' 35"	105° 15' 34"	9° 53' 34"	105° 15' 24"	C-48-55-B-a
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 58' 03"	105° 17' 09"	9° 55' 22"	105° 18' 19"	C-48-55-B-a
kênh Năm Tây	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 54' 56"	105° 15' 50"	9° 54' 07"	105° 16' 37"	C-48-55-B-a
kênh Sáu Chữ	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 56' 09"	105° 16' 41"	9° 56' 04"	105° 17' 02"	C-48-55-B-a
kênh Tà Ke	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 57' 46"	105° 16' 51"	9° 55' 07"	105° 16' 35"	C-48-55-B-a
kênh Thầy Giáo	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 57' 40"	105° 17' 25"	9° 54' 56"	105° 17' 09"	C-48-55-B-a
Rạch Lung	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 53' 56"	105° 17' 17"	9° 54' 53"	105° 17' 19"	C-48-55-B-a
sông Giồng Riềng	TV	xã Thạnh Hoà	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 55' 16"	105° 14' 14"	C-48-55-B-a
ấp Phạm Đình Nông	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 59' 23"	105° 22' 01"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Ngọc	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 57' 52"	105° 19' 41"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Nguyên	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 57' 10"	105° 21' 32"					C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Thanh Tân	DC	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 55' 01"	105° 19' 40"					C-48-55-B-a
ấp Thanh Thanh	DC	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 58' 24"	105° 21' 27"					C-48-55-B-a
ấp Thanh Trung	DC	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 56' 20"	105° 20' 19"					C-48-55-B-a
ấp Thanh Xuân	DC	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 56' 48"	105° 20' 34"					C-48-55-B-a
ấp Trương Văn Vững	DC	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 58' 31"	105° 19' 35"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963B	KX	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 03"	105° 14' 16"	10° 02' 34"	105° 23' 50"	C-48-55-B-a
cầu Đường Cày	KX	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 57' 46"	105° 22' 39"					C-48-55-B-b
chùa Mò Om	KX	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 57' 59"	105° 19' 46"					C-48-55-B-a
Kênh 6 Thước	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 55' 52"	105° 20' 06"	9° 54' 49"	105° 22' 06"	C-48-55-B-a
kênh Ba Lan	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 57' 17"	105° 18' 54"	9° 56' 39"	105° 20' 32"	C-48-55-B-a
kênh Biện Mười	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 58' 50"	105° 19' 45"	9° 58' 01"	105° 21' 18"	C-48-55-B-a
kênh Cây Vòng	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 55' 29"	105° 20' 41"	9° 54' 51"	105° 19' 31"	C-48-55-B-a
kênh Chòm Tre	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 59' 34"	105° 19' 20"	9° 58' 52"	105° 19' 46"	C-48-55-B-a
Kênh Chùa	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 58' 08"	105° 19' 21"	9° 58' 02"	105° 19' 42"	C-48-55-B-a
kênh Chùa Phật	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			10° 00' 11"	105° 20' 29"	9° 59' 32"	105° 22' 09"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
kênh Đường Cày	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 56' 06"	105° 22' 16"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-b
kênh KH3	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			10° 03' 50"	105° 22' 27"	9° 54' 47"	105° 17' 33"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
kênh KH3-8	TV	xã Thanh Hưng	H. Giồng Riềng			10° 00' 36"	105° 18' 40"	9° 59' 39"	105° 20' 12"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh KH5-2	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 56' 49"	105° 22' 46"	9° 55' 47"	105° 20' 25"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh KH8	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 59' 39"	105° 20' 12"	9° 58' 44"	105° 21' 42"	C-48-55-B-a
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 59' 16"	105° 22' 00"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Mò Om	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 58' 45"	105° 19' 54"	9° 56' 22"	105° 19' 11"	C-48-55-B-a
kênh Ông Cai	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 58' 02"	105° 19' 42"	9° 57' 51"	105° 20' 24"	C-48-55-B-a
kênh Ông Cai	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 57' 51"	105° 20' 24"	9° 57' 53"	105° 21' 14"	C-48-55-B-a
kênh Thốt Nốt	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 59' 32"	105° 22' 09"	9° 54' 20"	105° 19' 13"	C-48-55-B-a
kênh Xáng Thị Đới	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 56' 31"	105° 20' 27"	10° 00' 04"	105° 26' 34"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Xáng Thốt Nốt	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			10° 02' 32"	105° 23' 49"	9° 59' 32"	105° 22' 09"	C-48-55-B-a
ấp Nguyễn Văn Thới	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 59' 42"	105° 26' 00"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh An	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 57' 54"	105° 22' 56"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Hiệp	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 58' 27"	105° 23' 43"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	10° 00' 48"	105° 24' 22"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Thắng	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 59' 05"	105° 24' 56"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Thới	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 59' 46"	105° 25' 59"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Vinh	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 58' 34"	105° 27' 04"					C-48-55-B-b
cầu Đường Cày	KX	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 57' 46"	105° 22' 39"					C-48-55-B-b
cầu Kênh KH5	KX	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 58' 07"	105° 23' 16"					C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Ba Bàng	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 57' 37"	105° 24' 37"	9° 57' 20"	105° 22' 40"	C-48-55-B-b
kênh Bà Tà	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 49"	105° 22' 31"	9° 57' 49"	105° 22' 43"	C-48-55-B-b
kênh Bờ Trúc	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 57' 22"	105° 26' 00"	9° 58' 09"	105° 23' 16"	C-48-55-B-b
kênh Chính Phòng	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 05"	105° 26' 38"	9° 58' 12"	105° 28' 36"	C-48-55-B-b
kênh Chóp Khi	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 57' 00"	105° 24' 47"	9° 56' 57"	105° 22' 41"	C-48-55-B-b
Kênh Chùa	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 02' 18"	105° 23' 42"	9° 59' 54"	105° 26' 16"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh Điền Giữa	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 45"	105° 26' 54"	9° 58' 15"	105° 25' 30"	C-48-55-B-b
Kênh Đồi	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 55"	105° 25' 45"	9° 59' 27"	105° 25' 29"	C-48-55-B-b
kênh Đòn Đông	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 47"	105° 23' 25"	9° 59' 35"	105° 25' 43"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh Đông Pháp	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 53"	105° 22' 21"	9° 58' 06"	105° 23' 11"	C-48-55-B-b
kênh Đường Cây	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 56' 06"	105° 22' 16"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Đường Lầu	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 22"	105° 23' 10"	9° 59' 15"	105° 25' 08"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh Hậu Mới	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 56"	105° 23' 40"	9° 59' 44"	105° 25' 59"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh Hậu Mới	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 20"	105° 23' 32"	9° 59' 25"	105° 25' 26"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh KH5	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 29"	105° 23' 43"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-b
kênh KH5	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 35"	105° 24' 58"	9° 59' 29"	105° 23' 43"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh KH5-1	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 00' 38"	105° 22' 45"	9° 59' 29"	105° 23' 43"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh KH5-2	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 56' 49"	105° 22' 46"	9° 55' 47"	105° 20' 25"	C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh KH6	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 00' 02"	105° 26' 31"	9° 52' 03"	105° 21' 48"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh KH7-17	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 08"	105° 25' 26"	9° 56' 49"	105° 27' 39"	C-48-55-B-b
kênh KH7-19	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 04"	105° 25' 58"	9° 57' 37"	105° 28' 11"	C-48-55-B-b
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 16"	105° 22' 00"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Lung Lớn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 00' 59"	105° 23' 31"	9° 58' 28"	105° 22' 21"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Năm Tỷ	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 08"	105° 27' 34"	9° 56' 08"	105° 24' 55"	C-48-55-B-b
Kênh Ranh	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 04' 27"	105° 21' 44"	9° 54' 50"	105° 32' 15"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
Kênh Tám	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 15"	105° 23' 38"	9° 58' 40"	105° 24' 09"	C-48-55-B-b
kênh Trâm Bầu	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 25"	105° 26' 20"	9° 58' 55"	105° 25' 45"	C-48-55-B-b
kênh Xáng Thị Đội	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 56' 31"	105° 20' 27"	10° 00' 04"	105° 26' 34"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
ấp Thạnh Bền	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 00' 43"	105° 21' 42"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Đông	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 01' 10	105° 23' 01"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Phong	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 01' 40"	105° 23' 18"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Phú	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	9° 59' 44"	105° 22' 13"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Quới	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 01' 23"	105° 21' 48"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Vinh	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 02' 13"	105° 23' 37"					C-48-43-D-c
Đường tỉnh 963B	KX	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			9° 51' 03"	105° 14' 16"	10° 02' 34"	105° 23' 50"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d; C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
chùa Thanh Lợi	KX	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng	10° 01' 16"	105° 23' 11"					C-48-43-D-d
đình Thanh Phước	KX	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng	10° 00' 20"	105° 22' 34"					C-48-43-D-d
Kênh Chùa	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 02' 18"	105° 23' 42"	9° 59' 54"	105° 26' 16"	C-48-43-D-d
kênh Chùa Phật	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 00' 11"	105° 20' 29"	9° 59' 32"	105° 22' 09"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
kênh Cù Sáu	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 02' 16"	105° 19' 38"	10° 00' 56"	105° 22' 56"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d
kênh Đòn Đông	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 47"	105° 23' 25"	9° 59' 35"	105° 25' 43"	C-48-43-D-d
kênh Đông Pháp	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			9° 59' 53"	105° 22' 21"	9° 58' 06"	105° 23' 11"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Đường Lầu	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 22"	105° 23' 10"	9° 59' 15"	105° 25' 08"	C-48-43-D-d
kênh Hậu Mới	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 20"	105° 23' 32"	9° 59' 25"	105° 25' 26"	C-48-43-D-d
kênh Hậu Mới	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 56"	105° 23' 40"	9° 59' 44"	105° 25' 59"	C-48-43-D-d
kênh Huỳnh Kỳ	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 04' 24"	105° 21' 35"	10° 01' 51"	105° 23' 27"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d
kênh KH3	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 03' 50"	105° 22' 27"	9° 54' 47"	105° 17' 33"	C-48-43-D-c
kênh KH5-1	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 00' 38"	105° 22' 45"	9° 59' 29"	105° 23' 43"	C-48-55-B-b
Kênh Lộ Mới	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			9° 59' 16"	105° 22' 00"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a
Kênh Ranh	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 04' 27"	105° 21' 44"	9° 54' 50"	105° 32' 15"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d
kênh Xã Trắc	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 23"	105° 19' 07"	10° 00' 27"	105° 22' 39"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d
kênh Xáng Thốt Nốt	TV	xã Thanh Phước	H. Giồng Riềng			10° 02' 32"	105° 23' 49"	9° 59' 32"	105° 22' 09"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b;
ấp Danh Thới	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng	9° 50' 50"	105° 19' 40"					C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Huỳnh Tổ	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng	9° 50' 07"	105° 19' 05"					C-48-55-B-c
ấp Lương Trực	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng	9° 48' 08"	105° 18' 38"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Phước	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng	9° 49' 11"	105° 19' 01"					C-48-55-B-c
Đường tỉnh 963C	KX	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 46' 26"	105° 18' 49"	9° 53' 58"	105° 18' 08"	C-48-55-B-c
Kênh 6 Thước	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 46' 41"	105° 21' 13"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh Ba Huân	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 45"	105° 19' 55"	9° 48' 15"	105° 22' 37"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Bốn Sờ	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 50' 53"	105° 19' 44"	9° 50' 33"	105° 20' 35"	C-48-55-B-c
kênh Cà Nhung	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 43' 50"	105° 14' 21"	9° 46' 44"	105° 15' 37"	C-48-55-B-c
kênh Cây Dừa	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 50' 55"	105° 17' 04"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 37"	105° 20' 09"	9° 48' 26"	105° 19' 12"	C-48-55-B-c
kênh Đường Trâu Lớn	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 47"	105° 19' 54"	9° 49' 09"	105° 19' 24"	C-48-55-B-c
kênh Đường Trâu Nhỏ	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 35"	105° 19' 04"	9° 49' 45"	105° 19' 55"	C-48-55-B-c
kênh Hai Thái	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 50' 51"	105° 19' 43"	9° 49' 45"	105° 19' 41"	C-48-55-B-c
kênh KH5	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 52' 34"	105° 20' 49"	9° 49' 34"	105° 18' 04"	C-48-55-B-c
kênh KH6	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 51' 40"	105° 21' 33"	9° 43' 48"	105° 16' 14"	C-48-55-B-c;C-48-55-D-a
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 09"	105° 18' 50"	9° 49' 50"	105° 17' 30"	C-48-55-B-c
kênh Nghĩa Trang	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 19"	105° 19' 01"	9° 49' 30"	105° 19' 42"	C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Nha Sĩ	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 40"	105° 18' 00"	9° 49' 09"	105° 18' 50"	C-48-55-B-c
kênh Phong Lưu	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 37"	105° 18' 06"	9° 48' 02"	105° 18' 17"	C-48-55-B-c
kênh Tà Nol	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 27"	105° 20' 11"	9° 46' 29"	105° 19' 04"	C-48-55-B-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 02"	105° 18' 17"	9° 47' 36"	105° 16' 07"	C-48-55-B-c
ngọn Sáu Kim	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 34"	105° 22' 57"	9° 50' 33"	105° 20' 35"	C-48-55-B-c
ấp Nguyễn Hưởng	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 56"	105° 18' 17"					C-48-55-B-c
ấp Nguyễn Vũ	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 49' 41"	105° 17' 46"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Lộc	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 52' 48"	105° 19' 40"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 19"	105° 19' 27"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Phú	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 41"	105° 17' 14"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Thanh	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 52' 33"	105° 18' 38"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 10"	105° 18' 21"					C-48-55-B-c
Đường tỉnh 963C	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 46' 26"	105° 18' 49"	9° 53' 58"	105° 18' 08"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
thánh thất Cao đài Vĩnh Thạnh	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 43"	105° 17' 58"					C-48-55-B-a
kênh Bà Chủ	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 36"	105° 18' 06"	9° 50' 24"	105° 17' 45"	C-48-55-B-c
kênh Cà Nhung	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 34"	105° 20' 49"	9° 46' 44"	105° 15' 37"	C-48-55-B-c
kênh Cây Dừa	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 55"	105° 17' 04"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh KH5	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 34"	105° 20' 49"	9° 49' 34"	105° 18' 04"	C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 39"	105° 18' 20"	9° 51' 23"	105° 18' 29"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 02"	105° 18' 33"	9° 49' 34"	105° 18' 04"	C-48-55-B-c
kênh Mù U	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 18"	105° 16' 03"	9° 51' 58"	105° 17' 26"	C-48-55-B-c
kênh Nghĩa Địa	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 48' 37"	105° 16' 10"	9° 48' 46"	105° 17' 17"	C-48-55-B-c
kênh Rạch Nhum	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 53"	105° 19' 03"	9° 52' 33"	105° 18' 34"	C-48-55-B-a;C-48-55-B-c
kênh Xéo Sâu	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 52"	105° 19' 43"	9° 51' 33"	105° 19' 54"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
rạch Phong Lưu	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 45"	105° 17' 25"	9° 49' 05"	105° 17' 36"	C-48-55-B-c
sông Cái Bé	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
khu phố Phước Hưng 1	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 44' 21"	105° 16' 54"					C-48-55-D-a
khu phố Phước Hưng 2	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 44' 53"	105° 17' 17"					C-48-55-D-a
khu phố Phước Thành Lập	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 43' 32"	105° 16' 38"					C-48-55-D-a
khu phố Phước Thới	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 45' 38"	105° 16' 24"					C-48-55-B-c
khu phố Phước Trung 1	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 43' 58"	105° 15' 38"					C-48-55-D-a
khu phố Phước Trung 2	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 45' 00"	105° 16' 15"					C-48-55-D-a
Đường tỉnh 962	KX	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a
cầu Mương Lộ	KX	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 43' 40"	105° 16' 48"					C-48-55-D-a
hội quán Hưng Kiên Tự	KX	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 43' 52"	105° 16' 32"					C-48-55-D-a
kênh Ba Láng	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 50"	105° 17' 57"	9° 44' 18"	105° 16' 30"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Bần Bé	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 56"	105° 15' 08"	9° 45' 21"	105° 16' 03"	C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Bần Bé	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 18"	105° 14' 52"	9° 43' 53"	105° 16' 16"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Dân Quân	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 44' 16"	105° 17' 34"	9° 43' 28"	105° 17' 59"	C-48-55-D-a
kênh Đường Trâu	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 43' 11"	105° 17' 18"	9° 43' 40"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh KH5	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 46' 44"	105° 15' 37"	9° 43' 51"	105° 14' 21"	C-48-55-C-b
kênh KH6	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 51' 40"	105° 21' 33"	9° 43' 48"	105° 16' 14"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh LộtTa Muôn	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 46"	105° 16' 53"	9° 44' 57"	105° 16' 13"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Mương Lộ	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 44' 36"	105° 23' 26"	9° 43' 28"	105° 16' 39"	C-48-55-D-a
kênh Rạch Tia	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 46' 31"	105° 17' 30"	9° 46' 02"	105° 17' 28"	C-48-55-B-c
kênh Tà Nol	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 58"	105° 15' 57"	9° 45' 46"	105° 16' 53"	C-48-55-B-c
kênh Tha La	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 46' 35"	105° 16' 52"	9° 45' 47"	105° 17' 11"	C-48-55-B-c
kênh Thứ Hồ	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 44' 18"	105° 16' 30"	9° 46' 23"	105° 15' 00"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
sông Cái Lớn	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
ấp An Bình	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 45' 56"	105° 18' 05"					C-48-55-B-c
ấp An Hiệp	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 22"	105° 17' 34"					C-48-55-B-c
ấp An Hoà	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 22"	105° 19' 00"					C-48-55-B-c
ấp An Hưng	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 49"	105° 19' 14"					C-48-55-B-c
ấp An Lợi	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 32"	105° 19' 10"					C-48-55-B-c
ấp An Minh	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 18"	105° 19' 07"					C-48-55-B-c
ấp An Phong	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 26"	105° 18' 34"					C-48-55-B-c
ấp An Phước	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 38"	105° 19' 00"					C-48-55-B-c
ấp An Thọ	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 44' 51"	105° 18' 43"					C-48-55-B-c
ấp An Thuận	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 06"	105° 19' 44"					C-48-55-B-c
ấp An Trung	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 23"	105° 18' 51"					C-48-55-B-c
ấp An Trường	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 26"	105° 17' 17"					C-48-55-B-c
Quốc lộ 61	KX	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
Đường tỉnh 962	KX	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a
cầu Lộ Quẹo	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 44' 52"	105° 18' 37"					C-48-55-D-a
cầu Rạch Tia	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 32"	105° 17' 31"					C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
cầu Sóc Ven	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 26"	105° 18' 37"					C-48-55-B-c
chùa Rạch Tia	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 35"	105° 17' 28"					C-48-55-B-c
chùa Từ Vân	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 31"	105° 18' 43"					C-48-55-B-c
Kênh 6 Thước	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 41"	105° 21' 13"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh Ba Láng	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 45' 50"	105° 17' 57"	9° 44' 18"	105° 16' 30"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Cống Số 4	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 19' 57"	9° 44' 50"	105° 19' 48"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Đường Mây Cũ	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 18' 53"	9° 45' 36"	105° 20' 22"	C-48-55-B-c
kênh Đường Mây Mới	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 18' 53"	9° 46' 19"	105° 21' 36"	C-48-55-B-c
kênh KH6	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 51' 40"	105° 21' 33"	9° 43' 48"	105° 16' 14"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
Kênh Mới	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 47' 32"	105° 22' 22"	9° 46' 30"	105° 19' 20"	C-48-55-B-c
kênh Mười Nguyễn	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 49' 09"	105° 20' 55"	9° 47' 55"	105° 19' 48"	C-48-55-B-c
kênh Mường Lộ	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 36"	105° 23' 26"	9° 43' 28"	105° 16' 39"	C-48-55-D-a
kênh Ngang Trâu	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 47' 28"	105° 20' 19"	9° 47' 45"	105° 22' 27"	C-48-55-B-c
kênh Ngọn Mồ Côi	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 47' 54"	105° 17' 32"	9° 46' 32"	105° 17' 31"	C-48-55-B-c
kênh Nhà Thờ	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 45' 50"	105° 17' 57"	9° 44' 48"	105° 18' 31"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Ông Biện	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 30"	105° 19' 17"	9° 47' 28"	105° 20' 19"	C-48-55-B-c
kênh Rạch Tia	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 31"	105° 17' 30"	9° 46' 02"	105° 17' 28"	C-48-55-B-c
Kênh Ranh	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 51"	105° 19' 17"	9° 42' 08"	105° 19' 33"	C-48-55-D-a
kênh Sóc Sâu	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 48"	105° 18' 31"	9° 43' 40"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh Sóc Ven	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 33"	105° 18' 42"	9° 45' 50"	105° 17' 57"	C-48-55-B-c
kênh Tà Nôi	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 48' 27"	105° 20' 11"	9° 46' 29"	105° 19' 04"	C-48-55-B-c
kênh Tha La	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 35"	105° 16' 52"	9° 45' 47"	105° 17' 11"	C-48-55-B-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 48' 02"	105° 18' 17"	9° 47' 36"	105° 16' 07"	C-48-55-B-c
kênh Vàm Hô	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 47' 18"	105° 18' 52"	9° 47' 26"	105° 18' 17"	C-48-55-B-c
kênh Xóm Giữa	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 23"	105° 20' 57"	9° 45' 36"	105° 20' 22"	C-48-55-B-c
ấp Hoà An	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 46' 46"	105° 13' 40"					C-48-55-A-d
ấp Hoà Hiếu 1	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 45' 29"	105° 15' 10"					C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Hoà Hiếu 2	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 45' 09"	105° 14' 21"					C-48-55-A-d
ấp Hoà Hớn	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 46' 38"	105° 15' 29"					C-48-55-B-c
ấp Hoà Mỹ	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 47' 35"	105° 15' 41"					C-48-55-B-c
ấp Hoà Tạo	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 47' 27"	105° 16' 03"					C-48-55-B-c
ấp Hoà Thanh	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 48' 46"	105° 14' 01"					C-48-55-A-d
ấp Hoà Thạnh	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 48' 43"	105° 16' 11"					C-48-55-B-c
ấp Hoà Thiện	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 48' 03"	105° 15' 54"					C-48-55-B-c
ấp Hoà Út	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 47' 10"	105° 14' 50"					C-48-55-A-d
ấp Hoà Xuân	DC	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 49' 05"	105° 14' 54"					C-48-55-A-d
Quốc lộ 61	KX	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
chợ Cà Nhung	KX	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 47' 25"	105° 15' 53"					C-48-55-B-c
chùa Cà Nhung	KX	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 47' 22"	105° 16' 06"					C-48-55-B-c
chùa Tà Mum	KX	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 46' 25"	105° 15' 32"					C-48-55-B-c
chùa Thanh Gia	KX	xã Định Hoà	H. Gò Quao	9° 49' 04"	105° 14' 05"					C-48-55-A-d
kênh Bà Khai	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 49' 46"	105° 15' 16"	9° 48' 19"	105° 14' 59"	C-48-55-B-c
kênh Bần Bé	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 45' 56"	105° 15' 08"	9° 45' 21"	105° 16' 03"	C-48-55-B-c
kênh Bần Bé	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 45' 27"	105° 14' 57"	9° 45' 10"	105° 14' 18"	C-48-55-A-d
kênh Bần Bé	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 45' 18"	105° 14' 52"	9° 43' 53"	105° 16' 16"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Bàu Ngự	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 48' 51"	105° 15' 15"	9° 49' 06"	105° 16' 11"	C-48-55-B-c
kênh Cà Nhung	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 49' 34"	105° 18' 04"	9° 46' 44"	105° 15' 37"	C-48-55-B-c
kênh Cây Xoài	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 46' 23"	105° 15' 00"	9° 46' 08"	105° 14' 25"	C-48-55-A-d
kênh Chùa Bần Bé	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 45' 10"	105° 14' 18"	9° 44' 20"	105° 14' 24"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-b
kênh Đường Cây Mới	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 46' 45"	105° 13' 30"	9° 46' 54"	105° 15' 00"	C-48-55-A-d
kênh Đường Xuông	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 50' 54"	105° 14' 17"	9° 47' 50"	105° 14' 04"	C-48-55-A-d
kênh Đường Xuông	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 49' 48"	105° 14' 49"	9° 49' 19"	105° 13' 57"	C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh KH5	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 46' 44"	105° 15' 37"	9° 43' 51"	105° 14' 21"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c; C-48-55-C-b
Kênh Lung	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 47' 31"	105° 14' 30"	9° 46' 51"	105° 14' 48"	C-48-55-A-d
kênh Năm Long	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 49' 34"	105° 14' 51"	9° 49' 14"	105° 14' 38"	C-48-55-A-d
kênh Ngang Rích	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 49' 34"	105° 15' 50"	9° 47' 33"	105° 16' 04"	C-48-55-B-c
kênh Nghĩa Địa	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 48' 37"	105° 16' 10"	9° 48' 46"	105° 17' 17"	C-48-55-B-c
kênh Ngọn Mồ Côi	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 47' 54"	105° 17' 32"	9° 46' 32"	105° 17' 31"	C-48-55-B-c
kênh Pem Buôl	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 14' 04"	9° 46' 44"	105° 15' 37"	C-48-55-A-d
kênh Sáu Lững	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 49' 38"	105° 14' 32"	9° 49' 11"	105° 15' 17"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
kênh Tha La	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 46' 35"	105° 16' 52"	9° 45' 47"	105° 17' 11"	C-48-55-B-c
kênh Thân B	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 49' 51"	105° 16' 16"	9° 48' 24"	105° 16' 54"	C-48-55-B-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 48' 02"	105° 18' 17"	9° 47' 36"	105° 16' 07"	C-48-55-B-c
kênh Thứ Hồ	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 46' 08"	105° 14' 25"	9° 45' 11"	105° 13' 17"	C-48-55-A-d
kênh Thứ Hồ	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 44' 18"	105° 16' 30"	9° 46' 23"	105° 15' 00"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Thứ Hồ	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 46' 53"	105° 16' 02"	9° 45' 57"	105° 16' 37"	C-48-55-B-c
kênh Thủy Liễu-Đường Xuông	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 46' 56"	105° 13' 00"	9° 49' 04"	105° 13' 59"	C-48-55-A-d
rạch Bầu Dừa	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 45' 36"	105° 13' 38"	9° 44' 49"	105° 13' 43"	C-48-55-A-d
rạch Đường Xuông	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 50' 10"	105° 14' 29"	9° 49' 26"	105° 13' 58"	C-48-55-A-d
rạch Ngang Rích	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 49' 40"	105° 16' 07"	9° 48' 37"	105° 16' 10"	C-48-55-B-c
sông Cái Bé	TV	xã Định Hoà	H. Gò Quao			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
ấp Hoà Bình	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 50' 03"	105° 10' 59"					C-48-55-A-d
ấp Hoà Lễ	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 56"	105° 11' 06"					C-48-55-A-d
ấp Khương Bình	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 48' 30"	105° 08' 51"					C-48-55-A-d
ấp Thới Bình	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 48"	105° 09' 20"					C-48-55-A-d
ấp Thới Đông	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 46' 31"	105° 10' 26"					C-48-55-A-d
ấp Thới Khương	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 46' 52"	105° 10' 12"					C-48-55-A-d
ấp Thới Trung	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 46' 47"	105° 10' 09"					C-48-55-A-d
ấp Thu Đông	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 48' 27"	105° 11' 20"					C-48-55-A-d
ấp Xuân Bình	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 48' 52"	105° 10' 32"					C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Xuân Đông	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 48' 48"	105° 11' 17"					C-48-55-A-d
chùa Cỏ Khía Cũ	KX	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 55"	105° 11' 56"					C-48-55-A-d
chùa Cỏ Khía Mới	KX	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 02"	105° 12' 17"					C-48-55-A-d
dị tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Tổng Quản	KX	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 20"	105° 11' 07"					C-48-55-A-d
đình Thới An	KX	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 46' 48"	105° 10' 05"					C-48-55-A-d
Kênh 4	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 49"	105° 10' 02"	9° 49' 51"	105° 08' 14"	C-48-55-A-d
Kênh 5	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 34"	105° 10' 04"	9° 49' 35"	105° 09' 18"	C-48-55-A-d
Kênh 6	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 24"	105° 10' 08"	9° 49' 06"	105° 09' 20"	C-48-55-A-d
kênh Ba Cao	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 25"	105° 10' 07"	9° 45' 49"	105° 10' 07"	C-48-55-A-d
kênh Cả Mới	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 09"	105° 10' 32"	9° 48' 21"	105° 10' 39"	C-48-55-A-d
kênh Cả Mới Nhỏ	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 44"	105° 11' 16"	9° 48' 53"	105° 08' 45"	C-48-55-A-d
kênh Cầu Dừa	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 45' 58"	105° 12' 12"	9° 45' 08"	105° 10' 14"	C-48-55-A-d
kênh Cỏ Khía	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 33"	105° 13' 54"	9° 49' 05"	105° 12' 18"	C-48-55-A-d
kênh Cỏ Khía	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 23"	105° 12' 03"	9° 49' 13"	105° 11' 11"	C-48-55-A-d
kênh Cựa Gà	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 38"	105° 10' 17"	9° 46' 48"	105° 09' 38"	C-48-55-A-d
kênh Địa Mướp	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 54"	105° 10' 43"	9° 45' 31"	105° 12' 57"	C-48-55-A-d
kênh Đường Cây Cũ	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 35"	105° 11' 25"	9° 46' 56"	105° 13' 00"	C-48-55-A-d
kênh Đường Cây Mới	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 12' 03"	9° 48' 44"	105° 11' 16"	C-48-55-A-d
kênh Đường Tắc	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 50' 34"	105° 11' 03"	9° 50' 03"	105° 11' 03"	C-48-55-A-d
kênh Đường Tắc	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 50' 03"	105° 11' 01"	9° 49' 09"	105° 10' 32"	C-48-55-A-d
Kênh Giữa	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 12"	105° 09' 41"	9° 47' 04"	105° 09' 32"	C-48-55-A-d
kênh Hai Giàu	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 21"	105° 10' 39"	9° 46' 54"	105° 10' 43"	C-48-55-A-d
Kênh Hậu	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 57"	105° 10' 02"	9° 46' 58"	105° 08' 45"	C-48-55-A-d
Kênh Hậu	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 27"	105° 09' 56"	9° 48' 41"	105° 09' 22"	C-48-55-A-d
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 24"	105° 10' 08"	9° 48' 11"	105° 09' 53"	C-48-55-A-d
kênh Lô 8	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 49"	105° 10' 02"	9° 49' 24"	105° 10' 08"	C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Lộ Thới Quản-Thới An	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 35"	105° 11' 25"	9° 46' 54"	105° 10' 43"	C-48-55-A-d
kênh Lung Ranh	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 47' 45"	105° 12' 43"	9° 47' 50"	105° 12' 03"	C-48-55-A-d
kênh Ông Kiệt	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 05"	105° 12' 18"	9° 48' 35"	105° 11' 25"	C-48-55-A-d
kênh Thới Quản	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 44"	105° 11' 16"	9° 50' 29"	105° 10' 36"	C-48-55-A-d
kênh Thới Thủy	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 16"	105° 11' 00"	9° 45' 09"	105° 13' 01"	C-48-55-A-d
kênh Thới Thủy	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 49"	105° 10' 13"	9° 46' 16"	105° 11' 00"	C-48-55-A-d
kênh Tư Trinh	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 10"	105° 09' 56"	9° 46' 51"	105° 10' 02"	C-48-55-A-d
kênh Út Còn	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 14"	105° 09' 34"	9° 47' 01"	105° 09' 20"	C-48-55-A-d
kênh Xáng Mới	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 50"	105° 09' 17"	9° 49' 06"	105° 09' 20"	C-48-55-A-d
kênh Xáng Mới	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 06"	105° 09' 20"	9° 48' 20"	105° 09' 24"	C-48-55-A-d
kênh Xẻo Giữa	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 09' 10"	9° 47' 33"	105° 10' 00"	C-48-55-A-d
kênh Xẻo Nổ	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 11"	105° 09' 49"	9° 47' 01"	105° 09' 45"	C-48-55-A-d
kênh Xẻo Rọ	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 18"	105° 09' 33"	9° 46' 11"	105° 10' 10"	C-48-55-A-d
kênh Xẻo Thanh	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 45' 49"	105° 10' 07"	9° 45' 37"	105° 09' 28"	C-48-55-A-d
rạch Cá Mới Lớn	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 54"	105° 10' 43"	9° 46' 48"	105° 09' 38"	C-48-55-A-d
rạch Cá Mới Lớn	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 48"	105° 09' 38"	9° 46' 57"	105° 08' 45"	C-48-55-A-d
rạch Cỏ Khía	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 50' 23"	105° 11' 55"	9° 47' 48"	105° 12' 33"	C-48-55-A-d
sông Cái Bé	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-d
sông Cái Lớn	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b; C-48-55-A-d
ấp Châu Thành	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 51"	105° 13' 12"					C-48-55-C-b
ấp Hiệp An	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 36"	105° 13' 01"					C-48-55-C-b
ấp Hoà An	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 45' 08"	105° 12' 54"					C-48-55-A-d
ấp Hoà Thành	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 45' 27"	105° 12' 56"					C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Phước An	DC	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 21"	105° 12' 59"					C-48-55-C-b
ấp Phước Tiên	DC	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao	9° 43' 47"	105° 12' 53"					C-48-55-C-b
ấp Thạnh Hoà 1	DC	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao	9° 46' 57"	105° 13' 03"					C-48-55-A-d
ấp Thạnh Hoà 2	DC	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao	9° 46' 16"	105° 12' 45"					C-48-55-A-d
ấp Thạnh Hoà 3	DC	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao	9° 45' 47"	105° 11' 53"					C-48-55-A-d
chùa Cái Bần	KX	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 56"	105° 13' 01"					C-48-55-C-b
miếu Ông Tà	KX	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 12"	105° 12' 48"					C-48-55-C-b
kênh Bà Chu	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 13' 03"	9° 46' 45"	105° 13' 30"	C-48-55-A-d
kênh Bà Ròng	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 51"	105° 13' 05"	9° 45' 42"	105° 13' 51"	C-48-55-A-d
kênh Bào Dừa	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 31"	105° 12' 57"	9° 46' 29"	105° 13' 03"	C-48-55-A-d
kênh Cá Bần	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 56"	105° 13' 00"	9° 43' 24"	105° 12' 44"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-b
kênh Cầu Dừa	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 58"	105° 12' 12"	9° 45' 08"	105° 10' 14"	C-48-55-A-d
kênh Chòm Mã	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 17"	105° 13' 48"	9° 45' 58"	105° 13' 08"	C-48-55-A-d
kênh Chổng Mỹ	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 04"	105° 13' 01"	9° 43' 33"	105° 13' 53"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-b
kênh Địa Mướp	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 54"	105° 10' 43"	9° 45' 31"	105° 12' 57"	C-48-55-A-d
kênh Đường Cày Cũ	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 48' 35"	105° 11' 25"	9° 46' 56"	105° 13' 00"	C-48-55-A-d
kênh Đường Ruộng	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 44' 39"	105° 13' 04"	9° 44' 34"	105° 11' 08"	C-48-55-C-b
kênh Đường Tắt Ông Tà	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 44' 15"	105° 12' 48"	9° 43' 59"	105° 11' 52"	C-48-55-C-b
kênh Đường Trâu	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 59"	105° 12' 11"	9° 46' 08"	105° 12' 41"	C-48-55-A-d
kênh Giải Phóng	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 44' 58"	105° 11' 55"	9° 44' 08"	105° 11' 42"	C-48-55-C-b
kênh KH5	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 44"	105° 15' 37"	9° 43' 51"	105° 14' 21"	C-48-55-C-b
kênh Lung Ranh	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 47' 45"	105° 12' 43"	9° 47' 50"	105° 12' 03"	C-48-55-A-d
kênh Ông Ngẫu	TV	xã Thuỷ Liễu	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 14' 04"	9° 46' 45"	105° 13' 30"	C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Thới Thủy	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 16"	105° 11' 00"	9° 45' 09"	105° 13' 01"	C-48-55-A-d
kênh Thứ Hồ	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 08"	105° 14' 25"	9° 45' 11"	105° 13' 17"	C-48-55-A-d
kênh Thủy Liễu-Đường Xuông	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 56"	105° 13' 00"	9° 49' 04"	105° 13' 59"	C-48-55-A-d
rạch Bầu Dừa	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 36"	105° 13' 38"	9° 44' 49"	105° 13' 43"	C-48-55-A-d
sông Cái Lớn	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b
Áp 1	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 32"	105° 22' 34"					C-48-55-B-d
Áp 2	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 45"	105° 23' 48"					C-48-55-B-d
Áp 3	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 28"	105° 23' 46"					C-48-55-B-d
Áp 4	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 58"	105° 25' 01"					C-48-55-B-c
Áp 5	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 17"	105° 25' 17"					C-48-55-B-d
Áp 6	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 53"	105° 21' 56"					C-48-55-B-c
Áp 7	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 17"	105° 22' 06"					C-48-55-B-c
Áp 8	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 28"	105° 22' 04"					C-48-55-B-c
Áp 9	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 19"	105° 21' 24"					C-48-55-B-c
Áp 10	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 22"	105° 21' 31"					C-48-55-B-c
Áp 11	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 46' 54"	105° 21' 44"					C-48-55-B-c
nhà thờ Ong Vèo	KX	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 39"	105° 25' 37"					C-48-55-B-d
Kênh 4 Thước	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 48' 12"	105° 23' 22"	9° 46' 42"	105° 24' 34"	C-48-55-B-d
Kênh 6 Thước	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 46' 41"	105° 21' 13"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Bà Chủ	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 40"	105° 22' 33"	9° 46' 54"	105° 23' 27"	C-48-55-B-d
kênh Ba Huân	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 45"	105° 19' 55"	9° 48' 15"	105° 22' 37"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Ba Hưởng	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 27"	105° 21' 44"	9° 48' 53"	105° 23' 11"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Ba Sừng	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 30"	105° 20' 20"	9° 49' 55"	105° 20' 46"	C-48-55-B-c
kênh Cây Quao	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 55"	105° 20' 46"	9° 49' 27"	105° 21' 44"	C-48-55-B-c
kênh Hội Đồng	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 51' 06"	105° 22' 40"	9° 49' 48"	105° 21' 49"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh KH9	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 25' 29"	9° 46' 00"	105° 21' 53"	C-48-55-B-d
kênh Lung Nia	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 48' 47"	105° 25' 03"	9° 49' 28"	105° 27' 20"	C-48-55-B-d
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 32"	105° 22' 22"	9° 46' 30"	105° 19' 20"	C-48-55-B-c
kênh Mười Nguyễn	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 09"	105° 20' 55"	9° 47' 55"	105° 19' 48"	C-48-55-B-c
kênh Ngã Cạy	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 21' 35"	9° 49' 14"	105° 22' 31"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Ngang Trâu	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 28"	105° 20' 19"	9° 47' 45"	105° 22' 27"	C-48-55-B-c
kênh Ông Dèo	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 22"	105° 25' 43"	9° 50' 16"	105° 24' 10"	C-48-55-B-d
kênh Ông Thọ	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 48' 06"	105° 23' 34"	9° 47' 10"	105° 23' 53"	C-48-55-B-d
kênh Sáu Kim	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 50' 15"	105° 20' 57"	9° 49' 18"	105° 23' 21"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Sông Lá	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 35"	105° 26' 05"	9° 47' 22"	105° 25' 43"	C-48-55-B-d
kênh Thủy Lợi-Ba Huân	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 25"	105° 21' 02"	9° 48' 20"	105° 22' 38"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Xáng Chợ Mới	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 48' 21"	105° 22' 39"	9° 50' 18"	105° 24' 05"	C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
rạch Ông Cà	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 17"	105° 21' 17"	9° 46' 18"	105° 21' 13"	C-48-55-B-c
sông Ba Voi	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 22"	105° 25' 43"	9° 44' 45"	105° 23' 31"	C-48-55-B-d
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
Áp 1	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 45' 42"	105° 22' 13"					C-48-55-B-c
Áp 2	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 41"	105° 22' 43"					C-48-55-D-b
Áp 3	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 43' 05"	105° 21' 26"					C-48-55-D-a
Áp 4	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 04"	105° 19' 39"					C-48-55-D-a
Áp 5	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 46' 24"	105° 20' 57"					C-48-55-B-c
Áp 6	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 44"	105° 21' 00"					C-48-55-D-a
Áp 7	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 43' 54"	105° 21' 02"					C-48-55-D-a
ấp Tạ Quang Tỳ	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 34"	105° 23' 22"					C-48-55-D-b
ấp Vĩnh Hoà 1	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 45' 20"	105° 22' 32"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Hoà 2	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 45' 20"	105° 24' 44"					C-48-55-B-d
ấp Vĩnh Hoà 3	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 46' 55"	105° 24' 28"					C-48-55-B-d
ấp Vĩnh Hoà 4	DC	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 45' 54"	105° 23' 51"					C-48-55-B-d
Quốc lộ 61	KX	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
cầu Cái Tư	KX	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 38"	105° 23' 28"					C-48-55-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
chùa Bửu Quang	KX	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 59"	105° 23' 26"					C-48-55-D-b
chùa Lục Phi	KX	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 51"	105° 20' 51"					C-48-55-D-a
Kênh 4 Thước	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 48' 12"	105° 23' 22"	9° 46' 42"	105° 24' 34"	C-48-55-B-d
kênh Bờ Đáy	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 42"	105° 22' 09"	9° 43' 52"	105° 22' 04"	C-48-55-D-a
kênh Bờ Dừa	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 45' 48"	105° 21' 40"	9° 44' 43"	105° 21' 45"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Cái Trâm Lớn	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 46"	105° 20' 49"	9° 45' 59"	105° 21' 48"	C-48-55-B-c
kênh Cái Trâm Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 45' 21"	105° 20' 25"	9° 45' 20"	105° 21' 08"	C-48-55-B-c
kênh Chổng Mỹ	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 43"	105° 21' 45"	9° 43' 52"	105° 21' 49"	C-48-55-D-a
kênh Chuồng Dơi	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 35"	105° 19' 22"	9° 43' 53"	105° 20' 10"	C-48-55-D-a
kênh Đi Chợ	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 48"	105° 20' 21"	9° 43' 08"	105° 19' 31"	C-48-55-D-a
kênh Đường Mây Mới	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 18' 53"	9° 46' 19"	105° 21' 36"	C-48-55-B-c
kênh KH9	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 25' 29"	9° 46' 00"	105° 21' 53"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Mười Đồi	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 48"	105° 20' 07"	9° 43' 53"	105° 20' 13"	C-48-55-D-a
kênh Mương Lộ	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 36"	105° 23' 26"	9° 43' 28"	105° 16' 39"	C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Năm Dền	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 32"	105° 20' 18"	9° 42' 35"	105° 20' 39"	C-48-55-D-a
kênh Ông Ký	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 46' 31"	105° 22' 42"	9° 45' 19"	105° 24' 46"	C-48-55-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 51"	105° 19' 17"	9° 42' 08"	105° 19' 33"	C-48-55-D-a
kênh Trâm Bầu	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 11"	105° 19' 23"	9° 43' 32"	105° 20' 18"	C-48-55-D-a
kênh Xáng Xà No	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 45' 20"	105° 24' 48"	9° 44' 45"	105° 23' 31"	C-48-55-B-d; C-48-55-D-b
kênh Xẻo Giá Lớn	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 56"	105° 19' 21"	9° 43' 52"	105° 22' 04"	C-48-55-D-a
kênh Xẻo Giá Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 32"	105° 20' 18"	9° 43' 37"	105° 21' 54"	C-48-55-D-a
kênh Xóm Cũ	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 45"	105° 21' 15"	9° 43' 37"	105° 21' 16"	C-48-55-D-a
kênh Xóm Giữa	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 46' 23"	105° 20' 57"	9° 45' 36"	105° 20' 22"	C-48-55-B-c
rạch Ông Cả	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 47' 17"	105° 21' 17"	9° 46' 18"	105° 21' 13"	C-48-55-B-c
sông Ba Voi	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 47' 22"	105° 25' 43"	9° 44' 45"	105° 23' 31"	C-48-55-B-d
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d; C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
ấp Bùi Thị Thêm	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 41' 56"	105° 17' 40"					C-48-55-D-a
ấp Phước An	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 39' 51"	105° 17' 17"					C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Phước Bình	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 42' 20"	105° 16' 32"					C-48-55-D-a
ấp Phước Hiệp	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 43' 01"	105° 16' 36"					C-48-55-D-a
ấp Phước Hoà	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 43' 40"	105° 15' 10"					C-48-55-D-a
ấp Phước Lợi	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 39' 39"	105° 19' 01"					C-48-55-D-a
ấp Phước Minh	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 41' 14"	105° 17' 03"					C-48-55-D-a
ấp Phước Tân	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 42' 45"	105° 14' 29"					C-48-55-D-a
ấp Phước Thạnh	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 41' 12"	105° 16' 01"					C-48-55-D-a
Miếu Bà	KX	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 43' 12"	105° 14' 12"					C-48-55-C-b
Kênh Bao	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 45"	105° 16' 53"	9° 40' 26"	105° 17' 16"	C-48-55-D-a
Kênh Bao	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 41' 41"	105° 17' 26"	9° 42' 03"	105° 15' 11"	C-48-55-D-a
kênh Đồn Đông	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 42' 24"	105° 16' 45"	9° 43' 38"	105° 14' 28"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
kênh Đồn Đông	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 52"	105° 19' 12"	9° 42' 09"	105° 14' 43"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
kênh Gia Cư	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 45"	105° 17' 24"	9° 40' 01"	105° 16' 51"	C-48-55-D-a
kênh Lô 2	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 57"	105° 15' 24"	9° 42' 15"	105° 15' 25"	C-48-55-D-a
kênh Lô 5	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 10"	105° 16' 33"	9° 42' 03"	105° 17' 38"	C-48-55-D-a
kênh Lô 6	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 19"	105° 17' 26"	9° 41' 03"	105° 17' 46"	C-48-55-D-a
kênh Lô 7	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 55"	105° 17' 08"	9° 41' 21"	105° 18' 13"	C-48-55-D-a
kênh Lô 8	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 02"	105° 17' 35"	9° 41' 11"	105° 18' 26"	C-48-55-D-a
kênh Lô 9	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 30"	105° 17' 26"	9° 40' 58"	105° 18' 42"	C-48-55-D-a
kênh Lô 10	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 09"	105° 17' 43"	9° 40' 25"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh Lô 12	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 40"	105° 18' 48"	9° 40' 22"	105° 19' 19"	C-48-55-D-a
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 55"	105° 17' 39"	9° 40' 20"	105° 19' 32"	C-48-55-D-a
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 41' 07"	105° 17' 06"	9° 41' 19"	105° 14' 29"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh Ngang	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 42' 42"	105° 15' 50"	9° 43' 26"	105° 16' 23"	C-48-55-D-a
kênh Xáng Cụt	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 38' 34"	105° 18' 12"	9° 40' 30"	105° 19' 38"	C-48-55-D-a
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-D-a; C-48-55-C-b
sông Ngã Ba Cái Tàu	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 35' 52"	105° 22' 17"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
Sông Xếp	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 42' 34"	105° 17' 04"	9° 43' 20"	105° 14' 10"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
ấp An Hoà	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 43' 49"	105° 18' 41"					C-48-55-D-a
ấp An Phú	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 44' 05"	105° 18' 53"					C-48-55-D-a
ấp Phước Đạt	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 41' 57"	105° 19' 30"					C-48-55-D-a
ấp Phước Lập	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 44' 06"	105° 17' 40"					C-48-55-D-a
ấp Phước Nghiêm	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 42' 19"	105° 19' 39"					C-48-55-D-a
ấp Phước Thành	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 42' 50"	105° 17' 48"					C-48-55-D-a
ấp Phước Thọ	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 42' 00"	105° 18' 18"					C-48-55-D-a
Đường tỉnh 962	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a
Cầu Đỏ	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 43' 11"	105° 19' 22"					C-48-55-D-a
Cầu Trắng	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 43' 55"	105° 19' 20"					C-48-55-D-a
chợ Sóc Sâu	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 44' 00"	105° 18' 41"					C-48-55-D-a
chùa Sóc Sâu	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 44' 21"	105° 18' 46"					C-48-55-D-a
cổng Năm Mai	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 41' 55"	105° 18' 44"					C-48-55-D-a
cổng Xẻo Cá	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 41' 30"	105° 19' 12"					C-48-55-D-a
kênh Chủ Môn	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 42' 53"	105° 19' 24"	9° 41' 48"	105° 18' 07"	C-48-55-D-a
kênh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 16"	105° 17' 34"	9° 43' 28"	105° 17' 59"	C-48-55-D-a
kênh Đại Bân	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 56"	105° 18' 48"	9° 43' 11"	105° 19' 23"	C-48-55-D-a
kênh Đại Xiêm	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 40"	105° 18' 33"	9° 42' 29"	105° 18' 58"	C-48-55-D-a
kênh Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 11"	105° 17' 18"	9° 43' 40"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Mương Lộ	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 36"	105° 23' 26"	9° 43' 28"	105° 16' 39"	C-48-55-D-a
kênh Năm Dàn	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 32"	105° 20' 18"	9° 42' 35"	105° 20' 39"	C-48-55-D-a
kênh Năm Mai	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 41' 54"	105° 19' 34"	9° 41' 27"	105° 18' 28"	C-48-55-D-a
kênh Ông Ga	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 28"	105° 17' 59"	9° 42' 26"	105° 17' 36"	C-48-55-D-a
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 51"	105° 19' 17"	9° 42' 08"	105° 19' 33"	C-48-55-D-a
kênh Sóc Sâu	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 48"	105° 18' 31"	9° 43' 40"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh Trâm Bầu	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 11"	105° 19' 23"	9° 43' 32"	105° 20' 18"	C-48-55-D-a
kênh Xèo Cá	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 41' 42"	105° 19' 49"	9° 41' 27"	105° 18' 28"	C-48-55-D-a
rạch Mười Nam	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 42' 17"	105° 19' 30"	9° 42' 36"	105° 20' 24"	C-48-55-D-a
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-D-a
ấp Thắng Lợi	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 40' 25"	105° 19' 39"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Minh	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 39' 18"	105° 20' 28"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Tân	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 38' 23"	105° 19' 41"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 39' 42"	105° 21' 49"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 40' 14"	105° 21' 08"					C-48-55-D-a
Đường tỉnh 962	KX	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a
Kênh 2	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 35"	105° 18' 26"	9° 39' 01"	105° 20' 40"	C-48-55-D-a
Kênh 500	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 56"	105° 19' 37"	9° 38' 42"	105° 18' 47"	C-48-55-D-a
kênh Chín Lùng	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 58"	105° 20' 52"	9° 40' 37"	105° 20' 51"	C-48-55-D-a
kênh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 51"	105° 20' 31"	9° 38' 52"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh Đường Đào	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 38' 07"	105° 19' 13"	9° 37' 48"	105° 18' 08"	C-48-55-D-a
kênh Hai Chùa	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 40' 08"	105° 20' 04"	9° 40' 35"	105° 20' 19"	C-48-55-D-a
kênh Láng Biển	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 51"	105° 20' 31"	9° 38' 07"	105° 19' 13"	C-48-55-D-a
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 44"	105° 21' 18"	9° 40' 36"	105° 19' 48"	C-48-55-D-a
Kênh Một	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 33"	105° 20' 22"	9° 37' 55"	105° 17' 43"	C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Ông Bầu	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 38' 47"	105° 20' 47"	9° 39' 49"	105° 21' 58"	C-48-55-D-a
kênh Thuỷ Lợi	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 32"	105° 19' 17"	9° 37' 44"	105° 18' 39"	C-48-55-D-a
Kênh Vườn	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 36' 48"	105° 20' 15"	9° 37' 42"	105° 18' 09"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
Kênh Vuông	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 27"	105° 21' 38"	9° 39' 54"	105° 20' 58"	C-48-55-D-a
kênh Xáng Cụt	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 38' 34"	105° 18' 12"	9° 40' 30"	105° 19' 38"	C-48-55-D-a
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-D-a
sông Ngã Ba Cái Tàu	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 35' 52"	105° 22' 17"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
sông Nước Đục	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 40' 55"	105° 20' 14"	9° 41' 26"	105° 20' 02"	C-48-55-D-a
sông Nước Trong	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 10"	105° 24' 17"	9° 40' 55"	105° 20' 14"	C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Phong	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 38' 13"	105° 21' 06"					C-48-55-D-a
ấp Chiến Thắng	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 45"	105° 22' 34"					C-48-55-D-a
ấp Long Đồi	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 36' 14"	105° 21' 28"					C-48-55-D-a
ấp Mười Hùng	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 46"	105° 20' 52"					C-48-55-D-a
ấp Tân Đồi	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 06"	105° 21' 23"					C-48-55-D-c
ấp Tiên Phong	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 38' 42"	105° 22' 19"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Bình	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 01"	105° 19' 38"					C-48-55-D-c
ấp Vĩnh Hùng	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 38' 42"	105° 23' 38"					C-48-55-D-b
chùa Hưng Tuyên Tự	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 15"	105° 21' 36"					C-48-55-D-c
đình thần Vĩnh Tuy	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 12"	105° 21' 38"					C-48-55-D-c
Đường tỉnh 962	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
thanh tịnh Huyền Trung Điện	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 23"	105° 21' 28"					C-48-55-D-c
Kênh Ba	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 10"	105° 23' 57"	9° 38' 33"	105° 23' 12"	C-48-55-D-b
kênh Bà Cường	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 17"	105° 19' 07"	9° 36' 31"	105° 18' 37"	C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Cã Đĩa	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 10"	105° 21' 34"	9° 37' 37"	105° 23' 19"	C-48-55-D-d; C-48-55-D-c
kênh Chòm Mả	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 44"	105° 21' 38"	9° 38' 02"	105° 22' 20"	C-48-55-D-a
kênh Công Đá	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 44"	105° 21' 18"	9° 37' 51"	105° 20' 31"	C-48-55-D-a
kênh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 51"	105° 20' 31"	9° 38' 52"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
Kênh Đứng	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 04"	105° 20' 32"	9° 37' 32"	105° 19' 17"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
kênh Đường Đào	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 02"	105° 22' 30"	9° 36' 15"	105° 22' 14"	C-48-55-D-c
kênh Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 50"	105° 21' 51"	9° 39' 34"	105° 22' 14"	C-48-55-D-a
kênh Gốc Tre	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 02"	105° 22' 20"	9° 39' 35"	105° 22' 17"	C-48-55-D-a
Kênh Hai	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 27"	105° 24' 10"	9° 38' 57"	105° 23' 10"	C-48-55-D-b
kênh Hai Bèo	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 36' 29"	105° 20' 24"	9° 36' 18"	105° 21' 27"	C-48-55-D-c
kênh Hai Thông	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 39' 00"	105° 21' 16"	9° 38' 48"	105° 21' 56"	C-48-55-D-a
Kênh Hăng	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 37"	105° 23' 19"	9° 39' 30"	105° 23' 08"	C-48-55-D-b
Kênh Lạng	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 28"	105° 22' 43"	9° 38' 32"	105° 22' 19"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
kênh Láng Biển	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 51"	105° 20' 31"	9° 38' 07"	105° 19' 13"	C-48-55-D-a
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 44"	105° 21' 18"	9° 40' 36"	105° 19' 48"	C-48-55-D-a
kênh Ngang Rộp	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 20"	105° 24' 05"	9° 39' 06"	105° 24' 17"	C-48-55-D-b
kênh Ông Bầu	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 47"	105° 20' 47"	9° 39' 49"	105° 21' 58"	C-48-55-D-a
kênh Ông Cai	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 02"	105° 22' 20"	9° 38' 23"	105° 23' 13"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 54' 50"	105° 32' 15"	9° 38' 20"	105° 24' 05"	C-48-55-D-d; C-48-55-D-b
kênh Trâm Bầu	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 36"	105° 21' 47"	9° 38' 00"	105° 23' 15"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
Kênh Vườn	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 36' 48"	105° 20' 15"	9° 37' 42"	105° 18' 09"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
rạch Tàn Ông	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 22"	105° 23' 52"	9° 37' 37"	105° 23' 19"	C-48-55-D-d; C-48-55-D-b
sông Ngã Ba Cái Tàu	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 35' 52"	105° 22' 17"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
sông Nước Trong	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 39' 10"	105° 24' 17"	9° 40' 55"	105° 20' 14"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
khu phố Chòm Sao	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 10' 45"	104° 56' 20"					C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu phố Đầu Dơi	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 11' 26"	104° 55' 30"					C-48-42-D-b
khu phố Đường Hòn	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 11' 07"	104° 55' 40"					C-48-42-D-b
khu phố Sư Nam	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 12' 23"	104° 53' 46"					C-48-42-D-b
khu phố Tri Tôn	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 11' 20"	104° 55' 20"					C-48-42-D-b
Quốc lộ 80	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-D-b
Đường tỉnh 969	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 18"	104° 55' 34"	10° 07' 12"	104° 53' 13"	C-48-42-D-b
Đường tỉnh 969B	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-b
cầu Linh Huỳnh	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 12' 24"	104° 53' 52"					C-48-42-D-b
cầu Tri Tôn	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 11' 18"	104° 55' 33"					C-48-42-D-b
Kênh 1	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 13' 07"	104° 53' 59"	10° 09' 54"	104° 58' 33"	C-48-42-D-b
Kênh 2	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 9	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 10' 18"	104° 57' 06"	10° 06' 44"	104° 54' 33"	C-48-42-D-b
Kênh 10	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 10' 31"	104° 56' 30"	10° 07' 10"	104° 54' 14"	C-48-42-D-b
Kênh 11	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 07' 18"	104° 53' 08"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-b
Kênh 165	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 48"	104° 55' 51"	10° 18' 58"	105° 01' 00"	C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 09' 12"	104° 58' 31"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 10' 47"	104° 55' 21"	10° 09' 21"	104° 54' 23"	C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 55"	104° 53' 39"	10° 08' 47"	104° 51' 06"	C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 12' 18"	104° 53' 47"	10° 16' 54"	104° 40' 07"	C-48-42-D-d
Kênh 280B	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 12' 47"	104° 53' 20"	10° 11' 26"	104° 52' 24"	C-48-42-D-b
Kênh 281	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 12' 28"	104° 53' 34"	10° 09' 27"	104° 50' 42"	C-48-42-D-b
Kênh 3000	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 10' 30"	104° 56' 50"	10° 18' 12"	105° 02' 21"	C-48-42-D-b
Kênh Bao	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 16' 14"	104° 51' 04"	10° 13' 07"	104° 54' 00"	C-48-42-D-b
kênh Cổng Tư Vít	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 13' 13"	104° 52' 39"	10° 17' 42"	104° 53' 43"	C-48-42-D-b
kênh Đường Hòn	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 19"	104° 55' 34"	10° 09' 31"	104° 54' 21"	C-48-42-D-b
kênh H9	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 19' 44"	104° 58' 39"	10° 12' 36"	104° 53' 37"	C-48-42-D-b
kênh Linh Huỳnh	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 12' 25"	104° 53' 53"	10° 08' 39"	104° 50' 45"	C-48-42-D-b
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Tri Tôn	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 25"	104° 55' 26"	10° 19' 12"	105° 01' 03"	C-48-42-B-d
lung Sư Nam	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 15' 10"	104° 53' 35"	10° 13' 33"	104° 53' 16"	C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
khu phố Mỹ Hoà	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 53"	105° 00' 36"					C-48-43-C-a
khu phố Mỹ Phú	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 38"	105° 01' 35"					C-48-43-C-c
khu phố Sơn Thịnh	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 22"	105° 01' 39"					C-48-43-C-c
khu phố Sơn Tiến	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 58"	105° 00' 24"					C-48-43-C-c
khu phố Tà Lúa	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 29"	104° 59' 25"					C-48-42-D-d;c
khu phố Thành Công	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 04"	105° 01' 07"					C-48-43-C-c
khu phố Thị Tứ	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 18"	105° 00' 56"					C-48-43-C-c
Quốc lộ 80	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
cầu Tà Hem	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 51"	105° 01' 19"					C-48-43-C-c
cầu Tà Lúa	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 08' 07"	105° 00' 21"					C-48-43-C-a
cổng Tà Hem	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 05' 41"	104° 59' 47"					C-48-42-D-d+c
cổng Tà Mạnh	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 05"	105° 01' 56"					C-48-43-C-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Sóc Xoài	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 36"	105° 00' 37"					C-48-43-C-a
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 21"	105° 00' 37"					C-48-43-C-a
Kênh 1	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 59"	104° 58' 38"	10° 07' 57"	105° 01' 20"	C-48-43-C-a
Kênh 7 Biết	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 05' 38"	105° 03' 03"	10° 07' 53"	105° 01' 16"	C-48-43-C-c
Kênh 500	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 12"	105° 01' 24"	10° 06' 01"	105° 02' 23"	C-48-43-C-c
kênh Ba Thê	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 27"	105° 00' 54"	10° 15' 14"	105° 07' 28"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Kênh Cũ	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 02' 41"	105° 03' 48"	10° 06' 40"	105° 01' 05"	C-48-43-C-c
kênh Đường Bàng	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 13"	105° 00' 24"	10° 08' 31"	105° 00' 46"	C-48-43-C-a
Kênh Huyện	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 05' 42"	105° 02' 16"	10° 04' 59"	105° 00' 56"	C-48-43-C-c
kênh Năm Ninh	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 05' 51"	105° 02' 09"	10° 06' 50"	105° 03' 12"	C-48-43-C-c
kênh Ông Kiềm	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 01"	104° 59' 23"	10° 06' 49"	104° 59' 57"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Ông Kiềm	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 52"	105° 00' 04"	10° 05' 16"	105° 01' 30"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Quản Thống	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 02"	105° 01' 14"	10° 08' 28"	105° 02' 33"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Kênh Sóc	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 06' 44"	105° 01' 08"	C-48-43-C-a
kênh Tà Hem	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 53"	105° 01' 21"	10° 05' 37"	104° 59' 41"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
kênh Tà Lúa	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 27"	105° 00' 47"	10° 06' 15"	104° 59' 08"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
rạch Bà Ban	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 17"	105° 00' 35"	10° 05' 45"	104° 59' 45"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
rạch Đường Trâu	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 09"	105° 00' 22"	10° 09' 31"	105° 00' 57"	C-48-43-C-a
rạch Ghinh Bé	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 25"	105° 00' 28"	10° 05' 52"	104° 59' 33"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
rạch Tà Niên	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 27"	104° 58' 57"	10° 07' 39"	105° 00' 38"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
rạch Tầm Đéc	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 40"	105° 00' 15"	10° 06' 06"	104° 59' 27"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
ấp Bình Hoà	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 16' 09"	104° 47' 54"					C-48-42-D-a
ấp Đường Thét	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 18' 42"	104° 46' 34"					C-48-42-B-c
ấp Giồng Kè	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 13' 43"	104° 43' 34"					C-48-42-C-b
ấp Hợp Thành	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 21' 22"	104° 51' 43"					C-48-42-B-c
ấp Kinh 4	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 14' 39"	104° 45' 24"					C-48-42-B-c
ấp Kinh 9	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 17' 46"	104° 46' 13"					C-48-42-B-c
ấp Láng Com	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 22' 53"	104° 48' 44"					C-48-42-B-a
ấp Mũi Tàu	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 19' 40"	104° 50' 37"					C-48-42-B-c
ấp Ranh Hạt	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 17' 04"	104° 44' 48"					C-48-42-B-c
ấp Tám Ngàn	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 18' 02"	104° 49' 33"					C-48-42-B-c
Quốc lộ 80	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Đường tỉnh 970	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 21' 23"	104° 51' 48"	10° 16' 02"	104° 48' 19"	C-48-42-B-c
Cầu 422	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 20' 36"	104° 51' 17"					C-48-42-B-c
Cầu 85B	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 18' 17"	104° 49' 46"					C-48-42-B-c
cầu T6	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 17' 00"	104° 46' 43"					C-48-42-B-c
chùa Giồng Kè	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 13' 48"	104° 44' 06"					C-48-42-C-b
Kênh 2	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 06"	104° 45' 21"	10° 18' 39"	104° 45' 18"	C-48-42-B-c
Kênh 2	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 06"	104° 44' 44"	10° 13' 29"	104° 42' 54"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
Kênh 3 (Bình Giang 1)	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 06"	104° 45' 14"	10° 13' 44"	104° 43' 29"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c; C-48-42-C-b
Kênh 4	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 05"	104° 45' 44"	10° 13' 44"	104° 43' 57"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c; C-48-42-C-b
Kênh 4 Cây Dương	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 16"	104° 46' 26"	10° 18' 24"	104° 46' 29"	C-48-42-B-c
Kênh 5	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 04"	104° 46' 14"	10° 13' 40"	104° 44' 21"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-C-b
Kênh 6	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 02"	104° 46' 44"	10° 13' 35"	104° 44' 51"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-C-b
Kênh 7	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 49"	104° 47' 10"	10° 13' 28"	104° 45' 11"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 8	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 20' 41"	104° 46' 22"	10° 19' 42"	104° 47' 18"	C-48-42-B-c
Kênh 8	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 26"	104° 47' 33"	10° 13' 20"	104° 45' 38"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 9 (Bình Giang 2)	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 15"	104° 48' 00"	10° 13' 12"	104° 45' 59"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 9 Xóm Đạo	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 04"	104° 46' 09"	10° 20' 41"	104° 46' 22"	C-48-42-B-c
Kênh 10	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 00"	104° 48' 25"	10° 13' 11"	104° 46' 25"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 85B	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 19' 23"	104° 48' 05"	10° 17' 07"	104° 51' 37"	C-48-42-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Kênh 200	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 12' 18"	104° 53' 47"	10° 16' 54"	104° 40' 07"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c
Kênh 422	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 22' 07"	104° 47' 02"	10° 19' 25"	104° 53' 15"	C-48-42-B-c
Kênh 8000	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 21' 24"	104° 51' 46"	10° 16' 04"	104° 48' 19"	C-48-42-B-c
kênh Ba Tàu	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 24"	104° 47' 46"	10° 17' 26"	104° 48' 27"	C-48-42-B-c
kênh Cấp 1	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 20' 43"	104° 51' 04"	10° 17' 17"	104° 48' 48"	C-48-42-B-c
kênh Cấp 2	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 22' 01"	104° 51' 16"	10° 17' 31"	104° 48' 18"	C-48-42-B-c
kênh Chi Cục	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 20' 11"	104° 46' 20"	10° 18' 44"	104° 45' 12"	C-48-42-B-c
kênh Chín Mối	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 19' 20"	104° 50' 26"	10° 19' 25"	104° 46' 17"	C-48-42-B-c
kênh Đồn Đông	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 15' 25"	104° 43' 22"	10° 14' 10"	104° 47' 43"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c; C-48-42-D-a
kênh Hai Mối	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 45"	104° 47' 15"	10° 19' 22"	104° 47' 23"	C-48-42-B-c
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c
kênh Ranh Ninh Phước	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 21' 24"	104° 51' 46"	10° 27' 39"	104° 46' 57"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh Sau Làng	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 15' 25"	104° 43' 27"	10° 13' 14"	104° 42' 21"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh T5-Võ Văn Kiệt	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 07"	104° 44' 23"	10° 25' 11"	104° 48' 51"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh T6	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 23' 25"	104° 50' 12"	10° 17' 04"	104° 46' 26"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 18' 49"	104° 45' 04"	10° 17' 10"	104° 49' 01"	C-48-42-B-c
kênh Trục 1	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 24' 24"	104° 48' 23"	10° 22' 19"	104° 50' 26"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh Trục Giữa	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 23' 36"	104° 47' 54"	10° 20' 59"	104° 51' 30"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh Tư Cây Dương	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 18' 28"	104° 46' 34"	10° 20' 26"	104° 47' 57"	C-48-42-B-c
kênh Võ Văn Kiệt	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 25' 30"	104° 49' 03"	10° 12' 53"	104° 42' 13"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
ấp Bình Thuận	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 30"	104° 50' 46"					C-48-42-D-a
ấp Thuận An	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 54"	104° 48' 18"					C-48-42-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Thuận Hoà	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 13"	104° 49' 40"					C-48-42-B-c
ấp Thuận Tiến	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 54"	104° 48' 29"					C-48-42-B-c
ấp Vàm Rầy	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 53"	104° 47' 31"					C-48-42-D-a
Quốc lộ 80	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-D-b
Đường tỉnh 970	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 21' 23"	104° 51' 48"	10° 16' 02"	104° 48' 19"	C-48-42-B-c
cầu 283	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 20"	104° 52' 26"					C-48-42-D-a
Cầu 422	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 20' 36"	104° 51' 17"					C-48-42-B-c
Cầu 85B	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 18' 17"	104° 49' 46"					C-48-42-B-c
cầu Vàm Rầy	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 41"	104° 48' 50"					C-48-42-B-c
cổng Vàm Rầy	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 07"	104° 46' 58"					C-48-42-D-a
Nông trường Bình Sơn	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 14"	104° 49' 08"					C-48-42-D-a
Kênh 7	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-43-B-c; C-48-43-B-d
Kênh 8	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 59' 21"	10° 18' 01"	104° 53' 52"	C-48-42-B-d
Kênh 9	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 27"	104° 59' 40"	10° 18' 43"	104° 53' 40"	C-48-42-B-d
Kênh 10	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-42-B-d
Kênh 10	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 00"	104° 48' 25"	10° 13' 11"	104° 46' 25"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 11	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 53"	104° 52' 25"	10° 17' 32"	104° 57' 09"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
Kênh 85B	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 23"	104° 48' 05"	10° 17' 07"	104° 51' 37"	C-48-42-B-c
Kênh 200	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 18"	104° 53' 47"	10° 16' 54"	104° 40' 07"	C-48-42-B-c; C-48-42-D-a; C-48-42-D-d
Kênh 280B	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 47"	104° 53' 20"	10° 11' 26"	104° 52' 24"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 281	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 28"	104° 53' 34"	10° 09' 27"	104° 50' 42"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 282	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 58"	104° 52' 51"	10° 10' 48"	104° 51' 21"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 283	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 21"	104° 52' 27"	10° 09' 55"	104° 49' 45"	C-48-42-D-a
Kênh 284	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 36"	104° 51' 54"	10° 10' 29"	104° 49' 34"	C-48-42-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 285	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 40"	104° 49' 15"	10° 13' 54"	104° 51' 27"	C-48-42-D-a
Kênh 286	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 12"	104° 51' 00"	10° 11' 11"	104° 48' 55"	C-48-42-D-a
Kênh 287	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 32"	104° 50' 30"	10° 12' 15"	104° 48' 56"	C-48-42-D-a
Kênh 288	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 45"	104° 50' 10"	10° 12' 27"	104° 48' 37"	C-48-42-D-a
Kênh 289	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 03"	104° 49' 42"	10° 12' 47"	104° 48' 03"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 290	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 49' 15"	10° 13' 04"	104° 47' 35"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 422	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 22' 07"	104° 47' 02"	10° 19' 25"	104° 53' 15"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
Kênh 2500	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 03"	104° 50' 13"	10° 11' 28"	104° 52' 37"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 8000	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 21' 24"	104° 51' 46"	10° 16' 04"	104° 48' 19"	C-48-42-B-c
Kênh Bao	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 14"	104° 51' 04"	10° 13' 07"	104° 54' 00"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh Bao	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 29"	104° 54' 52"	10° 20' 27"	104° 55' 31"	C-48-42-B-d
Kênh Bao	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 05"	104° 57' 09"	10° 15' 42"	104° 54' 11"	C-48-42-B-d
kênh Cả Cội	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 21"	104° 47' 07"	10° 10' 19"	104° 52' 09"	C-48-42-D-a
kênh Cấp 1	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 28"	104° 51' 31"	10° 16' 42"	104° 49' 02"	C-48-42-B-c
kênh Cổng Tư Vít	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 13"	104° 52' 39"	10° 17' 42"	104° 53' 43"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
kênh Đồn Đông	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 25"	104° 43' 22"	10° 14' 10"	104° 47' 43"	C-48-42-D-a
kênh K7	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 43"	104° 50' 41"	10° 17' 35"	104° 53' 33"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
kênh KH6	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 56"	104° 53' 28"	10° 16' 06"	104° 49' 59"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
kênh KH7	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 50"	104° 50' 11"	10° 20' 47"	104° 54' 06"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
kênh Ninh Phước 2	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 12"	105° 01' 02"	10° 21' 24"	104° 51' 46"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-B-c; C-48-42-D-a;
kênh Thầy Thép	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 11"	104° 51' 12"	10° 19' 29"	104° 54' 52"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Tư Dương	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 56"	104° 53' 39"	10° 14' 06"	104° 57' 20"	C-48-42-B-d
kênh Vàm Rầy	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 42"	104° 48' 51"	10° 12' 52"	104° 46' 47"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
lưng Mốp Dăng	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 04"	104° 49' 56"	10° 15' 10"	104° 53' 35"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
rạch Ba Bông	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 18"	104° 46' 30"	10° 13' 07"	104° 46' 54"	C-48-42-D-a
Rạch Bàng	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 26"	104° 47' 11"	10° 13' 32"	104° 47' 56"	C-48-42-D-a
Rạch Bàng	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 56"	104° 48' 01"	10° 14' 31"	104° 47' 58"	C-48-42-D-a
rạch Miếu Bà	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 38"	104° 49' 56"	10° 11' 43"	104° 49' 49"	C-48-42-D-a
ấp Cây Chôm	DC	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 11' 37"	104° 49' 55"					C-48-42-D-a
ấp Huỳnh Sơn	DC	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 10' 50"	104° 52' 38"					C-48-42-D-a
ấp Linh Huỳnh	DC	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 09' 19"	104° 51' 23"					C-48-42-D-b
ấp Vàm Biền	DC	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 09' 30"	104° 51' 26"					C-48-42-D-a
Cổng 283	KX	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 10' 04"	104° 49' 53"					C-48-42-D-a
Đường tỉnh 969B	KX	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 2	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 11' 35"	104° 53' 12"	10° 10' 25"	104° 54' 57"	C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 58"	104° 52' 53"	10° 09' 55"	104° 54' 37"	C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 35"	104° 52' 22"	10° 09' 48"	104° 53' 37"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 00"	104° 51' 54"	10° 09' 24"	104° 52' 47"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 11	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 07' 18"	104° 53' 08"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-a
Kênh 200	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 11' 55"	104° 53' 39"	10° 08' 47"	104° 51' 06"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
kênh 281	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 12' 28"	104° 53' 34"	10° 09' 27"	104° 50' 42"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
kênh 282	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 50"	104° 51' 18"	10° 09' 38"	104° 50' 14"	C-48-42-D-a
kênh 283	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 13' 21"	104° 52' 27"	10° 09' 55"	104° 49' 45"	C-48-42-D-a
kênh 284	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 13' 36"	104° 51' 54"	10° 10' 29"	104° 49' 34"	C-48-42-D-a
kênh 285	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 40"	104° 49' 15"	10° 13' 54"	104° 51' 27"	C-48-42-D-a
kênh Cả Cội	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 13' 21"	104° 47' 07"	10° 10' 19"	104° 52' 09"	C-48-42-D-a
kênh K9	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 08' 05"	104° 53' 25"	10° 09' 25"	104° 51' 25"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
kênh Linh Huỳnh	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 12' 25"	104° 53' 53"	10° 08' 39"	104° 50' 45"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Cống Hòn	TV	xã Linh Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 11"	104° 52' 15"	10° 09' 45"	104° 53' 36"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
ấp Hiệp Bình	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 12' 57"	105° 05' 36"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Hoà	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 44"	105° 07' 05"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Lợi	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 11' 48"	105° 04' 38"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Tân	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 10' 51"	105° 03' 49"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Thành	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 51"	105° 06' 21"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Trung	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 16"	105° 05' 46"					C-48-43-C-a
ấp Kiên Hảo	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 12' 23"	105° 07' 52"					C-48-43-C-b
dị tích khảo cổ học Giồng Xoài	KX	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 47"	105° 08' 24"					C-48-43-C-b
Kênh 5	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 21"	105° 04' 11"	10° 10' 14"	105° 05' 26"	C-48-43-C-a
Kênh 5	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 45"	105° 03' 41"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a
kênh 5,5	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 53"	105° 05' 10"	10° 09' 08"	105° 06' 00"	C-48-43-C-a
Kênh 6	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 14"	105° 05' 26"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 57"	105° 04' 43"	10° 09' 58"	105° 06' 59"	C-48-43-C-a
Kênh 8	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 33"	105° 05' 13"	10° 10' 36"	105° 07' 32"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 9	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 12"	105° 05' 45"	10° 11' 10"	105° 08' 03"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 10	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 50"	105° 06' 16"	10° 11' 47"	105° 08' 35"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 10	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-43-C-a
Kênh 11	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 54"	105° 04' 54"	10° 12' 24"	105° 09' 08"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh 15	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 02"	105° 00' 12"	10° 13' 36"	105° 06' 05"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh 16	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 36"	105° 00' 38"	10° 15' 54"	105° 04' 54"	C-48-43-A-c
Kênh 100	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 24"	105° 06' 52"	10° 08' 49"	105° 02' 07"	C-48-43-C-a
Kênh 100	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 03"	105° 05' 29"	10° 15' 13"	105° 07' 19"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
Kênh 500	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 09"	105° 04' 24"	10° 08' 39"	105° 02' 19"	C-48-43-C-a
Kênh 600	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 09"	105° 07' 09"	10° 14' 56"	105° 07' 50"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 600	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 57"	105° 06' 01"	10° 11' 42"	105° 05' 00"	C-48-43-C-a
Kênh 3000	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 07"	105° 06' 59"	10° 10' 14"	105° 05' 26"	C-48-43-C-a
kênh Ba Thê	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 27"	105° 00' 54"	10° 15' 14"	105° 07' 28"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 39"	105° 06' 42"	10° 10' 32"	105° 05' 41"	C-48-43-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 23"	105° 03' 30"	10° 09' 01"	105° 00' 46"	C-48-43-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 53"	105° 07' 47"	10° 11' 50"	105° 06' 45"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 19"	105° 07' 17"	10° 11' 13"	105° 06' 15"	C-48-43-C-a
kênh Cống Xã	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 17"	105° 10' 57"	10° 11' 21"	105° 08' 12"	C-48-43-C-b
kênh Đập Đá	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 07"	105° 08' 47"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a
kênh Hăng Đứng	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 24"	105° 01' 24"	10° 10' 37"	105° 03' 34"	C-48-43-C-a
kênh Hăng Ngang	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 17"	105° 04' 14"	10° 11' 53"	105° 01' 36"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh Huế Bá	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 32"	105° 10' 25"	10° 10' 37"	105° 07' 33"	C-48-43-C-b
kênh Kiên Hào	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 11"	105° 09' 48"	10° 05' 12"	105° 02' 39"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 49"	105° 07' 06"	10° 16' 17"	105° 05' 06"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh Năm Vụ	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 44"	105° 09' 50"	10° 09' 48"	105° 06' 50"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
kênh Năm Vui	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 20"	105° 05' 01"	10° 13' 47"	105° 03' 06"	C-48-43-C-a
kênh Ranh Tỉnh	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 15"	105° 07' 27"	10° 19' 01"	105° 00' 56"	C-48-43-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
lưng Dọc Trăm	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 46"	105° 07' 14"	10° 09' 38"	105° 07' 37"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Lung Mướp	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 54"	105° 05' 06"	10° 10' 33"	105° 05' 05"	C-48-43-C-a
Lung Sen	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 49"	105° 04' 35"	10° 10' 50"	105° 04' 51"	C-48-43-C-a
ấp Hưng Giang	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 02' 38"	105° 03' 38"					C-48-42-D-b
ấp Mỹ Bình	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 21"	105° 03' 22"					C-48-42-D-b
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 30"	105° 02' 20"					C-48-43-C-c
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 42"	105° 03' 05"					C-48-43-C-c
ấp Mỹ Trung	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 03' 45"	105° 03' 51"					C-48-42-D-b
ấp Tân Điền	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 05"	105° 03' 27"					C-48-43-C-c
ấp Tân Hưng	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 48"	105° 02' 53"					C-48-42-D-b
Quốc lộ 80	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
cầu Số 3	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 11"	105° 02' 38"					C-48-43-C-c
cầu Thần Nông	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 01"	105° 03' 33"					C-48-43-C-c
chùa Mỹ Thạnh Tự	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 24"	105° 02' 32"					C-48-43-C-c
cổng Số 2	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 02' 24"	105° 03' 15"					C-48-43-C-c
cổng Số 3	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 18"	105° 01' 21"					C-48-43-C-c
cổng Thần Nông	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 03' 22"	105° 02' 06"					C-48-43-C-c
cổng Thầy Xếp	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 33"	105° 03' 08"					C-48-43-C-c
cổng Thầy Xếp	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 08"	105° 01' 22"					C-48-43-C-c
đình Nguyễn Trung Trực	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 03' 34"	105° 03' 50"					C-48-43-C-c
miếu Ông Tà	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 15"	105° 02' 15"					C-48-43-C-c
Kênh 2	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 06' 19"	105° 03' 40"	10° 04' 18"	105° 05' 20"	C-48-43-C-c
Kênh 7 Biết	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 38"	105° 03' 03"	10° 07' 53"	105° 01' 16"	C-48-43-C-c
Kênh 80	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 38"	105° 01' 11"	10° 03' 14"	105° 02' 24"	C-48-43-C-c
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 45"	105° 01' 59"	10° 05' 16"	105° 01' 30"	C-48-43-C-c
Kênh 7000	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 59"	105° 03' 04"	10° 03' 53"	105° 01' 50"	C-48-43-C-c
kênh Cầu Số 2	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 02' 59"	105° 04' 22"	10° 02' 17"	105° 03' 00"	C-48-43-C-c
kênh Cầu Số 3	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 12"	105° 02' 39"	10° 04' 12"	105° 01' 11"	C-48-43-C-c
Kênh Chùa	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 00"	105° 03' 24"	10° 04' 43"	105° 03' 02"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh Cũ	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 02' 41"	105° 03' 48"	10° 06' 40"	105° 01' 05"	C-48-43-C-c
Kênh Cùng	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 40"	105° 02' 39"	10° 04' 27"	105° 01' 34"	C-48-43-C-c
kênh Đồi Dưới	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 16"	105° 03' 28"	10° 03' 14"	105° 02' 15"	C-48-43-C-c
kênh Đồi Trên	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 22"	105° 02' 49"	10° 04' 06"	105° 01' 22"	C-48-43-C-c
kênh Đòn Đông	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 58"	105° 01' 47"	10° 04' 35"	105° 01' 07"	C-48-43-C-c
Kênh Huyện	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 42"	105° 02' 16"	10° 04' 59"	105° 00' 56"	C-48-43-C-c
kênh Kiên Hảo	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 13' 10"	105° 09' 49"	10° 05' 12"	105° 02' 39"	C-48-43-C-c
kênh Năm Ninh	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 51"	105° 02' 09"	10° 06' 50"	105° 03' 12"	C-48-43-C-c
kênh Năm Phiên	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 03"	105° 03' 36"	10° 02' 42"	105° 02' 46"	C-48-43-C-c
kênh Ngã Cái	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 07"	105° 04' 16"	10° 04' 05"	105° 04' 33"	C-48-43-C-c
kênh Ông Kiềm	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 52"	105° 03' 42"	10° 07' 55"	105° 05' 08"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Tập Đoàn	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 26"	105° 04' 01"	10° 03' 06"	105° 03' 34"	C-48-43-C-c
kênh Thân Nông	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 01"	105° 03' 32"	10° 03' 19"	105° 01' 59"	C-48-43-C-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 29"	105° 03' 20"	10° 03' 43"	105° 03' 42"	C-48-43-C-c
kênh Xa Me	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 43"	105° 03' 02"	10° 02' 52"	105° 03' 13"	C-48-43-C-c
rạch Châm Bầu	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 22"	105° 02' 09"	10° 05' 06"	105° 01' 39"	C-48-43-C-c
rạch Rạch Ngay	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 00"	105° 01' 45"	10° 04' 46"	105° 00' 58"	C-48-43-C-c
ấp Đập Đá	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 09' 00"	105° 06' 51"					C-48-43-C-a
ấp Phước Hảo	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 07' 12"	105° 04' 31"					C-48-43-C-c
ấp Phước Tân	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 10' 09"	105° 07' 04"					C-48-43-C-a
ấp Phước Thái	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 10' 41"	105° 07' 34"					C-48-43-C-b
ấp Phước Thạnh	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 07' 16"	105° 04' 29"					C-48-43-C-c
ấp Tràm Dướng	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 08' 21"	105° 05' 36"					C-48-43-C-a
di tích khảo cổ Nền Chùa	KX	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 06' 45"	105° 06' 19"					C-48-43-C-c
Kênh 1	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 51"	105° 02' 05"	10° 07' 05"	105° 04' 22"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Kênh 2	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 16"	105° 04' 31"	10° 09' 04"	105° 02' 40"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Kênh 2	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 19"	105° 03' 40"	10° 04' 18"	105° 05' 20"	C-48-43-C-c
kênh 2,5	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 20"	105° 03' 51"	10° 07' 53"	105° 04' 21"	C-48-43-C-a
Kênh 3	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 07"	105° 05' 19"	10° 10' 03"	105° 03' 11"	C-48-43-C-a
Kênh 3	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 56"	105° 04' 13"	10° 05' 24"	105° 05' 47"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 4	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 25"	105° 05' 35"	10° 09' 16"	105° 04' 39"	C-48-43-C-a
Kênh 5	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 45"	105° 03' 41"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a
kênh 5,5	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 09' 53"	105° 05' 10"	10° 09' 08"	105° 06' 00"	C-48-43-C-a
Kênh 6	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 14"	105° 05' 26"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 11' 57"	105° 04' 43"	10° 09' 58"	105° 06' 59"	C-48-43-C-a
Kênh 8	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 12' 33"	105° 05' 13"	10° 10' 36"	105° 07' 32"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 9	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 13' 12"	105° 05' 45"	10° 11' 10"	105° 08' 03"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 750	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 49"	105° 05' 02"	10° 09' 35"	105° 03' 05"	C-48-43-C-a
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 21"	105° 06' 39"	10° 08' 21"	105° 05' 32"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 09' 39"	105° 06' 42"	10° 10' 32"	105° 05' 41"	C-48-43-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 53"	105° 07' 47"	10° 11' 50"	105° 06' 45"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 19"	105° 07' 17"	10° 11' 13"	105° 06' 15"	C-48-43-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 11"	105° 04' 37"	10° 07' 19"	105° 03' 49"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Bờ Hồ	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 05"	105° 05' 14"	10° 09' 20"	105° 06' 06"	C-48-43-C-a
kênh Đập Đá	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 07"	105° 08' 47"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a
kênh Kiên Hảo	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 13' 10"	105° 09' 49"	10° 05' 12"	105° 02' 39"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-c
kênh Ngã Cái	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 04' 49"	105° 04' 55"	10° 06' 23"	105° 05' 37"	C-48-43-C-c
Kênh Ranh	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 41"	105° 06' 20"	10° 07' 59"	105° 06' 55"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Thầy Thông	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 59"	105° 05' 11"	10° 06' 41"	105° 06' 21"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 56"	105° 04' 13"	10° 07' 43"	105° 03' 30"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Tư Tỷ	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 31"	105° 08' 56"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a
kênh Ze-rô	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 13"	105° 01' 33"	10° 06' 19"	105° 03' 40"	C-48-43-C-c
Lung Mướp	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 54"	105° 05' 06"	10° 10' 33"	105° 05' 05"	C-48-43-C-a
ấp Mỹ Thái	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 14' 07"	105° 02' 00"					C-48-43-C-a
ấp Thái Hưng	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 15' 38"	105° 03' 14"					C-48-43-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Thái Tân	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 11' 26"	104° 59' 47"					C-48-43-C-a
ấp Thái Thịnh	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 16' 10"	105° 03' 38"					C-48-43-A-c
ấp Thái Tiến	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 14' 50"	105° 02' 35"					C-48-43-A-c
Kênh 2	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 54' 39"	10° 08' 46"	105° 02' 01"	C-48-42-D-b
Kênh 4	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 14' 26"	104° 54' 58"	10° 09' 15"	105° 02' 25"	C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 14' 53"	104° 55' 17"	10° 09' 39"	105° 02' 45"	C-48-42-D-b
Kênh 6	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 55' 36"	10° 10' 03"	105° 03' 05"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 7	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-42-B-d; C-48-43-C-a
Kênh 7,5	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 14' 47"	104° 58' 00"	10° 10' 50"	105° 03' 45"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 8,5	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 15' 10"	104° 58' 08"	10° 13' 09"	105° 01' 11"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 10	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-43-C-a
Kênh 12	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 16' 28"	104° 59' 05"	10° 13' 47"	105° 03' 06"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
Kênh 13	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 17' 18"	104° 59' 41"	10° 15' 09"	105° 02' 47"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d
Kênh 15	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 18' 02"	105° 00' 12"	10° 13' 36"	105° 06' 05"	C-48-43-A-c
Kênh 16	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 18' 36"	105° 00' 38"	10° 15' 54"	105° 04' 54"	C-48-43-A-c
Kênh 3000	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 10' 30"	104° 56' 50"	10° 18' 12"	105° 02' 21"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
kênh Hăng Đứng	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 16' 45"	105° 01' 18"	10° 15' 43"	105° 03' 15"	C-48-43-A-c
kênh Hăng Ngang	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 15' 17"	105° 04' 14"	10° 11' 53"	105° 01' 36"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh Mỹ Thái	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 09' 33"	104° 58' 17"	10° 17' 09"	105° 04' 09"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
kênh Ranh Tinh	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 15' 15"	105° 07' 27"	10° 19' 01"	105° 00' 56"	C-48-43-A-c
Lung Mốp	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 17' 40"	105° 03' 15"	10° 16' 02"	105° 03' 30"	C-48-43-A-c
ấp Cản Đất	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 09' 35"	105° 02' 45"					C-48-43-C-a
ấp Mỹ Tân	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 09' 51"	105° 04' 15"					C-48-43-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Nguyễn Văn Hanh	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 10' 13"	105° 03' 09"					C-48-43-C-a
ấp Sổ Bồn	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 09' 03"	105° 02' 13"					C-48-43-C-a
ấp Sơn Thuận	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 08' 06"	105° 01' 29"					C-48-43-C-a
nhà thờ Tân Lập	KX	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 09' 50"	105° 04' 09"					C-48-43-C-a
Kênh 1	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 08' 51"	105° 02' 05"	10° 07' 05"	105° 04' 22"	C-48-43-C-a
Kênh 1	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 09' 59"	104° 58' 38"	10° 07' 57"	105° 01' 20"	C-48-43-C-a
Kênh 2	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-43-C-a
Kênh 2	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 16"	105° 04' 31"	10° 09' 04"	105° 02' 40"	C-48-43-C-a
Kênh 2	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 09' 28"	105° 02' 37"	10° 08' 20"	105° 03' 51"	C-48-43-C-a
Kênh 3	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 54' 39"	10° 08' 46"	105° 02' 01"	C-48-43-C-a
Kênh 3	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 08' 07"	105° 05' 19"	10° 10' 03"	105° 03' 11"	C-48-43-C-a
Kênh 4	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 14' 26"	104° 54' 58"	10° 09' 15"	105° 02' 25"	C-48-43-C-a
Kênh 4	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 10' 31"	105° 03' 30"	10° 09' 26"	105° 04' 38"	C-48-43-C-a
Kênh 5	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 14' 53"	104° 55' 17"	10° 09' 39"	105° 02' 45"	C-48-43-C-a
Kênh 5	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 10' 45"	105° 03' 41"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a
Kênh 6	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 55' 36"	10° 10' 03"	105° 03' 05"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-43-C-a
Kênh 7 Biết	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 05' 38"	105° 03' 03"	10° 07' 53"	105° 01' 16"	C-48-43-C-c
Kênh 100	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 14' 24"	105° 06' 52"	10° 08' 49"	105° 02' 07"	C-48-43-C-a
Kênh 750	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 49"	105° 05' 02"	10° 09' 35"	105° 03' 05"	C-48-43-C-a
Kênh 500	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 11' 09"	105° 04' 24"	10° 08' 39"	105° 02' 19"	C-48-43-C-a
kênh Ba Thê	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 27"	105° 00' 54"	10° 15' 14"	105° 07' 28"	C-48-43-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 12' 23"	105° 03' 30"	10° 09' 01"	105° 00' 46"	C-48-43-C-a
kênh Đường Trâu	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 09' 47"	105° 00' 58"	10° 08' 53"	105° 02' 01"	C-48-43-C-a
kênh Năm Ninh	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 05' 51"	105° 02' 09"	10° 06' 50"	105° 03' 12"	C-48-43-C-c
kênh Quản Thống	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 02"	105° 01' 14"	10° 08' 28"	105° 02' 33"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Tư Hãn	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 09' 22"	105° 02' 31"	10° 10' 03"	105° 01' 52"	C-48-43-C-a
kênh Ze-rô	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 08' 13"	105° 01' 33"	10° 06' 19"	105° 03' 40"	C-48-43-C-a;C-48-43-C-c
lưng Cà Na	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 06' 50"	105° 03' 12"	10° 07' 52"	105° 01' 59"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Lưng Mướp	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 54"	105° 05' 06"	10° 10' 33"	105° 05' 05"	C-48-43-C-a
rạch Đường Trâu	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 08' 09"	105° 00' 22"	10° 09' 31"	105° 00' 57"	C-48-43-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Hoà Thuận	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 32"	104° 58' 26"					C-48-42-B-d
ấp Hoà Tiến	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 17' 49"	105° 00' 06"					C-48-42-B-d
ấp Sơn An	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 16' 52"	104° 59' 20"					C-48-42-B-d
ấp Sơn Bình	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 16' 12"	104° 58' 54"					C-48-42-B-d
ấp Sơn Hoà	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 01"	104° 58' 00"					C-48-42-B-d
ấp Sơn Lập	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 18' 40"	105° 00' 42"					C-48-43-A-c
ấp Sơn Nam	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 12' 25"	104° 56' 12"					C-48-42-D-b
ấp Sơn Tân	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 09"	104° 56' 44"					C-48-42-D-b
ấp Sơn Thái	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 47"	104° 57' 11"					C-48-42-D-b
ấp Sơn Thành	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 37"	104° 57' 48"					C-48-42-D-b
Kênh 2	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 54' 39"	10° 08' 46"	105° 02' 01"	C-48-42-D-b
Kênh 4	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 26"	104° 54' 58"	10° 09' 15"	105° 02' 25"	C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 53"	104° 55' 17"	10° 09' 39"	105° 02' 45"	C-48-42-D-b
Kênh 6	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 55' 36"	10° 10' 03"	105° 03' 05"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 7	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b; C-48-42-B-c
Kênh 7,5	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 47"	104° 58' 00"	10° 10' 50"	105° 03' 45"	C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 8	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 59' 21"	10° 18' 01"	104° 53' 52"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 8,5	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 10"	104° 58' 08"	10° 13' 09"	105° 01' 11"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 9	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 27"	104° 59' 40"	10° 18' 43"	104° 53' 40"	C-48-42-B-d;C- 48-42-D-b
Kênh 10	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 11	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 53"	104° 52' 25"	10° 17' 32"	104° 57' 09"	C-48-42-B-d
Kênh 12	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 28"	104° 59' 05"	10° 14' 27"	105° 02' 13"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d
Kênh 13	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 17' 18"	104° 59' 41"	10° 15' 09"	105° 02' 47"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d
Kênh 15	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 02"	105° 00' 12"	10° 13' 36"	105° 06' 05"	C-48-43-A-c
Kênh 16	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 36"	105° 00' 38"	10° 15' 54"	105° 04' 54"	C-48-43-A-c
Kênh 165	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 48"	104° 55' 51"	10° 18' 58"	105° 01' 00"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 750	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 48"	104° 59' 27"	10° 15' 58"	105° 00' 45"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d
Kênh 750	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 16"	105° 00' 30"	10° 17' 28"	105° 01' 49"	C-48-43-A-c
Kênh 3000	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 30"	104° 56' 50"	10° 18' 12"	105° 02' 21"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh Bao	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 05"	104° 57' 09"	10° 15' 42"	104° 54' 11"	C-48-42-B-d
kênh Cổng Tư Vít	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 13"	104° 52' 39"	10° 17' 42"	104° 53' 43"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh Giữa	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 17' 37"	105° 00' 02"	10° 16' 45"	105° 01' 18"	C-48-43-A-c
kênh H9	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 44"	104° 58' 39"	10° 12' 36"	104° 53' 37"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh KD1	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 20"	105° 00' 25"	10° 12' 38"	104° 55' 36"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
kênh N2	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 45"	104° 59' 17"	10° 17' 39"	104° 57' 59"	C-48-42-B-d
kênh Ninh Phước 2	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 12"	105° 01' 02"	10° 21' 24"	104° 51' 46"	C-48-43-A-c;C-48-42-B-d
kênh Ranh Tinh	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 15"	105° 07' 27"	10° 19' 01"	105° 00' 56"	C-48-43-A-c
kênh Tri Tôn	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 25"	104° 55' 26"	10° 19' 12"	105° 01' 03"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
lung Sư Nam	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 10"	104° 53' 35"	10° 13' 33"	104° 53' 16"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
ấp Giàn Gừa	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 06' 44"	104° 58' 23"					C-48-42-D-d+c
ấp Kinh Mới	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 06' 25"	104° 56' 44"					C-48-42-D-d+c
ấp Mương Kinh	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 07' 20"	104° 56' 55"					C-48-42-D-d+c
ấp Mương Kinh A	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 08' 26"	104° 58' 52"					C-48-42-D-b
ấp Vàm Biển	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 07' 57"	104° 59' 22"					C-48-42-D-b
ấp Xẻo Tràm	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 07' 46"	104° 58' 13"					C-48-42-D-b
Đường tỉnh 969B	KX	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh 9	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 10' 18"	104° 57' 06"	10° 06' 44"	104° 54' 33"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Giàn Gừa	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 06' 55"	104° 58' 41"	10° 07' 58"	104° 57' 46"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh Mới	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 35"	104° 58' 02"	10° 06' 50"	104° 55' 33"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh Mới	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 24"	104° 57' 12"	10° 05' 55"	104° 57' 13"	C-48-42-D-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Mương Kinh	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 08' 28"	104° 56' 46"	C-48-42-D-b
kênh Ô Môi	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 47"	104° 59' 14"	10° 08' 23"	104° 57' 58"	C-48-42-D-b
kênh Ông Kiềm	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 01"	104° 59' 23"	10° 06' 49"	104° 59' 57"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Ông Thần	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 18"	104° 58' 26"	10° 06' 35"	104° 55' 37"	C-48-42-D-d+c
Kênh Sóc	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 06' 44"	105° 01' 08"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
kênh Vàm Răng	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 35"	104° 59' 44"	10° 06' 01"	104° 59' 14"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Vạn Thanh	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 28"	104° 56' 47"	10° 07' 21"	104° 55' 18"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Rạch Cui	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 06' 45"	104° 57' 49"	10° 06' 16"	104° 58' 09"	C-48-42-D-d+c
rạch Mương Khâm	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 06' 59"	104° 55' 59"	10° 05' 42"	104° 56' 19"	C-48-42-D-d+c
Rạch Phóc	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 20"	104° 55' 19"	10° 05' 37"	104° 55' 52"	C-48-42-D-d+c
Rạch Sậy	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 16"	104° 56' 43"	10° 06' 20"	104° 56' 59"	C-48-42-D-d+c
rạch Tà Cóc	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 05"	105° 00' 09"	10° 07' 45"	104° 59' 31"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
rạch Tà Kiệt	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 33"	104° 58' 17"	10° 08' 24"	104° 59' 03"	C-48-42-D-b
rạch Thông Vàm	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 10"	104° 56' 29"	10° 06' 17"	104° 56' 44"	C-48-42-D-d+c
rạch Xèo Dứa	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 44"	104° 58' 10"	10° 08' 30"	104° 58' 43"	C-48-42-D-b
rạch Xèo Tràm	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 15"	104° 58' 28"	10° 07' 51"	104° 59' 06"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
ấp Kiên Bình	DC	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 11' 47"	105° 00' 08"					C-48-43-C-a
ấp Số Tám	DC	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 09' 42"	104° 57' 58"					C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Tà Lóc	DC	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 09' 11"	104° 58' 45"					C-48-42-D-b
ấp Vàm Răng	DC	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 08' 23"	104° 59' 56"					C-48-42-D-b
Quốc lộ 80	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-D-b; C-48-43-C-c
Đường tỉnh 969B	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-b
cầu Kiên Bình	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 09' 18"	104° 58' 36"					C-48-42-D-b
cầu Tà Lúa	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 08' 07"	105° 00' 21"					C-48-43-C-a
cầu Vàm Răng	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 08' 33"	104° 59' 42"					C-48-42-D-b
Kênh 1	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 13' 07"	104° 53' 59"	10° 09' 54"	104° 58' 33"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 1	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 59"	104° 58' 38"	10° 07' 57"	105° 01' 20"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 2	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 54' 39"	10° 08' 46"	105° 02' 01"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 4	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 14' 26"	104° 54' 58"	10° 09' 15"	105° 02' 25"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 14' 53"	104° 55' 17"	10° 09' 39"	105° 02' 45"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 6	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 55' 36"	10° 10' 03"	105° 03' 05"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-43-C-a
Kênh 9	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 10' 18"	104° 57' 06"	10° 06' 44"	104° 54' 33"	C-48-42-D-b
Kênh 10	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-43-C-a
Kênh 200	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 12"	104° 58' 31"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-b
kênh Bộ Đội	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 12' 23"	105° 03' 30"	10° 09' 01"	105° 00' 46"	C-48-43-C-a
kênh Cấp 1	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 13' 18"	105° 02' 12"	10° 10' 51"	105° 00' 02"	C-48-43-C-a
kênh Đường Trâu	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 47"	105° 00' 58"	10° 08' 53"	105° 02' 01"	C-48-43-C-a
kênh Hai Huỳnh	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 25"	105° 00' 01"	10° 08' 56"	105° 00' 10"	C-48-43-C-a
kênh Hăng Ngang	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 15' 17"	105° 04' 14"	10° 11' 53"	105° 01' 36"	C-48-43-C-a
kênh Mương Kinh	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 08' 28"	104° 56' 46"	C-48-42-D-b
kênh Mỹ Thái	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 33"	104° 58' 17"	10° 17' 09"	105° 04' 09"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Số 7	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 36"	10° 08' 35"	104° 58' 02"	C-48-42-D-b
Kênh Sóc	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 06' 44"	105° 01' 08"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
kênh Vàm Răng	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 35"	104° 59' 44"	10° 06' 01"	104° 59' 14"	C-48-42-D-b
lưng Mương Trâu	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 10' 38"	104° 58' 29"	10° 09' 21"	104° 57' 47"	C-48-42-D-b
rạch Đường Trâu	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 50"	105° 00' 33"	10° 09' 48"	105° 00' 35"	C-48-43-C-a
rạch Đường Trâu	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 09"	105° 00' 22"	10° 09' 31"	105° 00' 57"	C-48-43-C-a
ấp Bến Đá	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 09' 53"	104° 53' 60"					C-48-42-D-b
ấp Hòn Đất	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 05' 57"	104° 53' 19"					C-48-42-D-d+c
ấp Hòn Me	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 28"	104° 53' 28"					C-48-42-D-d+c
ấp Hòn Quéo	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 56"	104° 52' 33"					C-48-42-D-a
ấp Hòn Sóc	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 09' 04"	104° 54' 14"					C-48-42-D-b
ấp Vạn Thanh	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 34"	104° 54' 15"					C-48-42-D-d+c
Đường tỉnh 969	KX	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 18"	104° 55' 34"	10° 07' 12"	104° 53' 13"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Đường tỉnh 969B	KX	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-d+c
cầu Hòn Me	KX	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 19"	104° 53' 13"					C-48-42-D-d+c
Khu di tích lịch sử và thắng cảnh Ba Hòn (Hòn Me; Hòn Đất; Hòn Quéo)	KX	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 21"	104° 53' 34"					C-48-42-D-d+c
núi Hòn Đất	SV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 06"	104° 53' 48"					C-48-42-D-d+c
núi Hòn Me	SV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 53"	104° 53' 09"					C-48-42-D-d+c
núi Hòn Sóc	SV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 09' 20"	104° 54' 02"					C-48-42-D-b
Kênh 2	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 35"	104° 53' 12"	10° 10' 25"	104° 54' 57"	C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 58"	104° 52' 53"	10° 09' 55"	104° 54' 37"	C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 5	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 35"	104° 52' 22"	10° 09' 48"	104° 53' 37"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 7	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 24"	104° 52' 47"	10° 08' 48"	104° 53' 43"	C-48-42-D-b
Kênh 9	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 18"	104° 57' 06"	10° 06' 44"	104° 54' 33"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh 10	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 31"	104° 56' 30"	10° 07' 10"	104° 54' 14"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh 11	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 18"	104° 53' 08"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-d+c; C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 47"	104° 55' 21"	10° 09' 21"	104° 54' 23"	C-48-42-D-b
Kênh 500	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 21"	104° 56' 44"	10° 07' 00"	104° 54' 26"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Đường Hòn	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 19"	104° 55' 34"	10° 09' 31"	104° 54' 21"	C-48-42-D-b
kênh Hòn Me	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 19"	104° 53' 24"	10° 06' 33"	104° 54' 29"	C-48-42-D-d+c
kênh Hòn Quéo	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 46"	104° 51' 43"	10° 07' 18"	104° 53' 08"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Hòn Sóc	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 31"	104° 54' 21"	10° 07' 32"	104° 53' 47"	C-48-42-D-b
kênh Hòn Sóc	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 38"	104° 54' 31"	10° 07' 41"	104° 54' 58"	C-48-42-D-b
kênh Hòn Sóc	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 28"	104° 56' 46"	10° 09' 26"	104° 54' 28"	C-48-42-D-b
kênh K11	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 50"	104° 51' 10"	10° 07' 19"	104° 53' 09"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-d+c
kênh K9	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 05"	104° 53' 25"	10° 09' 25"	104° 51' 25"	C-48-42-D-b
kênh Suối Tiên	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 14"	104° 55' 37"	10° 09' 04"	104° 54' 19"	C-48-42-D-b
kênh Vạn Thanh	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 20"	104° 55' 19"	10° 05' 23"	104° 54' 58"	C-48-42-D-d+c
rạch Cổng Hòn	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 11"	104° 52' 15"	10° 09' 45"	104° 53' 36"	C-48-42-D-b
Rạch Mũi	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 05' 29"	104° 54' 24"	10° 05' 14"	104° 54' 00"	C-48-42-D-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Rạch Phốc	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 20"	104° 55' 19"	10° 05' 37"	104° 55' 52"	C-48-42-D-d+c
khu phố Ba Hòn	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 14' 40"	104° 35' 12"					C-48-42-C-a
khu phố Cư Xá	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 17' 10"	104° 38' 43"					C-48-42-A-d
khu phố Cư Xá Mới	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 17' 06"	104° 38' 32"					C-48-42-C-a
khu phố Hoà Lập	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 06"	104° 35' 15"					C-48-42-A-c
khu phố Kiên Tân	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 10"	104° 35' 32"					C-48-42-C-a
khu phố Lò Bom	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 44"	104° 37' 39"					C-48-42-A-d
khu phố Lung Kha Na	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 27"	104° 37' 56"					C-48-42-C-a
khu phố Ngã Ba	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 17' 13"	104° 38' 28"					C-48-42-A-d
khu phố Tám Thước	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 14"	104° 37' 05"					C-48-42-C-a
khu phố Xà Ngách	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 40"	104° 36' 15"					C-48-42-C-a
Quốc lộ 80	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
Đường tỉnh 971	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 15' 03"	104° 35' 20"	10° 08' 48"	104° 37' 32"	C-48-42-A-c
cầu An Bình	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 20"	104° 37' 10"					C-48-42-A-c
cầu Ba Hòn	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 02"	104° 35' 14"					C-48-42-A-c
cầu Công Tre	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 17' 16"	104° 39' 00"					C-48-42-A-d
cầu Mo So	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 13' 47"	104° 35' 21"					C-48-42-C-a
cổng Ba Hòn	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 23"	104° 35' 44"					C-48-42-C-b
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 14"	104° 37' 07"					C-48-42-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Nhà máy Xi măng Kiên Lương	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 23"	104° 37' 01"					C-48-42-A-c
Xí nghiệp Lắp máy 18-2	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 10"	104° 37' 01"					C-48-42-A-c
núi Ba Hòn	SV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 14' 56"	104° 34' 57"					C-48-42-C-a
núi Châu Hang	SV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 27"	104° 36' 48"					C-48-42-A-c
hồ Cống Tre	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 48"	104° 38' 30"					C-48-42-A-d
hồ nước ngọt Kiên Lương	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 13"	104° 37' 53"					C-48-42-A-d
Kênh 22	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 14' 24"	104° 37' 20"	10° 13' 46"	104° 35' 18"	C-48-42-C-a
Kênh 3000	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 16' 53"	104° 38' 14"	10° 16' 04"	104° 38' 57"	C-48-42-A-d
kênh An Bình	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 12' 54"	104° 39' 08"	10° 16' 01"	104° 37' 23"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Ba Hòn-Kiên Lương	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 17' 19"	104° 38' 31"	10° 14' 50"	104° 34' 58"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d; C-48-42-C-a
kênh Cống Tre	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 13' 56"	104° 38' 52"	10° 17' 17"	104° 38' 59"	C-48-42-A-d
kênh Lung Kha Na	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 16' 49"	104° 38' 55"	10° 13' 55"	104° 37' 09"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-A-d
kênh Sáng Múc	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 15' 26"	104° 35' 49"	10° 15' 25"	104° 34' 50"	C-48-42-A-c
kênh Tà Săng	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 16' 09"	104° 36' 51"	10° 16' 14"	104° 34' 16"	C-48-42-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Tám Thước	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 11' 31"	104° 40' 35"	10° 16' 21"	104° 37' 09"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
kênh Tạo Nguồn	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 16' 56"	104° 38' 59"	10° 17' 05"	104° 40' 19"	C-48-42-A-d
rạch Khoe Lá	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10°13'53"	104°37'02"	10° 13' 40"	104° 36' 31"	C-48-42-C-a
ấp Ba Núi	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 50"	104° 35' 56"					C-48-42-C-a
ấp Ba Trại	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 49"	104° 38' 43"					C-48-42-C-b
ấp Bãi Giếng	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 58"	104° 36' 35"					C-48-42-C-a
ấp Bình Đông	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 23"	104° 37' 17"					C-48-42-C-b
ấp Hòn Chông	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 55"	104° 36' 57"					C-48-42-C-a
ấp Hòn Trẹm	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 49"	104° 37' 38"					C-48-42-C-b
ấp Rẫy Mới	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 37"	104° 38' 09"					C-48-42-C-b
Đường tỉnh 971	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 15' 03"	104° 35' 20"	10° 08' 48"	104° 37' 32"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
cảng Hòn Chông	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 52"	104° 35' 51"					C-48-42-C-a
cầu Sơn Trà	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 26"	104° 37' 10"					C-48-42-C-a
Chùa Hang	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 26"	104° 38' 18"					C-48-42-C-b
cổng Tà Ấm	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 39"	104° 38' 35"					C-48-42-C-b
di tích lịch sử và thắng cảnh Núi Mo So	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 58"	104° 36' 55"					C-48-42-C-a
di tích thắng cảnh Hòn Chông	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 44"	104° 37' 32"					C-48-42-C-b
Khách sạn An Hải Sơn	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 02"	104° 37' 00"					C-48-42-C-a
Khu du lịch Chùa Hang	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 26"	104° 38' 14"					C-48-42-C-b
Nhà máy Xi măng Hà Tiên-Kiên Giang	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 55"	104° 36' 51"					C-48-42-C-a
Nhà máy Xi măng Sao Mai	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 55"	104° 35' 54"					C-48-42-C-a
Xí nghiệp Đá vôi Bình An	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 03"	104° 36' 05"					C-48-42-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
núi Bà Tài	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 21"	104° 36' 00"					C-48-42-C-a
núi Bãi Voi	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 13' 20"	104° 36' 52"					C-48-42-C-a
núi Bình Trị	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 20"	104° 37' 01"					C-48-42-C-a
núi Chùa Hang	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 28"	104° 38' 30"					C-48-42-C-a
Núi Cọp	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 13' 02"	104° 35' 53"					C-48-42-C-a
núi Hang Cây Ổt	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 11' 32"	104° 36' 28"					C-48-42-C-a
núi Hang Tiên	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 11' 10"	104° 35' 29"					C-48-42-C-a
Núi Huỳnh	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 11' 49"	104° 37' 12"					C-48-42-C-a
núi Khoe Lá	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 35"	104° 35' 11"					C-48-42-C-a
Núi Nước	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 35"	104° 36' 06"					C-48-42-C-a
núi Sơn Trà	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 23"	104° 36' 56"					C-48-42-C-a
núi Trà Đuốc Nhỏ	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 54"	104° 37' 44"					C-48-42-C-b
kênh Ba Long	TV	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 10' 24"	104° 36' 38"	10° 12' 45"	104° 39' 43"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Linker	TV	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 10' 23"	104° 37' 01"	10° 13' 16"	104° 38' 09"	C-48-42-C-a
kênh Lung Lớn 2	TV	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 15' 48"	104° 41' 55"	10° 09' 51"	104° 36' 29"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Sao Mai	TV	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 12' 37"	104° 37' 04"	10° 11' 26"	104° 37' 43"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
ấp Hố Bườn	DC	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 10' 24"	104° 39' 52"					C-48-42-C-b
ấp Núi Mây	DC	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 13' 14"	104° 37' 36"					C-48-42-C-b
ấp Rạch Đùng	DC	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 11' 01"	104° 40' 09"					C-48-42-C-b
ấp Song Chính	DC	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 12' 53"	104° 41' 52"					C-48-42-C-b
cầu Sơn Trà	KX	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 12' 26"	104° 37' 10"					C-48-42-C-a
núi Bình Trị	SV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 10' 30"	104° 39' 15"					C-48-42-C-b
Núi Mây	SV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 13' 09"	104° 37' 40"					C-48-42-C-a
Núi Nhỏ	SV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 12' 37"	104° 37' 28"					C-48-42-C-a
núi Trà Đuốc Lớn	SV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 11' 03"	104° 38' 05"					C-48-42-C-b
Kênh 500	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 44"	104° 42' 12"	10° 13' 14"	104° 42' 10"	C-48-42-C-b
Kênh 500	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 22"	104° 41' 52"	10° 11' 25"	104° 39' 58"	C-48-42-C-b
Kênh 700	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 11' 33"	104° 40' 06"	10° 12' 54"	104° 39' 08"	C-48-42-C-b
kênh An Bình	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 12' 54"	104° 39' 08"	10° 16' 01"	104° 37' 23"	C-48-42-C-b
kênh Ba Long	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 10' 24"	104° 36' 38"	10° 12' 45"	104° 39' 43"	C-48-42-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Cái Tre	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 17' 16"	104° 39' 42"	10° 13' 08"	104° 39' 38"	C-48-42-C-b
kênh Cổng Tre	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 56"	104° 38' 52"	10° 17' 17"	104° 38' 59"	C-48-42-C-b
kênh Lầu Mắm	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 04"	104° 40' 15"	10° 17' 05"	104° 40' 19"	C-48-42-C-b
kênh Linker	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 10' 23"	104° 37' 01"	10° 13' 16"	104° 38' 09"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Lung Kha Na	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 16' 49"	104° 38' 55"	10° 13' 55"	104° 37' 09"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Lung Lớn 1	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 17' 12"	104° 41' 58"	10° 12' 37"	104° 41' 50"	C-48-42-C-b
kênh Lung Lớn 2	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 15' 48"	104° 41' 55"	10° 09' 51"	104° 36' 29"	C-48-42-C-b
kênh Rạch Đùng-Song Chính	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 01"	104° 41' 50"	10° 11' 02"	104° 40' 09"	C-48-42-C-b
kênh Sao Mai	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 12' 37"	104° 37' 04"	10° 11' 26"	104° 37' 43"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Tà Êm	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 24"	104° 37' 20"	10°13'53"	104°37'02"	C-48-42-C-a
kênh Tám Thước	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 11' 31"	104° 40' 35"	10° 16' 21"	104° 37' 09"	C-48-42-C-b
kênh TĐ5	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 43"	104° 43' 01"	10° 14' 49"	104° 39' 42"	C-48-42-C-b
kênh TĐ6	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 12"	104° 41' 54"	10° 14' 17"	104° 39' 41"	C-48-42-C-b
kênh TĐ7	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 38"	104° 41' 53"	10° 13' 42"	104° 39' 40"	C-48-42-C-b
kênh TĐ8	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 03"	104° 39' 30"	10° 13' 05"	104° 41' 34"	C-48-42-C-b
kênh Võ Văn Kiệt	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 25' 30"	104° 49' 03"	10° 12' 53"	104° 42' 13"	C-48-42-C-b
ấp Bãi Chà Và	DC	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 18' 44"	104° 31' 51"					C-48-42-A-c
ấp Bãi Ốt	DC	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 17' 42"	104° 32' 18"					C-48-42-A-c
ấp Hòn Heo	DC	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 17' 55"	104° 31' 45"					C-48-42-A-c
ấp Mũi Dừa	DC	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 17' 11"	104° 32' 09"					C-48-42-A-c
ấp Ngã Tư	DC	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 18' 17"	104° 32' 01"					C-48-42-A-c
ấp Tà Săng	DC	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 16' 30"	104° 34' 14"					C-48-42-A-c
Quốc lộ 80	KX	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-c
cầu Tà Săng	KX	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 16' 17"	104° 34' 24"					C-48-42-A-c
cầu Tam Bản	KX	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 17' 39"	104° 32' 37"					C-48-42-A-c
chùa Bã Chà Và	KX	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 18' 32"	104° 32' 00"					C-48-42-A-c
chùa Bãi Ốt	KX	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 17' 48"	104° 32' 35"					C-48-42-A-c
chùa Vạn Hoà	KX	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 17' 31"	104° 31' 57"					C-48-42-A-c
núi Cà Đanh	SV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 16' 58"	104° 33' 54"					C-48-42-A-c
Núi Chót	SV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 17' 59"	104° 34' 47"					C-48-42-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Núi Giữa	SV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 18' 16"	104° 34' 56"					C-48-42-A-c
Núi Mây	SV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 17' 27"	104° 35' 23"					C-48-42-A-c
Núi Nai	SV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 16' 41"	104° 36' 11"					C-48-42-A-c
Núi Ông	SV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 18' 34"	104° 35' 09"					C-48-42-A-c
núi Ông Cọp	SV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương	10° 19' 08"	104° 31' 52"					C-48-42-A-c
Kênh 1000	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 18' 51"	104° 35' 14"	10° 17' 20"	104° 36' 56"	C-48-42-A-c
Kênh 3000	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 17' 31"	104° 35' 11"	10° 16' 57"	104° 35' 50"	C-48-42-A-c
kênh Cây Me	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 18' 48"	104° 35' 11"	10° 17' 25"	104° 33' 20"	C-48-42-A-c
kênh Núi Ông	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 19' 03"	104° 35' 48"	10° 18' 41"	104° 35' 10"	C-48-42-A-c
Kênh Ranh	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 17' 48"	104° 36' 30"	10° 15' 30"	104° 35' 09"	C-48-42-A-c
kênh Sáng Múc	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 15' 26"	104° 35' 49"	10° 15' 25"	104° 34' 50"	C-48-42-A-c
kênh Tà Săng	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 18' 12"	104° 36' 04"	10° 17' 22"	104° 34' 31"	C-48-42-A-c
kênh Tà Săng	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 16' 09"	104° 36' 51"	10° 16' 14"	104° 34' 16"	C-48-42-A-c
kênh Tà Xăng	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 16' 09"	104° 36' 51"	10° 16' 35"	104° 35' 33"	C-48-42-A-c
kênh Tam Bàn	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 19' 43"	104° 34' 54"	10° 17' 52"	104° 32' 37"	C-48-42-A-c
rạch Tam Bàn	TV	xã Dương Hoà	H. Kiên Lương			10° 20' 32"	104° 33' 32"	10° 18' 50"	104° 33' 14"	C-48-42-A-c
Ấp Càng	DC	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương	10° 20' 06"	104° 34' 18"					C-48-42-A-c
ấp Cờ Trắng	DC	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương	10° 19' 36"	104° 35' 05"					C-48-42-A-c
ấp Hoà Giang	DC	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương	10° 17' 24"	104° 38' 19"					C-48-42-A-d
ấp Hoà Lạc	DC	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương	10° 19' 18"	104° 39' 28"					C-48-42-A-d
ấp Kinh 1	DC	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương	10° 17' 47"	104° 38' 20"					C-48-42-A-d
ấp Núi Trầu	DC	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương	10° 18' 05"	104° 37' 15"					C-48-42-A-c
ấp Tân Điện	DC	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương	10° 21' 47"	104° 40' 48"					C-48-42-A-d
ấp Thanh Lợi	DC	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương	10° 18' 54"	104° 36' 04"					C-48-42-A-c
chùa Núi Trầu	KX	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương	10° 17' 54"	104° 36' 33"					C-48-42-A-c
Kênh 1	TV	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương			10° 18' 38"	104° 39' 12"	10° 17' 34"	104° 38' 08"	C-48-42-A-d
Kênh 2	TV	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương			10° 17' 54"	104° 37' 37"	10° 19' 14"	104° 38' 39"	C-48-42-A-d
Kênh 3	TV	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương			10° 18' 05"	104° 37' 21"	10° 19' 21"	104° 38' 26"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
Kênh 4	TV	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương			10° 18' 15"	104° 37' 07"	10° 19' 39"	104° 37' 51"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
Kênh 5	TV	xã Hoà Điện	H. Kiên Lương			10° 19' 52"	104° 39' 50"	10° 22' 10"	104° 35' 27"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 6	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 50"	104° 36' 13"	10° 23' 17"	104° 38' 29"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
Kênh 7	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 09"	104° 35' 53"	10° 20' 29"	104° 36' 56"	C-48-42-A-c
Kênh 8	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 21"	104° 35' 27"	10° 21' 45"	104° 37' 02"	C-48-42-A-c
Kênh 9	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 50"	104° 45' 04"	10° 24' 06"	104° 37' 16"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
Kênh 400	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 21' 52"	104° 40' 36"	10° 18' 59"	104° 39' 07"	C-48-42-A-d
Kênh 1000	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 51"	104° 35' 14"	10° 17' 20"	104° 36' 56"	C-48-42-A-c
Kênh 2700	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 52"	104° 39' 19"	10° 20' 12"	104° 36' 54"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
Kênh C	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 39"	104° 37' 51"	10° 24' 19"	104° 40' 16"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Nhà Chung	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 41"	104° 36' 26"	10° 20' 32"	104° 38' 02"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
kênh Nông Trường	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Núi Ông	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 03"	104° 35' 48"	10° 18' 41"	104° 35' 10"	C-48-42-A-c
kênh Rạch Giá-Hà Tiên	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
kênh Ranh Kiên Tài	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 21' 53"	104° 40' 33"	10° 24' 47"	104° 39' 19"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Ranh Kiên Tài	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 22' 03"	104° 40' 20"	10° 19' 24"	104° 38' 58"	C-48-42-A-d
kênh T3	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 30' 23"	104° 45' 16"	10° 17' 19"	104° 38' 31"	C-48-42-A-d
kênh Tam Bản	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 43"	104° 34' 54"	10° 17' 52"	104° 32' 37"	C-48-42-A-c
kênh Trà Phô	TV	xã Hoà Điền	H. Kiên Lương			10° 26' 16"	104° 36' 53"	10° 23' 52"	104° 41' 54"	C-48-42-A-b
ấp Cống Tre	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 18"	104° 39' 29"					C-48-42-A-d
ấp Kênh 9	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 22' 35"	104° 41' 16"					C-48-42-A-d
ấp Kiên Sơn	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 11"	104° 40' 38"					C-48-42-A-d
ấp Kiên Thanh	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 18' 46"	104° 39' 21"					C-48-42-A-d
ấp Lung Lớn	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 07"	104° 43' 23"					C-48-42-A-d
Quốc lộ 80	KX	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-d
cầu Lung Lớn	KX	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 11"	104° 41' 58"					C-48-42-A-d
cầu T5	KX	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 07"	104° 44' 10"					C-48-42-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 3	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 26' 06"	104° 48' 41"	10° 22' 30"	104° 46' 20"	C-48-42-B-a
Kênh 6	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 19' 56"	104° 40' 31"	10° 17' 26"	104° 44' 16"	C-48-42-A-d
Kênh 8	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 20' 32"	104° 40' 11"	10° 19' 43"	104° 41' 50"	C-48-42-A-d
Kênh 9	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 18' 50"	104° 45' 04"	10° 24' 06"	104° 37' 16"	C-48-42-A-d;C-48-42-B-c
Kênh 12	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 23' 00"	104° 41' 47"	10° 20' 34"	104° 45' 15"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b; C-48-42-B-c
Kênh 18	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 20' 11"	104° 43' 06"	10° 17' 12"	104° 42' 04"	C-48-42-A-d
Kênh 200	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 12' 18"	104° 53' 47"	10° 16' 54"	104° 40' 07"	C-48-42-A-d
Kênh 300	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 32"	104° 40' 10"	10° 17' 26"	104° 44' 23"	C-48-42-A-d
Kênh 500	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 21' 34"	104° 41' 02"	10° 18' 01"	104° 39' 13"	C-48-42-A-d
Kênh 750	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 02"	104° 42' 41"	10° 14' 44"	104° 42' 37"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
Kênh 1300	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 18' 02"	104° 38' 53"	10° 17' 58"	104° 41' 56"	C-48-42-A-d
Kênh 2700	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 18' 39"	104° 39' 13"	10° 18' 36"	104° 40' 51"	C-48-42-A-d
Kênh 1000	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 21' 24"	104° 41' 16"	10° 17' 50"	104° 41' 01"	C-48-42-A-d
kênh An Bình	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 12' 54"	104° 39' 08"	10° 16' 01"	104° 37' 23"	C-48-42-C-b
kênh Bộ Đội	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 11"	104° 42' 50"	10° 19' 03"	104° 43' 48"	C-48-42-A-d
kênh Cái Tre	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 16"	104° 39' 42"	10° 13' 08"	104° 39' 38"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Chi Cục	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 21' 34"	104° 45' 50"	10° 19' 16"	104° 44' 27"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c
Kênh Chùa	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 15' 43"	104° 39' 42"	10° 16' 47"	104° 38' 58"	C-48-42-A-d
kênh Cống Tre	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 13' 56"	104° 38' 52"	10° 17' 17"	104° 38' 59"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Lầu Mắm	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 14' 04"	104° 40' 15"	10° 17' 05"	104° 40' 19"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Lung Kha Na	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 16' 49"	104° 38' 55"	10° 13' 55"	104° 37' 09"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Lung Lớn 1	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 12"	104° 41' 58"	10° 12' 37"	104° 41' 50"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Lung Lớn 2	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 15' 48"	104° 41' 55"	10° 09' 51"	104° 36' 29"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Rạch Giá-	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Hà Tiên										
kênh Ranh Kiên Tài	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 23' 00"	104° 41' 47"	10° 21' 34"	104° 41' 02"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Sao Làng	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 02"	104° 42' 16"	10° 14' 44"	104° 42' 12"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh T2	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 22' 07"	104° 47' 02"	10° 24' 46"	104° 42' 22"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh T3	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 30' 23"	104° 45' 16"	10° 17' 19"	104° 38' 31"	C-48-42-A-b; C-48-42-A-d
kênh T4	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 28' 28"	104° 47' 22"	10° 20' 11"	104° 43' 06"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Tám Thước	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 11' 31"	104° 40' 35"	10° 16' 21"	104° 37' 09"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh TĐ2	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 16' 27"	104° 41' 57"	10° 16' 32"	104° 39' 43"	C-48-42-A-d
kênh TĐ5	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 14' 43"	104° 43' 01"	10° 14' 49"	104° 39' 42"	C-48-42-C-b
kênh Thời Trang	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 16"	104° 40' 02"	10° 29' 20"	104° 46' 13"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Trục Giữa	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 20' 28"	104° 42' 40"	10° 23' 23"	104° 44' 09"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Võ Văn Kiệt	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 25' 30"	104° 49' 03"	10° 12' 53"	104° 42' 13"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
lạch Lũng Ôn	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 21' 06"	104° 40' 47"	10° 18' 09"	104° 42' 02"	C-48-42-A-d
ấp Đông Bình	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 21"	105° 18' 09"					C-48-43-D-c
ấp Đông Hưng	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 30"	105° 16' 38"					C-48-43-D-c
ấp Đông Thái	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 07' 43"	105° 18' 56"					C-48-43-D-a
ấp Kênh 9	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 04' 57"	105° 16' 36"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 10	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 05' 34"	105° 17' 30"					C-48-43-D-c
Khu phố A	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 45"	105° 16' 40"					C-48-43-D-c
Khu phố B	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 50"	105° 16' 59"					C-48-43-D-c
khu phố Đông An	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 07' 09"	105° 17' 07"					C-48-43-D-c
khu phố Đông Tiến	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 15"	105° 16' 28"					C-48-43-D-c
khu phố Kênh B	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 08' 16"	105° 18' 15"					C-48-43-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Quốc lộ 80	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-a
cầu Kênh 9	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 05' 40"	105° 15' 34"					C-48-43-D-c
cầu Kênh 10	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 25"	105° 16' 20"					C-48-43-D-c
cầu Kênh B	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 08' 24"	105° 18' 18"					C-48-43-D-a
chùa Giác Lâm	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 30"	105° 17' 56"					C-48-43-D-c
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 05' 56"	105° 15' 52"					C-48-43-D-c
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 57"	105° 17' 07"					C-48-43-D-c
Kênh 1-5	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 17' 08"	10° 06' 19"	105° 16' 26"	C-48-43-D-c
Kênh 9	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 05' 41"	105° 15' 33"	10° 04' 17"	105° 17' 31"	C-48-43-D-c
Kênh 10B	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 06' 16"	105° 16' 39"	10° 05' 03"	105° 18' 14"	C-48-43-D-c
Kênh 19-5	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 08' 13"	105° 18' 27"	10° 06' 59"	105° 17' 13"	C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
Kênh 600	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 06' 13"	105° 16' 35"	10° 08' 08"	105° 18' 32"	C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
Kênh B	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 08' 25"	105° 18' 17"	10° 04' 57"	105° 21' 18"	C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
kênh Cái Sắn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-a
kênh Đầu Ngàn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 06' 03"	105° 15' 55"	10° 04' 38"	105° 17' 51"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 06' 39"	105° 16' 45"	10° 03' 53"	105° 20' 33"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 07' 19"	105° 17' 42"	10° 04' 46"	105° 21' 07"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 07' 45"	105° 18' 08"	10° 06' 18"	105° 19' 26"	C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
kênh Đồn Đông	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-D-c
ấp Kênh 2B	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 08' 00"	105° 12' 06"					C-48-43-C-b
ấp Kênh 4B	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 06' 21"	105° 10' 49"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 5B	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 05' 27"	105° 10' 06"					C-48-43-C-d
ấp Tân An	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 07' 41"	105° 10' 51"					C-48-43-C-b
ấp Tân Long	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 06' 52"	105° 11' 58"					C-48-43-C-d
nhà thờ Hợp Châu	KX	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 04' 56"	105° 10' 43"					C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 2	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 09' 03"	105° 10' 47"	10° 05' 34"	105° 15' 26"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 3	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 08' 10"	105° 10' 08"	10° 04' 49"	105° 14' 42"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 07' 16"	105° 09' 29"	10° 04' 02"	105° 13' 55"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 06' 18"	105° 08' 47"	10° 03' 18"	105° 13' 11"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 12' 35"	105° 13' 46"	10° 06' 37"	105° 09' 25"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 06' 49"	105° 09' 09"	10° 03' 38"	105° 13' 31"	C-48-43-C-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 07' 31"	105° 10' 06"	10° 04' 28"	105° 14' 15"	C-48-43-C-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 11' 22"	10° 06' 02"	105° 15' 47"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 05' 24"	105° 14' 48"	10° 08' 24"	105° 10' 44"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
kênh Đòn Đông	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
ấp Kênh 2A	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 06' 38"	105° 14' 05"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 3A	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 05' 48"	105° 13' 24"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 4A	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 04' 53"	105° 12' 49"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 5A	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 04' 15"	105° 11' 51"					C-48-43-C-d
ấp Tân Quới	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 03' 49"	105° 13' 39"					C-48-43-C-d
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 05' 02"	105° 14' 49"					C-48-43-C-d
nhà thờ Tân Chu	KX	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 04' 10"	105° 11' 49"					C-48-43-C-d
Kênh 2	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 09' 03"	105° 10' 47"	10° 05' 34"	105° 15' 26"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 3	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 08' 10"	105° 10' 08"	10° 04' 49"	105° 14' 42"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 07' 16"	105° 09' 29"	10° 04' 02"	105° 13' 55"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 06' 18"	105° 08' 47"	10° 03' 18"	105° 13' 11"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 03' 29"	105° 12' 55"	10° 08' 41"	105° 18' 06"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Cái Sắn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 05' 24"	105° 14' 48"	10° 08' 24"	105° 10' 44"	C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 11' 22"	10° 06' 02"	105° 15' 47"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 06' 49"	105° 09' 09"	10° 03' 38"	105° 13' 31"	C-48-43-C-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 07' 31"	105° 10' 06"	10° 04' 28"	105° 14' 15"	C-48-43-C-d
kênh Đòn Đông	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
ấp Tân An	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 07' 54"	105° 17' 43"					C-48-43-D-a
ấp Tân Hà A	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 07' 17"	105° 15' 06"					C-48-43-C-b
ấp Tân Phát A	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 08' 10"	105° 15' 46"					C-48-43-D-a
ấp Tân Phát A	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 08' 31"	105° 17' 15"					C-48-43-D-a
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 06' 26"	105° 16' 14"					C-48-43-D-c
ấp Tân Phước	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 09' 27"	105° 15' 52"					C-48-43-D-a
chùa Bửu Sơn	KX	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 07' 13"	105° 17' 04"					C-48-43-D-c
Kênh 1	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 09' 56"	105° 11' 26"	10° 06' 23"	105° 16' 16"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 600	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 03' 29"	105° 12' 55"	10° 08' 41"	105° 18' 06"	C-48-43-D-a;C-48-43-D-c
Kênh A	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 11' 43"	105° 12' 43"	10° 07' 50"	105° 17' 43"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a
kênh Cái Sắn	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 11' 22"	10° 06' 02"	105° 15' 47"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 06' 46"	105° 16' 39"	10° 10' 11"	105° 12' 01"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 11' 15"	105° 12' 23"	10° 07' 44"	105° 17' 09"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a
kênh Đòn Đông	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Ze-rô	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 10' 46"	105° 12' 02"	10° 07' 08"	105° 17' 01"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
ấp Tân Hà B	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp	10° 09' 12"	105° 12' 23"					C-48-43-C-b
ấp Tân Hoà B	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp	10° 09' 34"	105° 13' 42"					C-48-43-C-b
ấp Tân Phát B	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp	10° 11' 02"	105° 13' 36"					C-48-43-C-b
ấp Tân Thành	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp	10° 10' 59"	105° 12' 14"					C-48-43-C-b
Kênh 1	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 09' 56"	105° 11' 26"	10° 06' 23"	105° 16' 16"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 300	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 10' 38"	105° 12' 12"	10° 12' 40"	105° 13' 40"	C-48-43-C-b
Kênh 600	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 12' 35"	105° 13' 46"	10° 07' 04"	105° 09' 46"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh A	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 11' 43"	105° 12' 43"	10° 07' 50"	105° 17' 43"	C-48-43-C-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 11' 15"	105° 12' 23"	10° 07' 44"	105° 17' 09"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 06' 46"	105° 16' 39"	10° 10' 11"	105° 12' 01"	C-48-43-C-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 11' 22"	10° 06' 02"	105° 15' 47"	C-48-43-C-b
kênh Đòn Đông	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-a
kênh Ze-rô	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 10' 46"	105° 12' 02"	10° 07' 08"	105° 17' 01"	C-48-43-C-b
sông Rạch Giá-Long Xuyên	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Hiệp			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-b
ấp Đập Đá	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 07' 08"	105° 09' 37"					C-48-43-C-d
ấp Phú Hiệp	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 07' 20"	105° 07' 52"					C-48-43-C-d
ấp Phú Hoà	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 05' 58"	105° 08' 29"					C-48-43-C-d
ấp Phú Hội	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 06' 26"	105° 08' 56"					C-48-43-C-d
ấp Tân Hồng	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 09' 45"	105° 08' 45"					C-48-43-C-b
ấp Tân Hưng	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 08' 06"	105° 08' 14"					C-48-43-C-b
ấp Tân Lập	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 07' 51"	105° 09' 50"					C-48-43-C-b
ấp Tân Thọ	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 09' 06"	105° 09' 35"					C-48-43-C-b
ấp Tân Vự	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 08' 39"	105° 08' 31"					C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 3	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 08' 10"	105° 10' 08"	10° 04' 49"	105° 14' 42"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 07' 16"	105° 09' 29"	10° 04' 02"	105° 13' 55"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 06' 18"	105° 08' 47"	10° 03' 18"	105° 13' 11"	C-48-43-C-d
Kênh 500	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 08' 53"	10° 08' 20"	105° 07' 04"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 11' 20"	105° 11' 58"	10° 05' 17"	105° 07' 41"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 06' 35"	105° 09' 28"	10° 04' 57"	105° 08' 15"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 12' 35"	105° 13' 46"	10° 06' 37"	105° 09' 25"	C-48-43-C-b;C-48-43-C-d
kênh Ba Vàng	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 05' 57"	105° 08' 31"	10° 07' 21"	105° 06' 39"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Đập Đá	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 07' 07"	105° 08' 47"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
kênh Hứa An	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 08' 51"	105° 10' 39"	10° 10' 38"	105° 08' 08"	C-48-43-C-b
kênh Huế Bá	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 08' 32"	105° 10' 25"	10° 10' 37"	105° 07' 33"	C-48-43-C-b
kênh Năm Vụ	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 07' 44"	105° 09' 50"	10° 09' 48"	105° 06' 50"	C-48-43-C-b
Kênh Ranh	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 06' 41"	105° 06' 20"	10° 07' 59"	105° 06' 55"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Thân Huyện	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 08' 08"	105° 10' 07"	10° 09' 51"	105° 07' 43"	C-48-43-C-b
kênh Thầy Thông	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 04' 28"	105° 09' 51"	10° 06' 41"	105° 06' 21"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Tư Tỷ	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 06' 31"	105° 08' 56"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
sông Rạch Giá-Long Xuyên	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
ấp Bình Thành	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 10' 35"	105° 11' 50"					C-48-43-C-b
ấp Chí Thành	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 10' 04"	105° 11' 28"					C-48-43-C-b
ấp Tân Lộc	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 10' 18"	105° 09' 49"					C-48-43-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 11' 42"	105° 09' 41"					C-48-43-C-b
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 09' 44"	105° 10' 55"					C-48-43-C-b
ấp Tân Tiến	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 09' 00"	105° 10' 42"					C-48-43-C-b
Kênh 1	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 56"	105° 11' 26"	10° 06' 23"	105° 16' 16"	C-48-43-C-b
Kênh 2	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 03"	105° 10' 47"	10° 05' 34"	105° 15' 26"	C-48-43-C-b
Kênh 600	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 20"	105° 11' 58"	10° 05' 17"	105° 07' 41"	C-48-43-C-b
Kênh 600	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 12' 35"	105° 13' 46"	10° 07' 04"	105° 09' 46"	C-48-43-C-b
Kênh 900	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 29"	105° 11' 48"	10° 11' 24"	105° 11' 45"	C-48-43-C-b
Kênh 1200	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 36"	105° 11' 42"	10° 11' 09"	105° 11' 20"	C-48-43-C-b
Kênh 1500	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 43"	105° 11' 33"	10° 11' 15"	105° 11' 12"	C-48-43-C-b
Kênh 1800	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 50"	105° 11' 26"	10° 11' 41"	105° 11' 19"	C-48-43-C-b
Kênh 2400	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 12' 04"	105° 11' 11"	10° 11' 52"	105° 11' 02"	C-48-43-C-b
kênh Cà Cầm	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 49"	105° 11' 21"	10° 11' 47"	105° 08' 35"	C-48-43-C-b
kênh Chí Thành	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 11' 39"	10° 12' 12"	105° 08' 58"	C-48-43-C-b
kênh Công Xã	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 10' 57"	10° 11' 21"	105° 08' 12"	C-48-43-C-b
kênh Cựu Chiến Binh	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 10' 43"	105° 12' 00"	10° 12' 33"	105° 09' 16"	C-48-43-C-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 24"	105° 11' 45"	10° 10' 11"	105° 10' 50"	C-48-43-C-b
kênh Giáo Giới	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 31"	105° 11' 08"	10° 10' 19"	105° 10' 17"	C-48-43-C-b
kênh Kiên Hảo	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 13' 11"	105° 09' 48"	10° 05' 12"	105° 02' 39"	C-48-43-C-b
kênh Xã Diều	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 04"	105° 12' 15"	10° 12' 51"	105° 09' 32"	C-48-43-C-b
kênh Ze-rô	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 10' 46"	105° 12' 02"	10° 07' 08"	105° 17' 01"	C-48-43-C-b
sông Rạch Giá-Long Xuyên	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-b
ấp Đá Nồi A	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 02' 56"	105° 17' 55"					C-48-43-D-c
ấp Đá Nồi B	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 04' 27"	105° 15' 46"					C-48-43-D-c
ấp Đông Lộc	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 05' 36"	105° 15' 32"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 9A	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 03' 56"	105° 18' 03"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 9B	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 04' 51"	105° 16' 40"					C-48-43-D-c
ấp Tân Hưng	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	9° 59' 55"	105° 19' 48"					C-48-43-D-c
ấp Tân Thạnh	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 01' 14"	105° 18' 58"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Lộc	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 01' 02"	105° 18' 58"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Tây	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 02' 27"	105° 19' 47"					C-48-43-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Quốc lộ 80	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
cầu Kênh 9	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 05' 40"	105° 15' 34"					C-48-43-D-c
Kênh 10A	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 59"	105° 18' 11"	10° 03' 22"	105° 20' 18"	C-48-43-D-c
kênh 6 Rọc-Bà Ke	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 05' 05"	105° 14' 57"	10° 01' 53"	105° 19' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 9	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 05' 41"	105° 15' 33"	10° 02' 38"	105° 19' 51"	C-48-43-D-c
kênh Bốn Thước	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 01' 43"	105° 18' 04"	10° 01' 11"	105° 19' 00"	C-48-43-D-c
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Công Điền	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 03' 16"	105° 16' 33"	10° 01' 26"	105° 19' 09"	C-48-43-D-c
kênh Cù Sáu	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 02' 16"	105° 19' 38"	10° 00' 56"	105° 22' 56"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 04"	105° 17' 19"	10° 02' 24"	105° 19' 43"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 29"	105° 14' 51"	10° 00' 16"	105° 18' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 38"	105° 17' 51"	10° 02' 49"	105° 19' 35"	C-48-43-D-c
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh KH3-8	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 00' 36"	105° 18' 40"	9° 59' 39"	105° 20' 12"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
kênh Xà Trắc	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 01' 23"	105° 19' 07"	10° 00' 27"	105° 22' 39"	C-48-43-D-c
kênh Xáng Chung Bầu	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 57"	105° 21' 18"	9° 55' 46"	105° 14' 42"	C-48-55-B-a
ấp Đông Phước	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 04' 46"	105° 14' 44"					C-48-43-C-d
ấp Đông Thành	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 52"	105° 13' 51"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 7A	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 05"	105° 14' 11"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 7B	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 01' 15"	105° 16' 01"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 8A	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 11"	105° 15' 23"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 8B	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 01' 30"	105° 17' 12"					C-48-43-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Thanh An 2	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	9° 59' 26"	105° 17' 56"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 00' 16"	105° 16' 55"					C-48-55-B-a
Quốc lộ 80	KX	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
cầu Kinh 7	KX	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 39"	105° 13' 34"					C-48-43-C-d
cầu Kinh 8	KX	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 04' 20"	105° 14' 15"					C-48-43-C-d
chùa Đông Hải	KX	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 57"	105° 13' 53"					C-48-43-D-c
kênh 6 Rọc-Bà Ke	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 05' 05"	105° 14' 57"	10° 01' 53"	105° 19' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 7	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 03' 40"	105° 13' 33"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
Kênh 8	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 04' 21"	105° 14' 14"	10° 00' 14"	105° 18' 26"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d
kênh Chung Bầu	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 00' 02"	105° 17' 56"	10° 03' 31"	105° 13' 41"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 04' 29"	105° 14' 51"	10° 00' 16"	105° 18' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 03' 10"	105° 13' 04"	9° 59' 04"	105° 17' 18"	C-48-43-C-d
kênh Đòn Đông	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Hội Đồng	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 00' 12"	105° 18' 25"	9° 56' 25"	105° 19' 15"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
kênh Lung Bà Thôn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			9° 59' 57"	105° 18' 26"	9° 59' 34"	105° 19' 20"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Thanh Trị	TV	xã Thanh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 00' 44"	105° 16' 29"	9° 59' 50"	105° 14' 18"	C-48-43-D-c
kênh Xáng Chung Bâu	TV	xã Thanh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 04' 57"	105° 21' 18"	9° 55' 46"	105° 14' 42"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
ấp Đông Hoà	DC	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp	10° 05' 52"	105° 20' 35"					C-48-43-D-c
ấp Đông Thạnh	DC	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp	10° 04' 45"	105° 20' 12"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 10A	DC	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp	10° 04' 06"	105° 19' 17"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Đông	DC	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp	10° 04' 37"	105° 21' 04"					C-48-43-D-c
chấp Trà Vinh	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 54"	105° 21' 16"	10° 04' 24"	105° 21' 35"	C-48-43-D-c
Kênh 10A	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 59"	105° 18' 11"	10° 03' 22"	105° 20' 18"	C-48-43-D-c
Kênh B	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 08' 25"	105° 18' 17"	10° 04' 57"	105° 21' 18"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 06' 39"	105° 16' 45"	10° 03' 53"	105° 20' 33"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 07' 19"	105° 17' 42"	10° 04' 46"	105° 21' 07"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 08' 32"	105° 18' 55"	10° 05' 21"	105° 20' 59"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 38"	105° 17' 51"	10° 02' 49"	105° 19' 35"	C-48-43-D-c
kênh Đòn Dông	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-D-c
kênh Đông Bình	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 07' 08"	105° 17' 01"	10° 04' 18"	105° 20' 51"	C-48-43-D-c
kênh Huỳnh Kỳ	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 24"	105° 21' 35"	10° 01' 51"	105° 23' 27"	C-48-43-D-c
kênh Xáng Chung Bâu	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 57"	105° 21' 18"	9° 55' 46"	105° 14' 42"	C-48-43-D-c
kênh Xáng Cờ Đỏ	TV	xã Thanh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 28"	105° 21' 46"	10° 04' 05"	105° 20' 43"	C-48-43-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Đông Thọ	DC	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	10° 03' 34"	105° 13' 31"					C-48-43-C-d
ấp Đông Thọ A	DC	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	10° 02' 17"	105° 13° 36"					C-48-43-C-d
ấp Đông Thọ B	DC	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	10° 01' 20"	105° 14' 11"					C-48-43-C-d
ấp Tàu Hoi A	DC	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	10° 00' 33"	105° 14' 03"					C-48-43-C-d
ấp Tàu Hoi B	DC	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	9° 58' 49"	105° 14' 39"					C-48-55-A-b
ấp Thạnh An 1	DC	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	9° 58' 13"	105° 17' 12"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Trị	DC	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	10° 00' 11"	105° 15' 26"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Trúc	DC	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	9° 58' 58"	105° 16' 30"					C-48-55-B-a
Quốc lộ 80	KX	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Đường tỉnh 963	KX	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
cầu Kinh 7	KX	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	10° 03' 39"	105° 13' 34"					C-48-43-C-d
cầu Số 3 Lớn	KX	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	10° 03' 09"	105° 13' 05"					C-48-43-C-d
tịnh xá Ngọc Châu	KX	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp	10° 03' 27"	105° 13' 23"					C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			10° 03' 08"	105° 13' 16"	10° 00' 48"	105° 14' 14"	C-48-43-C-d
Kênh 7	TV	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			10° 03' 40"	105° 13' 33"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
Kênh 11	TV	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			9° 59' 31"	105° 16' 01"	10° 02' 12"	105° 13' 21"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
Kênh 12	TV	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 35"	105° 12' 59"	9° 57' 54"	105° 15' 35"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
Kênh 17	TV	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			9° 59' 09"	105° 12' 42"	9° 57' 10"	105° 14' 45"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
Kênh 18	TV	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			10° 01' 19"	105° 11' 18"	9° 59' 32"	105° 13' 04"	C-48-55-A-b
Kênh 19	TV	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			10° 01' 48"	105° 11' 45"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-C-d
kênh Cái Sắn	TV	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c; C-48-55-A-b
kênh Cây Gòn	TV	xã Thanh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 23"	105° 13' 11"	10° 00' 37"	105° 14' 00"	C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Chung Bàu	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 03' 10"	105° 13' 04"	9° 59' 04"	105° 17' 18"	C-48-43-C-d
kênh Đồn Đông	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Huyện Kiển	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 02' 43"	105° 13' 26"	9° 59' 56"	105° 12' 40"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh KH1	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Số 2	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 02' 19"	105° 12' 15"	10° 00' 34"	105° 14' 01"	C-48-43-C-d
kênh Tàu Hoi	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 01' 00"	105° 14' 10"	9° 58' 07"	105° 14' 37"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Thạnh Trị	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 44"	105° 16' 29"	9° 59' 50"	105° 14' 18"	C-48-43-D-c
kênh Thầy Ban	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 14"	105° 15' 31"	9° 57' 54"	105° 15' 35"	C-48-55-B-a
Kênh Tràm	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 24"	105° 15' 54"	9° 57' 28"	105° 16' 32"	C-48-55-B-a
kênh Tư Oanh	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 02' 06"	105° 14' 21"	10° 01' 38"	105° 13' 54"	C-48-43-C-d
ấp An Hoà	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 39' 10"	105° 03' 15"					C-48-55-C-a
ấp An Hưng	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 34' 48"	105° 02' 25"					C-48-55-C-c
ấp An Thạnh	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 37' 01"	105° 02' 17"					C-48-55-C-c
ấp An Thoại	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 32' 59"	105° 03' 33"					C-48-55-C-c
ấp Công Sự	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 39' 36"	105° 08' 02"					C-48-55-C-b
ấp Kinh Năm	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 40' 10"	105° 02' 46"					C-48-55-C-a
ấp Kinh Tư	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 42' 37"	105° 04' 00"					C-48-55-C-a
ấp Minh Hưng	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 33' 57"	105° 02' 52"					C-48-55-C-c
ấp Minh Thoại	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 32' 11"	105° 02' 28"					C-48-55-C-c
ấp Minh Trung	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 40' 15"	105° 05' 24"					C-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Trung Đoàn	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 39' 41"	105° 06' 07"					C-48-55-C-a
Đường tỉnh 965	KX	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 30"	105° 07' 11"	9° 36' 43"	105° 05' 39"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b; C-48-55-C-c; C-48-55-C-d
Đường tỉnh 965B	KX	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 02"	105° 02' 23"	9° 34' 33"	104° 51' 28"	C-48-55-C-c
Kênh 15	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 33' 45"	105° 04' 01"	9° 32' 07"	105° 03' 00"	C-48-55-C-c
Kênh 16	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 34' 36"	105° 03' 16"	9° 32' 42"	105° 02' 03"	C-48-55-C-c
Kênh 17A	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 35' 43"	105° 03' 15"	9° 35' 56"	105° 02' 13"	C-48-55-C-c
Kênh 17B	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 34' 42"	105° 02' 51"	9° 34' 51"	105° 02' 02"	C-48-55-C-c
Kênh 18	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 36' 47"	105° 03' 33"	9° 37' 02"	105° 02' 24"	C-48-55-C-c
Kênh 19	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 53"	105° 03' 52"	9° 38' 10"	105° 02' 31"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
Kênh 19 Núi Dài	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 35' 34"	105° 07' 28"	9° 37' 53"	105° 03' 52"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
Kênh 20	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 38' 57"	105° 04' 06"	9° 39' 16"	105° 02' 39"	C-48-55-C-a
Kênh 21	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 00"	105° 04' 28"	9° 40' 22"	105° 02' 50"	C-48-55-C-a
kênh Đê Bao Ngoài	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 42' 25"	105° 03' 58"	9° 42' 25"	105° 03' 58"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Đê Bao Trong	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 48"	105° 04' 25"	9° 39' 48"	105° 04' 25"	C-48-55-C-a
Kênh Hăng	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 02"	105° 02' 24"	9° 36' 42"	104° 56' 41"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 36' 15"	105° 03' 24"	9° 36' 27"	105° 02' 18"	C-48-55-C-c
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 20"	105° 03' 42"	9° 37' 35"	105° 02' 27"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 38' 24"	105° 04' 01"	9° 38' 43"	105° 02' 34"	C-48-55-C-a
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 30"	105° 04' 15"	9° 39' 49"	105° 02' 44"	C-48-55-C-a
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 34' 12"	105° 03' 39"	9° 32' 13"	105° 02' 19"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 18"	105° 05' 20"	9° 40' 49"	105° 06' 18"	C-48-55-C-a
kênh Hậu 21-CA	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 00"	105° 04' 33"	9° 40' 46"	105° 02' 58"	C-48-55-C-a
kênh KT5	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 51"	105° 02' 40"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Lò Gạch	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 59"	105° 07' 26"	9° 38' 02"	105° 08' 03"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Mười Quang	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 49"	105° 02' 28"	9° 41' 14"	104° 57' 19"	C-48-55-C-a
kênh Phán Linh	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 40"	105° 02' 55"	9° 43' 50"	104° 58' 15"	C-48-55-C-a
kênh Tàu Lũy	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 40"	105° 02' 55"	9° 42' 25"	105° 03' 58"	C-48-55-C-a
kênh Xáng 1	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 32"	105° 04' 58"	9° 41' 05"	105° 05' 56"	C-48-55-C-a
kênh Xáng 2	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 03"	105° 05' 41"	9° 40' 34"	105° 06' 39"	C-48-55-C-a
kênh Xáng 3	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 38' 28"	105° 06' 27"	9° 39' 57"	105° 07' 24"	C-48-55-C-a
kênh Xáng Cùng	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 32' 29"	105° 01' 52"	9° 33' 35"	105° 00' 04"	C-48-55-C-c
kênh Xáng Đội 2	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 36' 17"	105° 02' 16"	9° 36' 12"	104° 59' 17"	C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Xáng Tư	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 38' 58"	105° 07' 49"	9° 37' 59"	105° 07' 11"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
ấp Chống Mỹ	DC	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 41' 05"	105° 11' 46"					C-48-55-C-b
ấp Dân Quân	DC	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 40' 11"	105° 12' 00"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Chánh	DC	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 43' 35"	105° 11' 51"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Hiệp	DC	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 40' 44"	105° 13' 43"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Hưng	DC	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 42' 12"	105° 11' 05"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Lập	DC	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 41' 26"	105° 14' 07"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Tân	DC	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 43' 02"	105° 12' 46"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Trung	DC	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 42' 01"	105° 12' 34"					C-48-55-C-b
chợ Nhà Ngang	KX	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 41' 27"	105° 14' 16"					C-48-55-C-b
chùa Phổ Minh	KX	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 40' 58"	105° 13' 56"					C-48-55-C-b
đình Thầy Quơn	KX	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 43' 08"	105° 12' 10"					C-48-55-C-b
hội quán Hưng Hoà Tự	KX	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng	9° 41' 25"	105° 14' 12"					C-48-55-C-b
kênh Ba Suối	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 42' 26"	105° 11' 26"	9° 40' 55"	105° 10' 34"	C-48-55-C-b
kênh Bộ Lợi	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 38"	105° 11' 48"	9° 41' 47"	105° 11' 06"	C-48-55-C-b
kênh Chệt Tệt	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 35"	105° 13' 45"	9° 40' 04"	105° 12' 28"	C-48-55-C-b
kênh Chín Đào	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 15"	105° 12' 08"	9° 42' 10"	105° 12' 38"	C-48-55-C-b
kênh Chống Mỹ	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 12"	105° 11' 16"	9° 41' 41"	105° 11' 35"	C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Dân Quân	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 38' 32"	105° 11' 34"	9° 40' 12"	105° 11' 17"	C-48-55-C-b
kênh Gò Đất 2	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 16"	105° 10' 16"	9° 41' 51"	105° 09' 27"	C-48-55-C-b
kênh Hai Ích	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 21"	105° 10' 12"	9° 43' 47"	105° 11' 38"	C-48-55-C-b
Kênh Lầm	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 39' 55"	105° 11' 22"	9° 40' 22"	105° 12' 23"	C-48-55-C-b
kênh Lộ Mới	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 38' 28"	105° 14' 44"	9° 41' 13"	105° 13' 47"	C-48-55-C-b
Kênh Lũng	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 41"	105° 13' 43"	9° 40' 16"	105° 12' 25"	C-48-55-C-b
Kênh Mới	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 34"	105° 09' 25"	9° 41' 42"	105° 10' 48"	C-48-55-C-b
kênh Năm Khum	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 53"	105° 13' 05"	9° 42' 34"	105° 14' 26"	C-48-55-C-b
kênh Ngã Cái	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 43' 09"	105° 12' 12"	9° 43' 03"	105° 11' 32"	C-48-55-C-b
Kênh Ngây	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 12"	105° 11' 18"	9° 40' 37"	105° 12' 16"	C-48-55-C-b
kênh Nhà Ngang	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 37"	105° 12' 16"	9° 41' 30"	105° 14' 16"	C-48-55-C-b
kênh Rọc Năng	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 50"	105° 12' 03"	9° 41' 11"	105° 13' 16"	C-48-55-C-b
kênh Rọc Ráng	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 10"	105° 12' 00"	9° 41' 36"	105° 13' 14"	C-48-55-C-b
kênh Sáu Phú	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 39' 50"	105° 13' 13"	9° 39' 18"	105° 11' 31"	C-48-55-C-b
kênh Tám Đài	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 37"	105° 12' 16"	9° 43' 31"	105° 12' 11"	C-48-55-C-b
kênh Thầy Chín	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 39' 50"	105° 13' 13"	9° 41' 13"	105° 13' 47"	C-48-55-C-b
kênh Thông Hoà	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 42"	105° 10' 48"	9° 42' 50"	105° 12' 00"	C-48-55-C-b
kênh Vĩnh Thái	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 58"	105° 10' 02"	9° 39' 35"	105° 08' 06"	C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Xèo Cui	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 54"	105° 13' 18"	9° 43' 02"	105° 13' 18"	C-48-55-C-b
rạch Địa Chồn	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 11"	105° 11' 59"	9° 41' 03"	105° 11' 30"	C-48-55-C-b
sông Cái Lớn	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b
sông Ngã Ba Cái Tàu	TV	xã Hoà Chánh	H. U Minh Thượng			9° 35' 52"	105° 22' 17"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-C-b
ấp Chổng Mỹ	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 32' 29"	105° 09' 54"					C-48-55-C-d
ấp Kinh Sáu	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 36' 05"	105° 08' 28"					C-48-55-C-d
ấp Minh Cường	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 34' 43"	105° 10' 37"					C-48-55-C-d
ấp Minh Cường A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 35' 28"	105° 11' 08"					C-48-55-C-d
ấp Minh Dũng	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 33' 56"	105° 08' 21"					C-48-55-C-d
ấp Minh Dũng A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 34' 59"	105° 08' 34"					C-48-55-C-d
ấp Minh Kiên	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 32' 53"	105° 07' 53"					C-48-55-C-d
ấp Minh Kiên A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 31' 46"	105° 07' 47"					C-48-55-C-d
ấp Minh Tân	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 36' 30"	105° 09' 46"					C-48-55-C-d
ấp Minh Tân A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 36' 25"	105° 10' 31"					C-48-55-C-d
ấp Minh Thành	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 30' 39"	105° 07' 25"					C-48-55-C-d
ấp Minh Thành A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 30' 18"	105° 06' 55"					C-48-55-C-d
ấp Minh Thượng	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 31' 59"	105° 04' 14"					C-48-55-C-c
ấp Minh Thượng A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 31' 36"	105° 05' 16"					C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Minh Thượng B	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 31' 00"	105° 06' 10"					C-48-55-C-c
ấp Minh Tiến	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 36' 53"	105° 09' 11"					C-48-55-C-d
ấp Minh Tiến A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 38' 18"	105° 08' 28"					C-48-55-C-d
Quốc lộ 63	KX	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
Đường tỉnh 965	KX	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 40' 30"	105° 07' 11"	9° 36' 43"	105° 05' 39"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b; C-48-55-C-c; C-48-55-C-d
cầu Minh Thuận	KX	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 32' 51"	105° 09' 28"					C-48-55-C-d
Kênh 2	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 29' 20"	105° 13' 57"	9° 32' 52"	105° 09' 27"	C-48-55-C-d
Kênh 5	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 37' 12"	105° 07' 48"	9° 37' 11"	105° 08' 21"	C-48-55-C-d
Kênh 6	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 06"	105° 07' 34"	9° 36' 03"	105° 08' 48"	C-48-55-C-d
Kênh 7	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 35' 02"	105° 07' 26"	9° 34' 59"	105° 09' 11"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c
Kênh 8	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 33' 56"	105° 07' 12"	9° 33' 54"	105° 09' 23"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c
Kênh 9	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 32' 56"	105° 06' 59"	9° 32' 52"	105° 09' 27"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c
Kênh 9 Lớn	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 26' 57"	105° 11' 29"	9° 30' 15"	105° 06' 11"	C-48-55-C-c; C-48-67-A-a; C-48-67-A-b
Kênh 10	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 31' 46"	105° 06' 44"	9° 31' 43"	105° 09' 30"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Kênh 11 Rừng	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 31' 01"	105° 06' 12"	9° 30' 39"	105° 08' 46"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c
Kênh 12 Rừng	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 31' 23"	105° 06' 25"	9° 30' 13"	105° 05' 43"	C-48-55-C-c
Kênh 13	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 27' 43"	105° 12' 16"	9° 30' 11"	105° 08' 20"	C-48-55-C-d
Kênh 13 Rừng	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 32' 10"	105° 05' 36"	9° 30' 47"	105° 04' 45"	C-48-55-C-c
Kênh 14	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 27' 56"	105° 12' 30"	9° 30' 32"	105° 08' 41"	C-48-55-C-d
Kênh 14	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 32' 57"	105° 04' 49"	9° 31' 22"	105° 03' 47"	C-48-55-C-c
Kênh 19 Nối Dài	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 35' 34"	105° 07' 28"	9° 37' 53"	105° 03' 52"	C-48-55-C-c
Kênh 8000	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 28' 44"	105° 08' 06"	9° 34' 58"	105° 12' 00"	C-48-55-C-d
kênh Ấp Khân	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 38' 58"	105° 08' 42"	9° 37' 31"	105° 08' 14"	C-48-55-C-b
kênh Chông Mỹ	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 34' 22"	105° 10' 25"	9° 32' 23"	105° 09' 58"	C-48-55-C-d
kênh Cơ Đê 2	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 35' 55"	105° 08' 54"	9° 34' 22"	105° 10' 25"	C-48-55-C-d
kênh Công Điền	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 33' 59"	105° 12' 47"	9° 34' 17"	105° 11' 16"	C-48-55-C-d
kênh Đất Cáp	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 23"	105° 10' 34"	9° 34' 11"	105° 10' 43"	C-48-55-C-d
kênh Đê Bao Ngoài	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 42' 25"	105° 03' 58"	9° 42' 25"	105° 03' 58"	C-48-55-C-c
kênh Đê Bao Trong	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 39' 48"	105° 04' 25"	9° 39' 48"	105° 04' 25"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-a; C-48-55-C-b; C-48-55-C-c
kênh Đường Đào	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 29' 37"	105° 07' 13"	9° 29' 24"	105° 06' 57"	C-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh Hậu	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 32' 34"	105° 05' 12"	9° 31' 05"	105° 04' 16"	C-48-55-C-c
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lò Gạch	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 39' 59"	105° 07' 26"	9° 38' 02"	105° 08' 03"	C-48-55-C-b
kênh Lục Út	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 05"	105° 11' 09"	9° 33' 54"	105° 11' 12"	C-48-55-C-d
kênh Năm Huyện Đội	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 35' 45"	105° 09' 36"	9° 33' 52"	105° 11' 15"	C-48-55-C-d
kênh Ranh Hát	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 30' 28"	105° 05' 12"	9° 24' 01"	105° 15' 38"	C-48-55-C-c; C-48-67-A-a; C-48-67-A-b
kênh Thủy Lợi	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 45"	105° 08' 36"	9° 38' 23"	105° 09' 05"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
Kênh Tư	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 29' 55"	105° 06' 43"	9° 29' 43"	105° 06' 26"	C-48-67-A-a
kênh Tùng Thơm	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 37' 41"	105° 09' 27"	9° 35' 52"	105° 08' 53"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Xáng Tư	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 38' 58"	105° 07' 49"	9° 37' 59"	105° 07' 11"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Xóm Bắc	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 46"	105° 08' 32"	9° 36' 18"	105° 10' 59"	C-48-55-C-d
lung Ốc Bạch	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 34' 37"	105° 12' 17"	9° 35' 30"	105° 11' 36"	C-48-55-C-d
ấp Bờ Dừa	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 44' 25"	105° 10' 33"					C-48-55-C-b
ấp Cạn Ngọn	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 41' 48"	105° 08' 50"					C-48-55-C-b
ấp Cạn Ngọn A	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 40' 53"	105° 06' 39"					C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Cạn Vàm	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 44' 05"	105° 09' 57"					C-48-55-C-b
ấp Cạn Vàm A	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 42' 23"	105° 09' 15"					C-48-55-C-b
ấp Đặng Văn Do	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 40' 06"	105° 07' 43"					C-48-55-C-b
ấp Xẻo Kè	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 44' 17"	105° 10' 39"					C-48-55-C-b
ấp Xẻo Kè A	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 42' 57"	105° 10' 34"					C-48-55-C-b
Quốc lộ 63	KX	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
Đường tỉnh 966	KX	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 40' 20"	105° 07' 27"	9° 49' 44"	105° 04' 29"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
chùa Xẻo Cạn	KX	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 43' 06"	105° 09' 51"					C-48-55-C-b
Kênh 3	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 40' 43"	105° 09' 50"	9° 42' 08"	105° 07' 31"	C-48-55-C-b
kênh Bờ Dừa	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 43' 59"	105° 10' 48"	9° 44' 36"	105° 10' 18"	C-48-55-C-b
kênh Cây Dong	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 14"	105° 09' 01"	9° 42' 12"	105° 09' 42"	C-48-55-C-b
kênh Cựa Gà	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 44' 48"	105° 10' 11"	9° 43' 34"	105° 08' 59"	C-48-55-C-b
kênh Gò Đất 1	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 42' 12"	105° 09' 42"	9° 41' 42"	105° 10' 24"	C-48-55-C-b
kênh Gò Đất 2	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 16"	105° 10' 16"	9° 41' 51"	105° 09' 27"	C-48-55-C-b
kênh Gọ Rùa	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 43' 08"	105° 11' 13"	9° 43' 22"	105° 10' 48"	C-48-55-C-b
kênh Hai Ích	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 21"	105° 10' 12"	9° 43' 47"	105° 11' 38"	C-48-55-C-b
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 42' 55"	105° 09' 47"	9° 44' 15"	105° 11' 02"	C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Me Nước	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 42' 06"	105° 09' 02"	9° 42' 36"	105° 07' 59"	C-48-55-C-b
kênh Năm Châu	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 43' 34"	105° 08' 59"	9° 42' 02"	105° 07' 24"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Năm Đầy	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 53"	105° 09' 29"	9° 42' 06"	105° 09' 02"	C-48-55-C-b
kênh Rạch Vườn	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 43' 33"	105° 09' 02"	9° 43' 03"	105° 08' 51"	C-48-55-C-b
Kênh Tư	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 40' 37"	105° 09' 27"	9° 41' 17"	105° 08' 18"	C-48-55-C-b
kênh Tư Khương	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 30"	105° 09' 12"	9° 41' 00"	105° 09' 57"	C-48-55-C-b
kênh Vĩnh Thái	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 58"	105° 10' 02"	9° 39' 35"	105° 08' 06"	C-48-55-C-b
kênh Xẻo Cạn	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 44' 42"	105° 10' 20"	9° 40' 20"	105° 07' 26"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Xẻo Kè	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 44' 03"	105° 11' 17"	9° 41' 58"	105° 10' 02"	C-48-55-C-b
sông Cái Lớn	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b
ấp Hoả Ngọn	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 43' 32"	105° 07' 52"					C-48-55-C-a
ấp Hoả Ngọn A	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 43' 59"	105° 07' 02"					C-48-55-C-a
ấp Hoả Vàm	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 45' 24"	105° 08' 46"					C-48-55-A-d
ấp Hoả Vàm A	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 44' 58"	105° 08' 46"					C-48-55-A-d
ấp Lê Minh Bằng	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 42' 19"	105° 05' 57"					C-48-55-C-a
ấp Xẻo Lùng	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 44' 39"	105° 09' 24"					C-48-55-C-b
ấp Xẻo Lùng A	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 44' 09"	105° 08' 31"					C-48-55-C-b
Quốc lộ 63	KX	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường tỉnh 966	KX	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 40' 20"	105° 07' 27"	9° 49' 44"	105° 04' 29"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b; C-48-55-A-d
cầu Bốn Thước	KX	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 41' 41"	105° 05' 26"					C-48-55-C-a
Trại giam Kênh 7	KX	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 41' 56"	105° 06' 19"					C-48-55-C-a
Kênh 50	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 43"	105° 03' 52"	9° 44' 23"	105° 07' 35"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Bà Hương	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 23"	105° 07' 35"	9° 44' 32"	105° 08' 49"	C-48-55-C-b
kênh Ba Sáng Mới	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 42' 56"	105° 06' 22"	9° 42' 07"	105° 07' 30"	C-48-55-C-a
kênh Bốn Thước	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 58"	105° 06' 28"	9° 41' 41"	105° 05' 25"	C-48-55-C-a
kênh Bụi Gừa	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 12"	105° 06' 00"	9° 43' 13"	105° 08' 00"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Cựa Gà	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 48"	105° 10' 11"	9° 43' 34"	105° 08' 59"	C-48-55-C-b
kênh Hai Ánh	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 17"	105° 08' 00"	9° 42' 38"	105° 08' 02"	C-48-55-C-b
kênh Hai Công	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 45' 41"	105° 06' 57"	9° 46' 09"	105° 08' 34"	C-48-55-A-d
kênh Hóc Hoà	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 28"	105° 08' 49"	9° 45' 47"	105° 08' 48"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-b
kênh Lầm Thiệt	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 10"	105° 04' 52"	9° 44' 28"	105° 08' 49"	C-48-55-C-b
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-a
kênh Liên Lạc	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 45"	105° 08' 49"	9° 44' 37"	105° 09' 48"	C-48-55-C-b
kênh Lung Bà Cối	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 36"	105° 08' 05"	9° 43' 47"	105° 08' 54"	C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Lý Thông	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 57"	105° 07' 17"	9° 45' 00"	105° 08' 49"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Miếu Ông Tà	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 13"	105° 08' 00"	9° 43' 52"	105° 08' 09"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Năm Châu	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 34"	105° 08' 59"	9° 42' 02"	105° 07' 24"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Thứ Hai	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 45' 29"	105° 08' 48"	9° 49' 46"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Trâu Chết	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 34"	105° 08' 59"	9° 44' 28"	105° 08' 49"	C-48-55-C-b
kênh Từ Cúc	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 57"	105° 07' 40"	9° 43' 13"	105° 07' 35"	C-48-55-C-b
kênh Xẻo Lũng	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 47"	105° 08' 54"	9° 44' 51"	105° 10' 05"	C-48-55-C-b
lũng Xẻo Đước	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 56"	105° 07' 46"	9° 45' 20"	105° 07' 07"	C-48-55-C-b
sông Cái Lớn	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b; C-48-55-A-d
ấp Cây Bàng	DC	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng	9° 39' 27"	105° 09' 42"					C-48-55-C-b
ấp Hoà Bình	DC	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng	9° 40' 39"	105° 09' 28"					C-48-55-C-b
ấp Lô 12	DC	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng	9° 38' 44"	105° 10' 26"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng	9° 39' 00"	105° 08' 44"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng	9° 40' 07"	105° 11' 11"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng	9° 38' 18"	105° 09' 41"					C-48-55-C-b
Quốc lộ 63	KX	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
Kênh 3	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 40' 43"	105° 09' 50"	9° 42' 08"	105° 07' 31"	C-48-55-C-b
kênh Ba Hón	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 38' 40"	105° 10' 56"	9° 36' 26"	105° 10' 16"	C-48-55-C-b
kênh Cây Bàng	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 39' 32"	105° 09' 17"	9° 38' 45"	105° 09' 48"	C-48-55-C-b
kênh Chông Mỹ	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 40' 12"	105° 11' 16"	9° 41' 41"	105° 11' 35"	C-48-55-C-b
kênh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 38' 32"	105° 11' 34"	9° 40' 12"	105° 11' 17"	C-48-55-C-b
Kênh Giữa	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 38' 48"	105° 10' 17"	9° 39' 18"	105° 11' 31"	C-48-55-C-b
kênh Gò Đất 2	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 41' 16"	105° 10' 16"	9° 41' 51"	105° 09' 27"	C-48-55-C-b
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Lô 12	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 38' 25"	105° 12' 08"	9° 38' 45"	105° 09' 48"	C-48-55-C-b
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 40' 34"	105° 09' 25"	9° 41' 42"	105° 10' 48"	C-48-55-C-b
Kênh Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 39' 32"	105° 09' 17"	9° 40' 34"	105° 09' 25"	C-48-55-C-b
kênh Sáu Sanh	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 39' 29"	105° 09' 40"	9° 40' 12"	105° 11' 18"	C-48-55-C-b
kênh Tám Mang	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 38' 40"	105° 10' 56"	9° 38' 03"	105° 10' 46"	C-48-55-C-b
Kênh Tư	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 40' 37"	105° 09' 27"	9° 41' 17"	105° 08' 18"	C-48-55-C-b
kênh Tư Khương	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 41' 30"	105° 09' 12"	9° 41' 00"	105° 09' 57"	C-48-55-C-b
kênh Tư Tôn	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 38' 24"	105° 10' 17"	9° 38' 03"	105° 10' 46"	C-48-55-C-b
kênh Vĩnh Thái	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 41' 58"	105° 10' 02"	9° 39' 35"	105° 08' 06"	C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Vĩnh Tiến	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 38' 45"	105° 09' 48"	9° 37' 41"	105° 09' 27"	C-48-55-C-b
lưng Bà Tư Được	TV	xã Vĩnh Hoà	H. U Minh Thượng			9° 40' 02"	105° 08' 28"	9° 39' 02"	105° 08' 40"	C-48-55-C-b
khu phố Vĩnh Đông 1	DC	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 46"	105° 15' 30"					C-48-55-D-c
khu phố Vĩnh Đông 2	DC	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 40"	105° 15' 25"					C-48-55-D-c
khu phố Vĩnh Phước 1	DC	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 33"	105° 15' 08"					C-48-55-C-d
khu phố Vĩnh Phước 2	DC	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 45"	105° 15' 17"					C-48-55-D-c
cầu Vĩnh Thuận	KX	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 38"	105° 15' 17"					C-48-55-D-c
cổng Bà Bang	KX	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 42"	105° 14' 22"					C-48-67-A-b
miếu Ông Tà	KX	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 48"	105° 16' 26"					C-48-67-B-a
Quốc lộ 63	KX	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b; C-48-55-D-c
Kênh 1000	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 04"	105° 14' 55"	9° 30' 33"	105° 14' 24"	C-48-55-C-d
Kênh 500	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 33"	105° 13' 24"	C-48-55-C-d
kênh Bà Đàm	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 28"	105° 16' 27"	9° 31' 46"	105° 16' 27"	C-48-55-D-c
kênh Cạnh Đèn-Phó Sinh	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 38"	105° 17' 29"	9° 30' 46"	105° 15' 26"	C-48-55-D-c; C-48-67-B-a
kênh Đường Sân	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 39"	105° 15' 53"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Làng Thứ Bảy	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Lung Lớn	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 48"	105° 16' 04"	9° 28' 04"	105° 13' 52"	C-48-67-B-a
kênh Rọc Môn	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 19"	105° 15' 52"	9° 30' 27"	105° 17' 56"	C-48-55-D-c
kênh Ruột Xã	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 44"	105° 16' 25"	9° 25' 03"	105° 14' 00"	C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Thân Đồi	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 50"	105° 15' 54"	9° 30' 06"	105° 14' 45"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Thuỷ Lợi	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 54"	105° 16' 27"	9° 30' 19"	105° 15' 52"	C-48-55-D-c
kênh Thuỷ Lợi	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 42"	105° 15' 16"	9° 31' 04"	105° 14' 55"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Xáng Chắc Bàng	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c; C-48-67-A-b
rạch Miếu Ông Tà	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 38"	105° 15' 51"	9° 29' 38"	105° 16' 22"	C-48-67-B-a
rạch Rọc Môn	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 20"	105° 16' 26"	9° 30' 21"	105° 15' 54"	C-48-55-D-c
rạch Xèo Gõ	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 14"	105° 15' 54"	9° 33' 31"	105° 18' 17"	C-48-55-D-c
ấp Bình Minh	DC	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 15"	105° 11' 05"					C-48-55-C-d
ấp Bời Lời B	DC	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 58"	105° 12' 50"					C-48-55-C-d
ấp Cái Nứa	DC	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận	9° 35' 59"	105° 13' 41"					C-48-55-C-d
Quốc lộ 63	KX	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-d
Kênh 4 Thước	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 03"	105° 12' 51"	9° 33' 59"	105° 12' 47"	C-48-55-C-d
Kênh 500	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 33"	105° 13' 24"	C-48-55-C-d
kênh Bộ Đạm	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 15"	105° 14' 59"	9° 32' 17"	105° 14' 39"	C-48-55-C-d
kênh Bời Lời	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 32"	9° 33' 15"	105° 14' 59"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Cả Chợ	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 17"	105° 14' 39"	9° 33' 59"	105° 12' 47"	C-48-55-C-d
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 18"	105° 11' 00"	9° 36' 00"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lô A Nhỏ	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 52"	105° 12' 34"	9° 36' 02"	105° 13' 19"	C-48-55-C-d
kênh Lung Năng	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 35' 08"	105° 13' 27"	9° 35' 25"	105° 14' 28"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Năm Thành	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 20"	105° 14' 17"	9° 32' 50"	105° 14' 01"	C-48-55-C-d
kênh Nhà Đồng	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 41"	105° 12' 48"	9° 34' 43"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Phủ Nhựt	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 23"	105° 15' 16"	9° 33' 59"	105° 12' 47"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Thầy Ký	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 02"	105° 13' 29"	9° 34' 01"	105° 13' 26"	C-48-55-C-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 50"	105° 15' 02"	9° 33' 56"	105° 14' 01"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Tư Hối	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 00"	105° 16' 29"	9° 33' 31"	105° 14' 33"	C-48-55-C-d
kênh Tư Quyểu	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 02"	105° 14' 01"	9° 38' 31"	105° 13' 27"	C-48-55-C-d
kênh Xã Đại	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 38"	105° 12' 22"	9° 36' 03"	105° 12' 23"	C-48-55-C-d
ấp Cái Chanh	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 33"	105° 19' 16"					C-48-55-D-c
ấp Cái Nhum	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 33"	105° 17' 18"					C-48-55-D-c
ấp Ruộng Sạ 2	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 27"	105° 16' 44"					C-48-67-B-a
ấp Thạnh Đông	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 26"	105° 18' 16"					C-48-55-D-c
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 28"	105° 17' 15"					C-48-55-D-c
cầu Bến Luông	KX	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 41"	105° 19' 08"					C-48-55-D-c
chùa Chắc Bạng	KX	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 24"	105° 17' 16"					C-48-55-D-c
kênh Bà Đàm	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 28"	105° 16' 27"	9° 31' 46"	105° 16' 27"	C-48-55-D-c
kênh Ba Luông	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 29"	105° 17' 14"	9° 31' 50"	105° 17' 00"	C-48-55-D-c
kênh Cạnh Đèn-Phổ Sinh	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 38"	105° 17' 29"	9° 30' 46"	105° 15' 26"	C-48-67-B-a
kênh Cổng Chùa	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 26"	105° 18' 01"	9° 32' 35"	105° 17' 18"	C-48-55-D-c
kênh Ông Ký	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 54"	105° 16' 27"	9° 32' 09"	105° 17' 17"	C-48-55-D-c
kênh Ông Sãi	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 10"	105° 17' 47"	9° 32' 26"	105° 18' 33"	C-48-55-D-c
kênh Rọc Môn	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 19"	105° 15' 52"	9° 30' 27"	105° 17' 56"	C-48-55-D-c
kênh So Le	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 27"	105° 18' 33"	9° 33' 28"	105° 18' 13"	C-48-55-D-c
kênh Xáng Chắc Bạng	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-55-D-c
sông Cái Chanh Bé	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 12"	105° 17' 25"	9° 30' 27"	105° 17' 56"	C-48-55-D-c; C-48-67-B-a
sông Cái Chanh Lớn	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 27"	105° 17' 56"	9° 33' 31"	105° 18' 19"	C-48-55-D-c; C-48-67-B-a
ấp Kinh 1	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 03"	105° 11' 51"					C-48-55-C-d
ấp Kinh 1A	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 00"	105° 12' 52"					C-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Kinh 2	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 31' 12"	105° 11' 28"					C-48-55-C-d
ấp Kinh 2A	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 20"	105° 12' 44"					C-48-55-C-d
ấp Lò Rèn	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 13"	105° 11' 55"					C-48-55-C-d
ấp Thắng Lợi	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 34' 08"	105° 12' 03"					C-48-55-C-d
ấp Vĩnh Lộc 1	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 39"	105° 14' 15"					C-48-55-C-d
ấp Vĩnh Lộc 2	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 31"	105° 13' 48"					C-48-55-C-d
Kênh 1	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 07"	105° 14' 45"	9° 33' 41"	105° 11' 07"	C-48-55-C-d
Kênh 2	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 20"	105° 13' 57"	9° 32' 52"	105° 09' 27"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 500	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 33"	105° 13' 24"	C-48-55-C-d
Kênh 4000	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 05"	105° 12' 22"	9° 29' 12"	105° 10' 39"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 8000	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 44"	105° 08' 06"	9° 34' 58"	105° 12' 00"	C-48-55-C-d
kênh Cô Bạch	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 46"	105° 11' 52"	9° 35' 30"	105° 11' 36"	C-48-55-C-d
Kênh Giữa	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 07"	105° 13' 21"	9° 34' 02"	105° 11' 22"	C-48-55-C-d
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lò Rèn	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 45"	105° 14' 22"	9° 33' 16"	105° 10' 49"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
kênh Thủy Lợi 1	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 43"	105° 12' 43"	9° 32' 52"	105° 10' 32"	C-48-55-C-d
kênh Xáng Chắc Băng	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Lung Rộc	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 01"	105° 11' 41"	9° 31' 31"	105° 10' 58"	C-48-55-C-d
ấp Ba Đình	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 38' 23"	105° 17' 05"					C-48-55-D-a
ấp Bình Hoà	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 39' 36"	105° 13' 58"					C-48-55-C-b
ấp Bình Minh	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 21"	105° 11' 01"					C-48-55-C-d
ấp Đồng Tranh	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 11"	105° 15' 23"					C-48-55-D-c
ấp Hiệp Hoà	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 38' 03"	105° 13' 34"					C-48-55-C-b
ấp Hoà Thạnh	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 13"	105° 12' 24"					C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Nước Chảy	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 58"	105° 16' 11"					C-48-55-D-a
ấp Tân Bình	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 01"	105° 16' 32"					C-48-55-D-c
ấp Xẻo Gia	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 40' 47"	105° 15' 28"					C-48-55-D-a
Quốc lộ 63	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-d
chợ Ba Đình	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 38' 21"	105° 17' 29"					C-48-55-D-a
chợ Kè Một	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 38' 28"	105° 13' 26"					C-48-55-C-b
chùa Đồng Tranh	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 44"	105° 15' 36"					C-48-55-D-c
miếu Nước Chảy	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 50"	105° 16' 32"					C-48-55-D-a
kênh Ba Hớn	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 40"	105° 10' 56"	9° 36' 26"	105° 10' 16"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Bảy Quẹo	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 06"	105° 12' 13"	9° 38' 31"	105° 13' 16"	C-48-55-C-b
kênh Bộ Bán	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 40' 21"	105° 14' 50"	9° 40' 55"	105° 14' 54"	C-48-55-C-b
kênh Bờ Dừa	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 37' 45"	105° 16' 49"	9° 36' 18"	105° 16' 23"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
kênh Cột Cờ	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 31"	105° 13' 54"	9° 36' 37"	105° 15' 22"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
Kênh Cũ	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 57"	105° 13' 33"	9° 39' 50"	105° 13' 13"	C-48-55-C-b
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 18"	105° 11' 00"	9° 36' 00"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lô 8	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 06"	105° 12' 09"	9° 38' 29"	105° 11' 46"	C-48-55-C-b; C-48-55-C-d
kênh Lô A	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 03"	105° 12' 42"	9° 38' 25"	105° 12' 08"	C-48-55-C-b; C-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Lô A Nhỏ	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 52"	105° 12' 34"	9° 36' 02"	105° 13' 19"	C-48-55-C-d
kênh Lộ Mới	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 28"	105° 14' 44"	9° 41' 13"	105° 13' 47"	C-48-55-C-b
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 05"	105° 15' 37"	9° 38' 28"	105° 14' 44"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
kênh Mười Xôm	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 18"	105° 11' 00"	9° 37' 51"	105° 10' 42"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Ô Môi	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 39' 24"	105° 13' 57"	9° 40' 09"	105° 16' 25"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
kênh Tập Đoàn	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 04"	105° 12' 13"	9° 37' 54"	105° 11' 43"	C-48-55-C-b
kênh Thầy Chín	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 39' 50"	105° 13' 13"	9° 41' 13"	105° 13' 47"	C-48-55-C-b
kênh Tiên Tiến	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 37' 50"	105° 14' 56"	9° 36' 51"	105° 12' 32"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Trường Toà	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 39' 19"	105° 16' 34"	9° 39' 51"	105° 17' 02"	C-48-55-D-a
kênh Tư Quyều	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 02"	105° 14' 01"	9° 38' 31"	105° 13' 27"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Xáng Ba Đình	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 32"	105° 11' 34"	9° 38' 20"	105° 17' 28"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
lung Tư Cự	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 38"	105° 12' 35"	9° 36' 14"	105° 11' 30"	C-48-55-C-d
rạch Cái Nứa	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 24"	9° 36' 13"	105° 17' 04"	C-48-55-D-c
rạch Đồng Tranh	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 13"	105° 15' 50"	9° 37' 54"	105° 15' 13"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
rạch Kè Một	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 31"	105° 13' 27"	9° 40' 33"	105° 13' 45"	C-48-55-C-b
rạch Nước Chảy	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 37' 50"	105° 14' 56"	9° 37' 41"	105° 17' 05"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
rạch Xẻo Gia	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 40' 50"	105° 15' 11"	9° 39' 39"	105° 15' 12"	C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 31"	105° 18' 19"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
ấp Bình Phong	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 40"	105° 17' 21"					C-48-55-D-c
ấp Bình Thành	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 00"	105° 15' 33"					C-48-55-D-c
ấp Bời Lời A	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 01"	105° 15' 34"					C-48-55-D-c
ấp Hoà Thành	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 35' 15"	105° 17' 28"					C-48-55-D-c
ấp Tân Phong	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 09"	105° 17' 29"					C-48-55-D-c
hội quán Hưng Bình Tự	KX	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 35' 56"	105° 15' 45"					C-48-55-D-c
thánh thất Ngọc Huỳnh Đàn	KX	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 03"	105° 15' 24"					C-48-55-D-c
Kênh 5	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 49"	105° 17' 18"	9° 33' 47"	105° 18' 20"	C-48-55-D-c
kênh Bảy Chì	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 47"	105° 14' 53"	9° 32' 09"	105° 15' 54"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Bộ Đạm	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 15"	105° 14' 59"	9° 32' 17"	105° 14' 39"	C-48-55-C-d
kênh Bời Lời	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 32"	9° 33' 15"	105° 14' 59"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Cột Cờ	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 31"	105° 13' 54"	9° 36' 37"	105° 15' 22"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Cựa Gà	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 08"	105° 14' 58"	9° 31' 41"	105° 15' 32"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Đồng Năng	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 35' 59"	105° 15' 46"	9° 34' 16"	105° 16' 11"	C-48-55-D-c
kênh Đường Sân	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 39"	105° 15' 53"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 18"	105° 11' 00"	9° 36' 00"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Ký Ưống	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 22"	105° 17' 18"	9° 34' 42"	105° 18' 09"	C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 05"	105° 15' 37"	9° 38' 28"	105° 14' 44"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 24"	9° 35' 46"	105° 17' 18"	C-48-55-D-c
kênh Nhà Đồng	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 41"	105° 12' 48"	9° 34' 43"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Phú Nhứt	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 20"	105° 15' 15"	9° 34' 22"	105° 17' 18"	C-48-55-D-c
kênh Rọc Chăm	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 56"	105° 16' 59"	9° 34' 22"	105° 17' 18"	C-48-55-D-c
kênh Tám Nhiều	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 16"	105° 16' 00"	9° 32' 51"	105° 16' 47"	C-48-55-D-c
kênh Tư Hối	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 00"	105° 16' 29"	9° 33' 31"	105° 14' 33"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Tư Quyểu	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 02"	105° 14' 01"	9° 38' 31"	105° 13' 27"	C-48-55-C-d
kênh Xáng Chắc Bàng	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-55-D-c
rạch Cái Nứa	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 24"	9° 36' 13"	105° 17' 04"	C-48-55-D-c
rạch Xẻo Gổ	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 14"	105° 15' 54"	9° 33' 31"	105° 18' 17"	C-48-55-D-c
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 31"	105° 18' 19"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-D-c
ấp Căn Cứ	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 26' 14"	105° 17' 32"					C-48-67-B-a
ấp Cạnh Đền	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 35"	105° 17' 22"					C-48-67-B-a
ấp Cạnh Đền 1	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 12"	105° 16' 32"					C-48-67-B-a
ấp Cạnh Đền 2	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 25' 27"	105° 16' 17"					C-48-67-B-a
ấp Cạnh Đền 3	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 24' 35"	105° 15' 55"					C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
ấp Đập Đá 1	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 30"	105° 12' 05"					C-48-67-A-b
ấp Đập Đá 2	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 26' 54"	105° 11' 27"					C-48-67-A-b
ấp Ruộng Sạ 1	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 09"	105° 16' 56"					C-48-67-B-a
ấp Thị Mỹ	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 23' 27"	105° 17' 31"					C-48-67-B-a
ấp Vĩnh Tây 1	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 26"	105° 14' 07"					C-48-67-A-b
ấp Vĩnh Tây 2	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 44"	105° 13' 27"					C-48-67-A-b
Quốc lộ 63	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-67-A-b
cầu Xẻo Lộp	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 41"	105° 17' 24"					C-48-67-B-a
chùa Kênh 2	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 19"	105° 14' 00"					C-48-67-A-b
chùa Vĩnh Thới	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 15"	105° 12' 53"					C-48-67-A-b
cổng Bà Bang	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 42"	105° 14' 22"					C-48-67-A-b
cổng Ông Cả	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 00"	105° 13' 38"					C-48-67-A-b
đình Nguyễn Trung Trực	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 24"	105° 17' 20"					C-48-67-B-a
kênh 1 Hàng	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 14"	105° 16' 13"	9° 28' 11"	105° 12' 45"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh 2 Hàng	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 57"	105° 13' 51"	9° 27' 54"	105° 12' 29"	C-48-67-A-b
kênh 3 Hàng	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 42"	105° 13' 34"	9° 27' 37"	105° 12' 11"	C-48-67-A-b
Kênh 5	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 10"	105° 13' 44"	9° 27' 11"	105° 11' 43"	C-48-67-A-b
Kênh 6	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 41"	105° 13' 27"	9° 26' 58"	105° 11' 30"	C-48-67-A-b
Kênh 80	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 23' 21"	105° 17' 35"	9° 24' 23"	105° 15' 51"	C-48-67-B-a
Kênh 2000	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 12"	105° 12' 10"	9° 26' 49"	105° 12' 48"	C-48-67-A-b
kênh Bà Bang	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 16"	105° 14' 43"	9° 29' 43"	105° 14' 21"	C-48-67-A-b
kênh Bà Bang	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 30"	105° 16' 54"	9° 27' 40"	105° 15' 29"	C-48-67-B-a
kênh Bà Bang	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 47"	105° 16' 14"	9° 29' 16"	105° 14' 43"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Bà Sáu	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 24' 44"	105° 16' 01"	9° 25' 31"	105° 14' 49"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Bạch Ngưu	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 24' 01"	105° 15' 38"	9° 27' 12"	105° 17' 25"	C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Bờ Dừa	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 55"	105° 16' 48"	9° 28' 25"	105° 17' 27"	C-48-67-B-a
kênh Bờ Dừa	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 50"	105° 13' 31"	9° 25' 23"	105° 15' 02"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Cả Nhẹ	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 14"	105° 16' 24"	9° 28' 04"	105° 14' 34"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Cạnh Đền- Phó Sinh	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 38"	105° 17' 29"	9° 30' 46"	105° 15' 26"	C-48-67-B-a
kênh Chín Đầu	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 30"	105° 16' 33"	9° 26' 00"	105° 17' 37"	C-48-67-B-a
kênh Cô Chín	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 24' 06"	105° 17' 58"	9° 23' 23"	105° 17' 31"	C-48-67-B-a
kênh Hai Tỷ	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 14"	105° 16' 54"	9° 29' 14"	105° 16' 10"	C-48-67-B-a
kênh Liếp Vườn	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 23' 00"	105° 19' 03"	9° 24' 49"	105° 18' 29"	C-48-67-B-a
kênh Lung Ba Thiền	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 33"	105° 14' 11"	9° 28' 50"	105° 13' 39"	C-48-67-A-b
kênh Lung Lớn	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 48"	105° 16' 04"	9° 28' 04"	105° 13' 52"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Mười Lâu	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 23' 25"	105° 18' 55"	9° 24' 44"	105° 16' 02"	C-48-67-B-a
kênh Ngang 1000	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 51"	105° 13' 14"	9° 26' 38"	105° 12' 00"	C-48-67-A-b
kênh Ông Cả	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 06"	105° 16' 37"	9° 29' 00"	105° 13' 38"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Ông Sư	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 07"	105° 14' 08"	9° 28' 52"	105° 13' 28"	C-48-67-A-b
kênh Ranh Hạt	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 28"	105° 05' 12"	9° 24' 01"	105° 15' 38"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Ruột Xã	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 44"	105° 16' 25"	9° 25' 03"	105° 14' 00"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Sông Cũ	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 31"	105° 18' 03"	9° 27' 11"	105° 17' 25"	C-48-67-B-a
kênh Thầy Hóm	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 01"	105° 16' 34"	9° 26' 42"	105° 13' 34"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
Kênh Tư	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 49"	105° 14' 20"	9° 26' 20"	105° 13' 33"	C-48-67-A-b
Kênh Tư	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 24' 24"	105° 15' 51"	9° 27' 24"	105° 11' 57"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Xáng Chắc Băng	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-67-A-b
kênh Xẻo Lộp	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 48"	105° 16' 04"	9° 28' 41"	105° 17' 25"	C-48-67-B-a
lung Rọc Dài	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 35"	105° 13' 08"	9° 27' 37"	105° 13' 01"	C-48-67-A-b
Rạch Đình	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 26"	105° 17' 19"	9° 28' 08"	105° 16' 13"	C-48-67-B-a
rạch Ngã Ba	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 08"	105° 16' 13"	9° 28' 17"	105° 14' 59"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
rạch Ngã Cạy	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 30"	105° 16' 54"	9° 27' 00"	105° 15' 42"	C-48-67-B-a
rạch Ông Huê	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 46"	105° 17' 28"	9° 26' 39"	105° 17' 02"	C-48-67-B-a
rọc Kênh Trời	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 37"	105° 13' 01"	9° 28' 19"	105° 12' 53"	C-48-67-A-b
sông Cái Chanh Bé	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 12"	105° 17' 25"	9° 30' 27"	105° 17' 56"	C-48-67-B-a
ấp Bờ Xáng	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 35"	105° 12' 06"					C-48-67-A-b
ấp Đồn Dong	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 30"	105° 10' 35"					C-48-67-A-b
ấp Kinh 3	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 12"	105° 11' 38"					C-48-55-C-d
ấp Kinh 9	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 03"	105° 09' 45"					C-48-67-A-b
ấp Kinh 11	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 39"	105° 09' 43"					C-48-67-A-b
ấp Kinh 13	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 27"	105° 09' 27"					C-48-67-A-b
ấp Kinh 14	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 20"	105° 10' 26"					C-48-67-A-b
ấp Ranh Hat	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 00"	105° 11' 31"					C-48-67-A-b
ấp Vĩnh Trinh	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 32"	105° 13' 04"					C-48-67-A-b
chợ Đập Đá	KX	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 22"	105° 11' 52"					C-48-67-A-b
Kênh 3	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 44"	105° 13' 19"	9° 31' 53"	105° 09' 51"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 5	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 09"	105° 11' 41"	9° 27' 46"	105° 10' 42"	C-48-67-A-b
Kênh 9 Lớn	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 57"	105° 11' 29"	9° 30' 15"	105° 06' 11"	C-48-67-A-b
Kênh 11	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 20"	105° 11' 53"	9° 29' 36"	105° 08' 15"	C-48-67-A-b
Kênh 12	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 32"	105° 12' 03"	9° 29' 49"	105° 08' 24"	C-48-67-A-b
Kênh 13	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 43"	105° 12' 16"	9° 30' 11"	105° 08' 20"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 14	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 56"	105° 12' 30"	9° 30' 32"	105° 08' 41"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 2000	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 35"	105° 10' 30"	9° 28' 35"	105° 11' 32"	C-48-67-A-b
Kênh 4000	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 05"	105° 12' 22"	9° 29' 12"	105° 10' 39"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 4000	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 11"	105° 10' 40"	9° 28' 09"	105° 09' 34"	C-48-67-A-b
Kênh 8000	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 44"	105° 08' 06"	9° 34' 58"	105° 12' 00"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
kênh Đồn Dong	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 05"	105° 12' 06"	9° 31' 26"	105° 09' 32"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
kênh Ranh Hat	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 28"	105° 05' 12"	9° 24' 01"	105° 15' 38"	C-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút, giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	Vĩ độ (độ,phút, giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	Vĩ độ (độ,phút, giây)	Kinh độ (độ,phút, giây)	
kênh Thủy Lợi	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 16"	105° 12' 49"	9° 30' 53"	105° 09' 09"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
kênh Xáng Chắc	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-67-A-b

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa